

THIÊN KHÍ NHƯ HUYỄN BÌNH
ĐỒ ĐÌNH ĐỒNG DỊCH

TIẾNG SÁO THÉP
(100 CÔNG ÁN THIỀN)

Cùng người dịch:

Đã in:

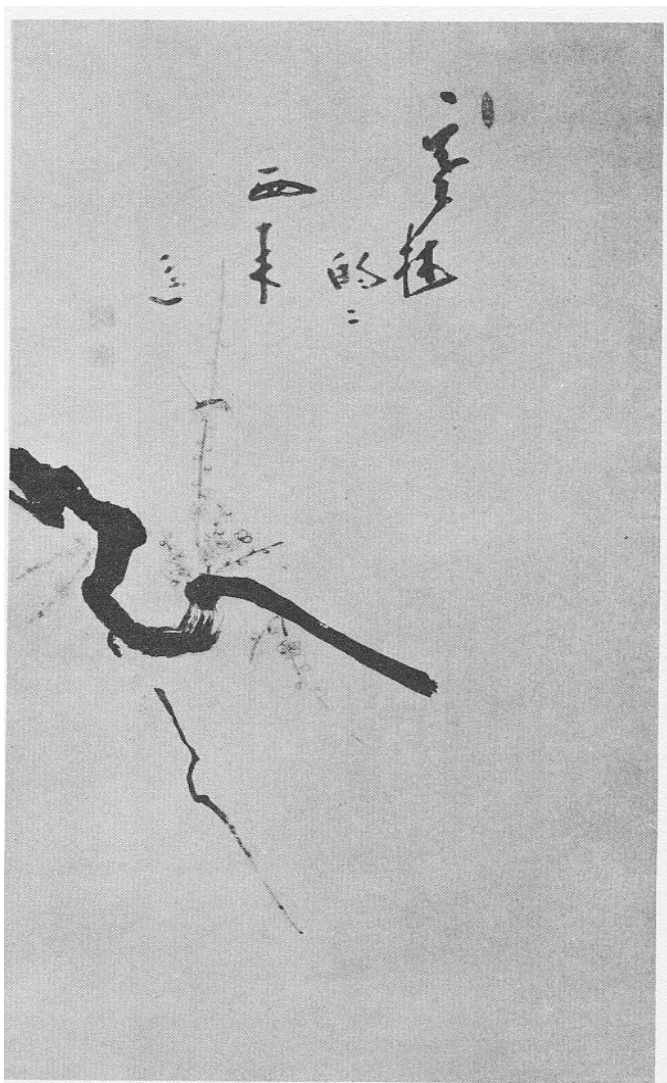
<i>Góp Nhặt Cát Đá</i>	<i>Thiền sư Muju</i>
<i>Milarepa, Con Người Siêu Việt</i>	<i>Rechung</i>
<i>Gửi Lại Trần Gian</i>	<i>Milarepa</i>
<i>Ca Ngợi Cô Đơn</i>	<i>Kahlil Gibran</i>
<i>Ba Trụ Thiền (1991)</i>	<i>Philip Kapleau</i>

Ấn bản điện tử (e-books):

<i>Đạo Bước Vườn Thiền</i>	<i>Đỗ Đình Đồng góp nhặt</i>
<i>Tiếng Sáo Thép</i>	<i>Thiền Khi Như Huyền</i>
<i>(100 công án Thiền)</i>	
<i>Ba Trụ Thiền (2011)</i>	<i>Philip Kapleau</i>
<i>Trung Luận</i>	<i>Bồ-tát Long Thọ</i>

Đang dịch:

<i>Mila Grubum</i>	
<i>(Trăm Ngàn Đạo Ca của</i>	<i>Jetsun Milarepa</i>
<i>Milarepa)</i>	



Hàn Mai Địch Địch Tây Lai Ý

Phụ bản: Tranh và Thơ Hoa Mai của Bạch Ân

Lời Người Dịch

Từ khi Thiền sư Phật Quả Viên Ngộ (1063-1135) bình và tụng 100 tắc trong Tuyết Đậu Tụng Cổ của Tuyết Đậu Trùng Hiên (908-1052), Bích Nham Lục thành hình và lưu hành rộng rãi trong giới học Thiền xưa cũng như nay. Bích Nham Lục đã có lần là trở ngại lớn cho người tham thiền và cũng trải qua trở ngại lớn. Trở ngại lớn vì văn chương trác việt, ý đạo thâm huyền, người học khó thấy lối thoát ra chỉ vì bám vào chữ và nghĩa. Thấy rõ cái nguy đó, Đại Huệ Tông Cảo (1069-1163), người thừa kế Pháp của Phật Quả Viên Ngộ, đã thu góp hầu hết các bản in lưu hành thời bấy giờ, chắt thành đống trước cửa chùa, cho một mối lửa đốt sạch, khiến sách hầu như thất truyền trong một thời gian, nên gọi là trải qua trở ngại lớn.

Đốt Bích Nham Lục chỉ là một trong những việc làm chấn động để cảnh tỉnh người tham học đương thời và cũng cho các thế hệ sau. Mặt khác, khi còn hành cước cũng như lúc dừng trụ để dạy chúng, Đại Huệ đã mãnh liệt tấn công những người tu pháp môn mặc chiếu của tông Tào Động đã hiểu và thực hành sai, gọi đó là “mặc chiếu tà thiền.” Đối thủ lớn của sư là Hoàng Trí Chánh Giác (1091-1157), thuộc dòng Tào Động, đã chọn 100 tắc, làm tụng cho mỗi tắc, gọi là “Tụng Cổ Bách Tắc.” Tác phẩm này tương tự như tác phẩm của Tuyết Đậu, và sau đó được Vạn Tùng Hành Tú, cũng thuộc dòng Tào Động, đem ra bình và tụng từng tắc một, giống như Phật Quả Viên Ngộ đã làm đối với Tuyết Đậu Tụng Cổ. Từ đó giới học Thiền có thêm Thung Dung Lục, là tập công án thiền đầu tiên của tông Tào Động, cho đến ngày nay nó vẫn còn được dùng

song song với Bích Nham Lục, Vô Môn Quan, Truyền Quang Lục . . . trong giới dạy và học Thiền ở Nhật.

Tiếng Sáo Thép, hay **Thiết Định Đảo Xuy**, cũng được hình thành tương tự như Bích Nham Lục và Thung Dung Lục. Nguyên gốc tác phẩm này là của Genro, một Thiền sư thuộc dòng Thiền Tào Động Nhật, viết và xuất bản vào năm 1783, cũng chọn 100 câu chuyện hay **tắc**, làm tụng và lời bình cho mỗi chuyện. Hầu hết các câu chuyện và lời bình và tụng trong tác phẩm này khác hẳn với những công án đã có trong các tác phẩm nói trên. Thêm vào đó còn có lời nhận xét riêng, câu đối câu, của Thiền sư Fugai, người thừa kế Pháp của Genro, tất cả ngắn gọn, hàm súc và bắn đúng tâm điểm.

Gần đây, **Thiết Định Đảo Xuy** được **Thiên Khi Như Huyền** (Nyogen Senzaki, 1876-1958), một đệ tử nổi Pháp của **Hồng Nhạc Tông Diễn** (Kogaku Soen) -- cũng gọi là **Thích Tông Diễn** (Soen Shaku), thuộc dòng Thiền Bạch Ẩn Nhật bản và cũng là Thiền sư đầu tiên đến châu Mỹ -- dịch sang tiếng Anh từng chuyện một và kèm theo lời bình riêng của ông, vốn là để cho các đệ tử nói tiếng Anh trên đất Mỹ tham học. Việc làm này được ông bắt đầu từ năm 1939 cho đến khi nó thành tập sách này vào năm 1945. Mỗi khi ông dịch và viết lời bình xong cho một chuyện, ông đem ra đọc cho các đệ tử của ông nghe như một bài nói Pháp, rồi đưa cho người học chuyển tay nhau chép làm tài liệu để dùng riêng. Cho đến khi Ruth Trout Mccandles bắt đầu góp nhặt tất cả những gì đã có, tu sửa câu văn tiếng Anh cho ông, thì tác phẩm thành hình như hiện tại, và nhà Charles E. Tuttle Company xuất bản lần đầu tiên vào năm 1964 và tái bản lần này vào năm 2000 với nhan đề là **“The Iron Flute”**.

Thiên Khi Như Huyền kiêm thông cả *Thiền Lâm Tế* lẫn *Thiền Tào Động* và cũng thâm hiểu ba *Tạng* kinh điển Phật giáo. Ông đã từ chối danh vị *Thiền sư* và nếp sống chùa chiền *Nhật bản* để sống lang thang trên đất *Mỹ* và đã lập *Thiền đường “nổi”* của mình ngay giữa lòng thành phố *Nữu Ước* ồn náo. Vì *Thiên Khi Như Huyền* đã sống hầu hết quãng đời hành đạo của ông trên đất *Mỹ*, hiểu được tâm lý, phong tục tập quán người *Mỹ*, biết và hiểu một số tôn giáo, huyền học khác như *Sufism, Rinds, Dervishes, Meister Eckhart...* và các học thuyết triết học lớn của Tây phương như *Hegel*, hay các nhà khoa học lớn như *Albert Einstein* . . . nên lời bình của ông không những phát xuất từ nguồn *Thiền Bạch Ẩn* mà còn phù hợp với con người tu học hiện đại, giúp chúng ta hiểu *Thiền* xưa dễ hơn. Vì vậy khi dịch **The Iron Flute** sang tiếng Việt, tôi chỉ cố gắng giữ tinh thần ấy cũng như tinh thần công án thôi. Do đó, trong bản dịch tiếng Việt này, nếu có độc giả nào đem đối chiếu với nguyên văn chữ Hán của các câu chuyện hay lời nói của các sư xưa sẽ thấy có chỗ khác nhau về mặt ngôn ngữ diễn đạt hay kết cấu câu chuyện. Nhưng đó chẳng phải tham thoại đầu hay tham công án, vậy xin dành lại việc này cho nhà nghiên cứu từ và nghĩa. Vả lại, nguyên văn chữ Hán cũng có những bản khác nhau, cách đọc và hiểu của người *Nhật* và người *Việt* đối với một bản văn chữ Hán cũng có chỗ khác nhau, nhất là khi nó đã được chuyển sang một ngôn ngữ Tây phương, như tiếng Anh trong trường hợp này. Hơn nữa, khi học *Thiền* tham công án, người tham trước tiên được thầy trao cho công án, một câu, một lời của Phật, của Tổ hay các Sư xưa, rồi tập trung tất cả thân tâm mình bám lấy nó, lúc ngồi cũng như lúc nằm, lúc đứng cũng như lúc đi, lúc ngủ cũng như lúc thức, lúc làm việc cũng như lúc nghỉ ngơi . . . để trở thành một vờn thoại đầu, trong ngoài trở thành một mảnh, rồi cứ tiếp tục nữa cho

đến khi bắt chợt rơi vào chỗ xưa nay vẫn ngay dưới gót chân mình. Nếu đến được chỗ ấy, công án chẳng còn, một mảy cũng không, thân tâm thoát lạc. Há chẳng vui sao?

Frederick, ngày 22 tháng 11 năm 2000
Đỗ Đình Đồng

TỰA CỦA TÁC GIẢ

Nguyên gốc tác phẩm này là của Genro, một Thiền sư thuộc tông Tào động Nhật bản, viết và xuất bản năm 1783. Mỗi câu chuyện là một công án mà tác giả đã có lời bình và kệ đi kèm. Fugai, người thừa kế Genro, thêm nhận xét của sư, câu đối câu, vào sách của thầy. Tôi sẽ dịch các câu chuyện hay tắc, gồm cả lời bình của Genro và nhận xét của Fugai trong hầu hết các câu chuyện để tham khảo. Có khi gặp bài kệ cũng dịch để khuyến khích học tập.

Vì nhiều khi lời bình của Genro hay Fugai dẫn các tích xưa, tục cũ không quen thuộc đối với người Tây phương, tôi sẽ giải thích trong các phần bình luận của tôi.

Trừ vài câu chuyện có gốc Ấn độ, thì bối cảnh là Trung hoa trong các thời nhà Đường (620-906) và nhà Tống (930-1278), là thời đại hoàng kim của Thiền.

Thiết Dịch Đao Xuy (Tetteki Tosui) là nhan đề của nguyên tác. *Thiết Dịch* có nghĩa là “ống sáo thép”. Ống sáo thường làm bằng trúc có một lỗ để kê miệng thổi và những lỗ khác để các ngón tay sử dụng, nhưng cái ống sáo này làm bằng thép đặc chẳng có lỗ để thổi cũng chẳng có lỗ để bấm nốt. *Đao Xuy* có nghĩa là thổi ngược. Nhạc sĩ thông thường lang thang trong hàng ngũ một ban nhạc lớn sẽ không bao giờ có thể sử dụng được nhạc khí Thiền này, nhưng ai biết chơi đàn cầm không dây cũng sẽ chơi được cái ống sáo không lỗ này.

Trăng bông bênh trên ngàn thông

Và thêm đêm vắng lạnh

Khi âm xưa trong veo từ các ngón tay anh đến.

Giai điệu cổ luôn khiến người nghe rơi nước mắt,

Nhưng nhạc Thiền ở bên kia tình cảm.

Đừng chơi lại trừ phi có Đại Âm của Lão Tử đi kèm.

*Tuyệt Đậu (980-1052)
Thiền sư Trung hoa*

Lão Tử nói, “Vật dụng lớn muốn làm thành phải mất thời gian lâu. Hình tượng lớn muốn thành không phải chỉ trong vài năm. Âm thanh lớn là âm thanh siêu việt âm thanh bình thường.”*

Bây giờ quý vị biết tại sao cuốn sách này được gọi là “Ông Sáo Thép Đặc Thở Ngược.” Nó là cuốn sách nói về “Tiếng vỗ một bàn tay.”

Thiên Khi Như Huyền

*...Đại khí vẫn thành; Đại âm hi thanh; Đại tượng vô hình...
Đạo Đức Kinh, Chương 61. (Người dịch).

Mục Lục

<i>Lời Người Dịch,</i>	5
<i>Tựa của Tác Giả,</i>	9
<i>100 Công Án,</i>	15-165
<i>Tướng Niệm Thiên Khi Như Huyền,</i>	166
<i>Thích Tông Diễn Nói về Thiên Khi Như Huyền,</i>	168
<i>Vài Nét Tiểu Sử,</i>	170
<i>Thiên Khi Như Huyền Nói về Thiền Đường của Mình,</i>	172
<i>Phụ Lục I: Tham Đồng Khế ---Thạch Đầu Hy Thiên,</i>	175
<i>Phụ Lục II: Tín Tâm Minh---Tam Tổ Tăng Xán,</i>	177
<i>Phụ Lục III: Bản Đối Chiếu Các Tên Việt-Hoa-Nhật,</i>	184

Bảng Liệt Kê Các Công Án

1.	<i>Văn Thù Vào Cửa,</i>	15
2.	<i>La Sơn Khai Đường,</i>	16
3.	<i>Nam Tuyền Phật Đá,</i>	18
4.	<i>Bách Linh Chứng Đắc,</i>	19
5.	<i>Thiền Sơn Một Câu.</i>	21
6.	<i>Đầu Tử Thọ Trai,</i>	22
7.	<i>Vân Môn Tiệc ở Miếu Thần,</i>	23
8.	<i>Vân Cư Chỉ Dạy,</i>	24
9.	<i>Từ Minh Đại Ý,</i>	26
10.	<i>Dược Sơn Năm Giữ,</i>	28
11.	<i>Triệu Châu Trùm Đầu,</i>	29
12.	<i>Tam Thánh Gặp Học Nhân,</i>	31
13.	<i>Tiệm Nguyên Rèm Giấy,</i>	33
14.	<i>Bạch Vân Trắng và Đen,</i>	35
15.	<i>Đại Tùy Tu Bên Trong,</i>	37
16.	<i>Qui Sơn Thời Gian,</i>	38
17.	<i>Đại Tùy Con Rùa,</i>	40

18. *Lâm Tế Trông Tùng,* 41
19. *Triệu Châu Viếng Chùa,* 41
20. *Đức Sơn Hiền Đức Ngày Xưa,* 43
21. *Phân Dương Cây Gậy,* 44
22. *Ba Lăng Mật Truyền,* 45
23. *Tuyết Phong Chặt Cây,* 4
24. *Nam Tuyên Tuổi Phật,* 47
25. *Nham Đầu Thùng Nước,* 42
26. *Tuyết Phong Chính Xác,* 49
27. *Ngưỡng Sơn Ngàn Muôn Cảnh,* 50
28. *Long Nha Cảnh Giới Vô Thượng,* 51
29. *Ngưỡng Sơn Chào Thầy,* 53
30. *Thái Tông Nằm Mộng,* 54
31. *Qui Sơn Gọi Hai Tăng Chức,* 55
32. *Phân Dương Trùng Phạt Hư Không,* 56
33. *Dược Sơn Vấn Đề,* 57
34. *Tuyết Phong Thấy Phật Tánh,* 58
35. *Lợi Tung Bài Thơ,* 59
36. *Sau Khi Chết Gặp Nhau Ở Đâu,* 61
37. *Tuyết Phong Thánh Tĩnh,* 62
38. *Ra Đi và Trở Lại,* 63
39. *Ba Làn Gọi,* 65
40. *Khe Suối Khô,* 66
41. *Động Sơn Ba Tạng,* 67
42. *Núi Nam,* 68
43. *Đạo Lý Tối Hậu của Thiền,* 69
44. *Nam Tuyên Chưởng Nhận Cả Tăng Lẫn Tục,* 70
45. *Vu Dịch Hỏi Phật,* 72
46. *Chữ Tâm,* 73
47. *Triệu Châu Đo Nước,* 74
48. *Địa Tạng Phật Pháp,* 75
49. *Huyền Sa Giấy Trắng,* 77
50. *Nghĩa Trung Thuyết Pháp,* 78

51. *Bảo Phúc Cái Chùa,* 79
52. *Hoa Nghiêm Trở Lại Thế Gian Mê Hoặc,* 81
53. *Huệ Trung Đánh Đuổi Đệ Tử,* 82
54. *Nham Đầu Hai Bữa Ăn,* 83
55. *Mục Châu Kẻ Độn Căn,* 85
56. *Lỗ Tổ Quay Mặt Vào Tường,* 86
57. *Lâm Tế Người Không Ngồi Vị,* 87
58. *Pho Tượng Quan Thế Âm,* 89
59. *Vô Nghiệp Vọng Tường,* 90
60. *Cái Gối Gỗ,* 92
61. *Vân Môn Quả Thánh,* 93
62. *Nam Tuyền Am Nhỏ,* 95
63. *Dược Sơn Thuyết Pháp,* 96
64. *Cảnh Thanh Gậy To,* 97
65. *Vật Kỳ Diệu Nhất,* 99
66. *Đạo Ngô Đạo Lý Thâm Sâu,* 99
67. *Càn Phong Luân Hồi,* 101
68. *Vân Môn Ba Ngày,* 103
69. *Quan Thượng Thư,* 104
70. *Triệu Châu Trụ Chỗ Nào,* 106
71. *Vân Môn Nếp Nhà,* 108
72. *Bảo Thọ Quay Lưng,* 110
73. *Tuyệt Phong Từ Chối Ông Tăng,* 111
74. *Chọn Người Khai Sáng Một Ngôi Chùa,* 114
75. *Ông Tăng Ngồi Thiền,* 117
76. *Địa Tạng Hoa Mẫu Đơn,* 119
77. *Động Sơn Khuyên Tăng,* 120
78. *Vân Cư Tặng Y,* 122
79. *Đức Sơn Giáo Pháp Tột Cùng,* 124
80. *Ba Tiêu Không Dạy,* 125
81. *Cao Đình Đánh Tăng,* 127
82. *Nham Đầu Cái Búa,* 129
83. *Ngưỡng Sơn Về Một Đường,* 131

84. *Càn Phong Một Đường,* 133
85. *Huyền Sa Thuyền Sắt,* 134
86. *Ngưỡng Sơn Ngồi Thiền,* 136
87. *Thiền Nguyệt Khảy Móng Tay,* 137
88. *Dược Sơn Cái Hồ,* 122
89. *Tuyết Phong Quả Cầu Gỗ,* 141
90. *Cái Mâm Vỡ,* 142
91. *Pháp Nhãn Giọt Nước,* 143
92. *Tào Sơn Bốn Không,* 144
93. *Đức Sơn Sư Tử,* 146
94. *Sống Một Mình,* 148
95. *Lâm Tế Mắt Chánh,* 150
96. *Nham Đầu Ba Giới,* 152
97. *Thân Phật,* 154
98. *Hưu Tịnh Dùng Trò Chơi,* 156
99. *Đại Điền Bao Nhiều Tuổi,* 159
100. *Qui Sơn Phương Trượng,* 163

1. VẤN THÙ VÀO CỬA

Một hôm Bồ-tát Văn Thù đứng ngoài cửa thì đức Phật gọi:

- Văn Thù, Văn Thù, sao không vào đi?

Văn Thù đáp:

- Con chẳng thấy vật gì ở ngoài cửa. Tại sao con phải vào?

Như Huyền: Những câu chuyện Thiền là những vấn đề của cuộc sống, chủ đề của thiền định. Không nhất thiết phải là đối thoại giữa Phật và Văn Thù. Giả sử có ai trong quý vị lưỡng lự không bước vào Thiền đường này, tôi nói: “Sao không vào đi?” Nếu là người tỉnh giác trong lúc đó, sẽ nói: “Tôi chẳng thấy cái gì ở ngoài cửa. Tại sao tôi phải vào?” Y chẳng thấy vật gì tách rời Thiền đường; trong và ngoài là những chữ để so sánh. Nhất thiết y chẳng nghe gì, chẳng thấy gì, chẳng sờ gì, chẳng ngửi gì, chẳng nếm gì, và chẳng nghĩ gì mà chỉ từ tốn đến chỗ của mình ngồi xuống. Thế thì tôi còn có thể làm gì khác hơn là ca ngợi một người hoàn toàn tự do tự tại như vậy?

Con người vẫn còn trẻ và ngu dại. Thay vì học tính hợp nhất từ các tôn giáo, y học lấy tính nhị nguyên. Với ảo tưởng của mình, nếu có dịp, y liền dựng lên cái cửa, rồi thấy có vật ở bên ngoài cửa. Y nghe, ngửi, nếm, sờ và nghĩ theo lập trường vị kỷ. Y nói về bốn biển đều là anh em, nhưng chẳng hiểu nguyên lý của nó. Thế giới cần Văn Thù mà không cần chúa cứu thế, không cần đấng tiên tri. Văn Thù là ai?

Văn Thù biểu tượng cho trí tuệ Phật. Văn Thù cười sư tử, diệt tất cả mê hoặc, với thanh kiếm bén chém đứt tất

cả ràng buộc, vướng mắc ngăn chặn sự giải thoát. Một số Phật tử nghĩ rằng Văn Thù là đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni; một số khác nói về kiếp trước và kiếp này của Văn Thù được phép lạ mật khải. Hãy để họ nằm mộng thế nào tùy thích. Người học Thiền phải gặp Văn Thù trong chính mình.

Trong kinh Hoa Nghiêm đề cập đến bốn thế giới: thế giới của sự, thế giới của lý, thế giới hài hòa của sự và lý, và thế giới hài hòa của sự và sự. Văn Thù trong câu chuyện của chúng ta sống ở bên kia thế giới của sự, trong thế giới của lý nhưng chưa biết làm cho hai thế giới ấy hài hòa.

Phổ Hiền biểu tượng cho từ ái của Phật. Phổ Hiền cười voi, kiên nhẫn xuyên qua các khu rừng già, yêu thương và kính trọng tất cả chúng sinh. Phổ Hiền không tuyên bố lý do như Văn Thù mà chỉ lặng lẽ đi qua cửa. Trái tim của Phổ Hiền là trái tim của Phật, ứng đáp tiếng gọi Phật như một tiếng vang. Thế giới thứ tư của kinh Hoa Nghiêm đôi khi được nói đến như là “Thiên Quốc.” Muốn vào cảnh giới này, người ta phải học sống trong thế giới hài hòa của lý và sự. Gặp Văn Thù mặt đối mặt trong thời đại của chúng ta rất là quan thiết. Văn Thù nói, “Con chẳng thấy vật gì ở ngoài cửa. Tại sao con phải vào?” Bây giờ, cái cửa ấy ở đâu? Quý vị đang trong cửa hay ngoài cửa đây?

2. LA SON KHAI ĐƯỜNG

Mân Vương xây một ngôi chùa cho La Sơn và mời sư nói bài pháp đầu tiên trong pháp đường. Với tư cách là sư của viện, La Sơn lên tòa ngôi nhưng chẳng nói gì trừ hai tiếng “Cáo biệt,” trước

khi trở về phòng riêng. Mân Vương tiến đến bên sư, nói, “Ngay cả những gì Phật dạy trên Thửu sơn cũng đến như hòa thượng hôm nay là cùng.” La Sơn đáp, “Tôi đã nghĩ rằng ngài là khách lạ đối với pháp nhưng bây giờ thì hóa ra ngài cũng có biết Thiền.”

Như Huyền: Hai người này sống ở Trung Hoa vào thế kỷ thứ tám sau Tây lịch, nhưng cả hai sẽ mãi mãi cho thấy cái đẹp của sự bất toàn đối với những ai hiểu sự đánh giá bên trong. Một ngôi chùa Phật giáo luôn luôn có một tượng Phật trên bàn thờ, nhưng một ngôi chùa Thiền đích thực thì chẳng có tượng gì hết. Một vị sư đứng vào chỗ của Phật, dùng bàn thờ làm giảng tòa; ông ta mang chiếc y thừa kế từ hệ này đến thế hệ khác, đặt nó lên trước khi nói pháp, và lấy nó xuống ngay sau bài pháp.

La Sơn đã làm như vậy. Nguyên ý Hán văn nói, “Sư lên tòa, mặc y vào, cởi y ra và nói ‘Cáo biệt’. Như vậy, bài pháp của sư đã xong.” Làm hay lắm! Nhưng chớ để các ông tăng ngây thơ của ông bắt chước nhé! Nếu như thế còn tệ hơn là có tượng Phật nữa. Sự đập phá thánh tượng, mà nó bắt đầu như là một phản ứng bị nhốt trong tháp ngà. Đập nát cái tháp ngà ấy đi mới là đập phá thánh tượng thực sự. Nếu Mân Vương thuộc hàng cao nhân trong Thiền, ông ta sẽ không tỏ ra thất vọng vì đã để mất bài pháp của La Sơn, dù ông ta hiểu đúng ý chỉ im lặng của sư. Sự trưởng thành của một thiền viện cũng chậm chạp và vô hình như cây cỏ chung quanh nó. Sư, tăng và đàn-na tín thí chỉ gieo hạt và không bao giờ thấy được sự hoàn thành đầy đủ. Tại sao họ không chỉ vui vẻ hiến dâng ngày hôm nay cho thiền định? Đây là pháp mà La Sơn thừa kế từ Phật truyền xuống qua nhiều thế hệ đệ tử.

Lần đầu tiên khi tôi dời đến căn nhà khiêm tốn này, trong Thiền đường không có ảnh Phật, trong nhà cũng không có bàn ghế gì cả chỉ trừ chiếc ghế để ngồi chơi đàn dương cầm. Tôi chấp hai tay ngồi im lặng trên chiếc ghế này. Đó là bài pháp đầu tiên của tôi trong Thiền đường này, và từ đó tất cả những bài pháp khác chỉ là những lời giải thích mà thôi. Nếu có ai trong quý vị có ý định diễn thuyết hay viết luận giải về Thiền, hãy tự nhắc mình câu chuyện này và hãy sung sướng mà nói, “Cáo biệt” với chính mình.

3. NAM TUYỀN PHẬT ĐÁ

Cư sĩ Lục Căng nói với hòa thượng Nam Tuyền, “Trong nhà con có một hòn đá hoặc ngồi hoặc nằm. Con có ý muốn chạm thành một vị Phật. Con làm được chứ?” Nam Tuyền đáp: “Được, ông làm được.” Lục Căng lại hỏi, “Con không làm được ư?” Nam Tuyền đáp: “Không, ông không làm được.”

Như Huyền: Ông cư sĩ này muốn biết khả năng thành Phật của mình. Nếu không thể thành Phật, thì ông ta giống như một hòn đá.

Ông nghĩ thầy ông, Nam Tuyền sẽ ca ngợi ý định tốt của ông. Nhưng Nam tuyền chỉ nói, “Được, ông làm được.” Khi Lục Căng nói, “Con không thể làm được ư?” ý ông muốn biết chắc chắn và mong Nam Tuyền cho ông sự khẳng định.

Thiền của Nam Tuyền dùng lý tưởng làm cửa vào. Một người muốn chạm đá làm tượng Phật thì phải tự mình

làm lấy, dù người khác có chấp thuận hay không. Nếu y có chút nghi ngờ về khả năng ấy thì y sẽ không bao giờ làm. Y bây giờ là kết quả của những gì y đã suy nghĩ và những gì y suy nghĩ bây giờ sẽ hình thành y trong tương lai. Sư hay không sư cũng không thể can thiệp được luật nhân quả này. Lục Cẩng đã có một hòn đá quý, nhưng quyết tâm của ông không vững cho đến khi bị Nam Tuyên quét sạch. Giống như câu chuyện xưa về bảy chim sơn ca và anh nông dân. Chúng không được báo động khi nghe anh nông dân sẽ gặt lúa mì với sự trợ giúp của hàng xóm, nhưng khi chúng biết anh nông dân đã quyết định cắt lúa một mình không có hàng xóm trợ giúp, chúng bỏ tổ bay đi. Lục Cẩng về sau trở thành một môn đệ rất giỏi.

Genro: Tôi thấy một hòn đá ông cư sĩ ấy đã mang vào viện. Tôi cũng thấy một hòn đá khác Nam Tuyên đặt trong thiền đường. Tất cả búa khắp Trung quốc không đập nát được hai hòn đá này.

4. BÁCH LINH CHỨNG ĐẮC

Bách Linh và Cư sĩ Bàng Uẩn cùng học Thiền dưới Đại sư Mã Tổ, người thừa kế Nam Nhạc. Một hôm giữa đường họ gặp nhau. Bách Linh nói, “Sư ông của chúng ta nói, ‘Nếu nói một vật tức chẳng phải’. Tôi ngờ rằng sư ông không chỉ nó cho ai hết.” Cư sĩ Bàng Uẩn nói, “Có. Sư ông đã chỉ rồi.” Bách Linh hỏi, “Cho ai vậy?” Cư sĩ lấy ngón tay tự chỉ vào mình, nói, “Cho người này.”

Bách Linh nói, “Sự chứng đắc của ông đẹp và sâu lắm dù cho Văn Thù và Tu Bồ Đề cũng không thể tán thán ông xứng đáng.”

Rồi cư sĩ nói, “Tôi ngờ rằng không có ai biết ý sư ông muốn nói gì.” Bách Linh không đáp, chỉ đội cái nón rom lên và bỏ đi. “Đi cẩn thận,” Cư sĩ Bàng Uẩn gọi, nhưng Bách Linh cứ tiếp tục đi, không quay đầu lại.

Như Huyền: Những người học Thiền đều cố gắng nhận ra Phật tánh. Họ có thể gọi nó là ‘tâm yếu’, Pháp thân, Phật thân hay ‘chơn tánh của một người’, nhưng tên chỉ là cái bóng, không phải vật thật. Như Nam Nhạc nói, “Nếu nói một vật tức chằng nhằm.”

Không có gì để nghi ngờ rằng cả ông tăng và cư sĩ đã ngộ Thiền của Nam Nhạc. Tuy nhiên, vị cư sĩ vẫn còn dấu vết của sự đạt ngộ, còn ông tăng thì hoàn toàn tự do.

Renny, trụ trì chùa Bốn Nguyên, hỏi Nhất Hưu, một Thiền sư đương thời, “Tôi nghe nói rằng ông đã ngộ, có đúng vậy không?” Nhất Hưu đáp, “Tôi chưa từng làm chuyện tệ hại như vậy.” Có lẽ bày tỏ cái rạng rỡ của Thiền cho vị trụ trì ấy là vô ích, nhưng nó chứng minh hành động của Bách Linh trong câu chuyện. Đông phương có câu tục ngữ nói, “Công đâu khoe vàng với mèo.” Không nên nói chuyện Thiền với người ngoài. Vị cư sĩ trong câu truyện này đã khoe Thiền với bạn đồng học nhưng không có khoe Thiền trong cuộc sống hằng ngày.

Giáo sư Gronbech của trường Đại học Copenhagen tuyên bố: “Các nhà huyền học trong tất cả mọi thời đại nhất thiết diễn đạt những tư tưởng giống nhau; sự thực, giữa họ có sự đồng ý rất nhiều, họ thường dùng cùng một thứ ngôn ngữ và minh họa. Người ta có thể tìm thấy những đoạn văn đồng nhất của người Ấn độ sống hằng ngàn năm trước niên

lịch của chúng ta và của các tu sĩ châu Âu thuộc thời trung cổ sau này; ngay cả bây giờ, người thi sĩ hiện đại sáng tạo những ngôn từ đưa dẫn tư tưởng thẳng đến những bản văn thời xưa. Lý do để họ đồng ý là họ có kinh nghiệm chung mà trong tự thể nó rõ ràng và chính xác như sự quan sát của người bình thường trong thế giới vật chất. Ở đây không có chỗ cho mơ mộng và ảo tưởng. Nhà huyền học bị kinh nghiệm chế ngự toàn bộ đời sống của ông ta chiếm giữ.”

Công án là vật kỳ lạ. Khi quý vị tham công án, nó sẽ dẫn quý vị đến thế giới của kinh nghiệm. Càng kinh nghiệm thì cái thoátáng thấy Phật tánh của quý vị càng rõ ràng. Khi được cho một công án, quý vị có thể trả lời nó một cách tự nhiên như quý vị nói tên mình.

Genro: *Mây nghỉ ở miệng hang
Suốt ngày chẳng làm gì.
Suốt đêm trăng rọi sóng
Chẳng lưu dấu vết chi.*

5. THIỀU SƠN MỘT CẦU

Một hôm có ông tăng hỏi Thiều Sơn, “Có câu nói nào không không đúng cũng không sai chăng?” Thiều Sơn đáp, “Một mảng mây trắng chẳng khoe xấu xí.”

Như Huyền: Thiều Sơn thừa kế Giáp Sơn, trong giới chùa chiền ai cũng biết tính nghiêm khắc của Giáp Sơn, nhưng khi vượt qua được sự nghiêm khắc của Giáp Sơn, sư có khả năng truyền giáo pháp thâm sâu chỉ bằng một chữ hay một câu ngắn.

Ông tăng thực ra đang hỏi, “Tự tại hay giải thoát thực sự là gì?” Phần đông chúng ta vật lộn với sự vướng mắc vào phải và trái, tốt và xấu, thích và không thích mà Thiền thì siêu việt các ý nghĩ nhị nguyên này. Tuy nhiên, giây phút một người nói về Thiền của mình thì một cặp quỉ lóe mắt đằng trước y. Thiền Sơn không đá động gì đến chơn như tuyệt đối hay nhất thể cũng không dùng đến bất cứ đặc ngữ tôn giáo nào. Sư để dành những cái đó cho những người làm tôn giáo chuyên nghiệp.

Genro: *Không đúng cũng không sai
Một câu cho ông đó
Ba chục năm giữ nó
Chớ cho ai biết nhé.*

6. ĐẦU TỬ THỌ TRAI

Đầu Tử được một gia đình Phật tử ở kinh đô mời ăn trưa. Chủ nhà đặt một mâm đầy cỗ trước mặt sư. Đầu Tử đặt hai nắm tay lên trán, giơ hai ngón tay cái lên làm cặp sừng. Rồi sư được người ta đem đến các món ăn thường lệ. Sau đó một ông tăng yêu cầu Đầu Tử giải thích lý do hành động kỳ lạ của sư. Đầu Tử đáp: “Quan Thế Âm Bồ-tát.”

Như Huyền: Không ai biết tại sao người chủ gia đình đãi cỗ Đầu Tử. Có lẽ vì ở Trung Hoa ngày xưa đôi khi người ta tin rằng một ông tăng không giác ngộ khi chết sẽ đầu thai làm con trâu. Ngày nay, nhiều tăng nhân Đông phương ngủ và ăn như trâu mà chẳng chịu khó làm việc. Đầu Tử tự trách mình thay cho đệ tử của sư, vì vậy mà đã

xin lỗi thiên hạ bằng cách giả làm con trâu. Thiên tăng hay khôì hài và thường nhẹ dạ, nhận lấy trò cười và sự chế nhạo chua cay với thiện chí. Vào lúc Đầu Tử thường thức bữa ăn bình thường, sư quên đã quên bằng chuyện đãi cở.

Ông tăng, người yêu cầu Đầu Tử giải thích hành động kỳ lạ của sư, là người góp nhặt những câu dật sử. Nếu tôi là Đầu Tử, tôi sẽ không trả lời ông tăng. Nhưng Đầu Tử là người rất từ bi nên đáp, “Quan Thế Âm Bồ- tát.”

Trong kinh Pháp Hoa nói Quan Thế Âm thuyết pháp dưới nhiều hình dạng khác nhau. Một số Phật tử sợ tái sinh, chỉ nghĩ đến bản thân họ và muốn tránh nó, nhưng các vị Bồ- tát Đại thừa dạy là họ hiện ra hàng trăm hàng ngàn thân khác nhau vì hạnh phúc mỗi ngày trong tuần của chúng sinh.

7. VẤN MÔN TIỆC Ở MIẾU THẦN

Một hôm khi Vân Môn nói pháp với tăng chúng, sư hỏi, “Các ông có muốn làm quen với các Tổ, sư xưa không?” Trước khi có người trả lời, sư cầm gậy chỉ tăng chúng nói, “Chư Tổ xưa đang nhảy trên đầu các ông đó.” Rồi sư hỏi, “Các ông có muốn thấy mặt của các sư xưa không?” Sư chỉ xuống đất dưới chân tăng chúng và tự đáp, “Họ ở ngay dưới gót chân các ông đó.” Sau khi dừng lại một chút sư nói như là nói với chính mình, “Tôi đã làm tiệc ở miếu thần nhưng mấy ông thần đói chẳng thoả mãn.”

Như Huyền: Thật là một đoạn văn xuôi kiệt tác trong thiên hạ! Câu hỏi của Vân Môn có thể áp dụng cho

những người ở châu Âu và châu Mỹ hiện nay cũng như ở Trung Hoa trong mấy thế kỷ qua. Bất cứ kẻ giả mạo nào nhắc đến sự tái sinh của các nhà sư đã trở thành rất phổ biến đến độ làm y trở thành giàu. Chỉ một mình quốc gia này thôi cũng đã có hàng ngàn người hàng ngày đang bị bọn phỉnh gạt, khuyến khích những sản phẩm tưởng tượng điên cuồng vô lý nhất lừa đảo. Nhưng việc này không thể đến độ như vậy, nếu không phải là một số người tin vào tôn giáo, nghiên cứu một triết lý, không thỏa mãn với bữa tiệc có thực. Họ giống như những ngẫu tượng trong miếu thờ thần của Trung quốc; mùi hương giác ngộ bùng bành chung quanh mà họ không có mũi để ngửi. Sách trong thư viện, kinh trong chùa, hàng trăm và hàng ngàn, đang toi công đãi bữa tiệc chân thực cho những ngẫu tượng có máu thịt! Rốt cuộc Vân Môn đã phí lời trong bài pháp vĩ đại của sư.

Genro: Trên đầu chỉ có một bầu trời xanh. Các Tổ, sư xưa ở đâu? Dưới chân chỉ có một quả đất lạnh. Mất của các Tổ, sư xưa ở đâu? Bữa tiệc của Vân Môn chỉ là cái bóng, đâu có gì lạ, các vị thần không thể thỏa mãn cái đói của họ. Các ông muốn biết tôi làm tiệc ở miếu thần như thế nào không? Tôi đóng cửa lại, nằm dài xuống sàn nhà, rải tay duỗi chân ra, ngủ một giấc. Tại sao? Bởi vì có câu nói, “Tách đây đến miệng không chứa thêm trà. Đất tốt chẳng từng sinh người đói.”

8. VÂN CƯ CHỈ DẠY

Vân Cư là Thiền sư Trung Hoa thuộc phái Tào Động, có nhiều đệ tử. Một ông tăng từ nước Tân La đến nói với sư, “Con đã thấy ra cái gì đó ở

bên trong mà không thể nói được.” Vân Cư hỏi, “Tại sao vậy? Chẳng có gì khó cả.” Ông tăng đáp, “Vậy thì hòa thượng phải nói giùm con đi.” Vân Cư nói, “Tân la! Tân la!” và kết thúc cuộc đối thoại. Sau đó, một Thiền sư thuộc phái Hoàng Long phê bình câu chuyện, “Vân Cư chẳng hiểu được ông tăng gì cả. Giữa họ có cái biển lớn, dù cho họ cùng sống trong một ngôi chùa.”

Như Huyền: Vân Cư sống ở phía nam Trung hoa vào những năm sau của thế kỷ thứ chín sau Tây lịch. Ông tăng Triều tiên ấy đã vượt Hoàng hải và có lẽ cả Biển Đông Trung Hoa nữa để đến với Vân Cư. Nhiệt tâm của ông tăng này đã vượt đa số các ông tăng hành cước. Tôi có thể hình dung ra ông tăng ngày đêm ngồi thiền. Cho đến cuối cùng, ông ta đã vào chánh định và khám phá ra chân ngã của mình tựa như chợt tỉnh cơn mộng. Ngôn ngữ nhân gian không lời tả được ông đã được cái gì.

Thích Tông Diễn đã có lần nói, “Thiền định chẳng phải là chuyện khó làm. Nó là con đường đưa ông về quê hương đã mất tích từ lâu.” Vân Cư đã có kinh nghiệm riêng, vì thế sư tuyên bố rằng chẳng có gì khó khi diễn tả cái gì người ta đạt được. Ông tăng thì còn trong cơn xúc động mạnh vì ngộ, vì thế ông yêu cầu thầy nói ra giúp ông ta. Sư nói, “Tân la! Tân la!” để mừng ông trên đường trở về nhà. Tôi thâm cảm tình huynh đệ của sư, nhưng phải nói rằng sư đã không diễn đạt điều ông tăng muốn. Sư nên đợi ông tăng vài phút và để cho ông tăng tự nói. Dù vậy, một câu tán thán cũng không phải là lời miêu tả sự đạt ngộ. Như Đại sư Nam Nhạc nói, “Nếu nói một vật tức chẳng trúng.” Ông tăng đã yêu cầu một điều tuyệt đối không thể được.

Genro: Ông tăng phái Hoàng Long đã không hiểu được Vân Cư. Giữa họ có một hòn núi lớn, dù họ là những người đồng thời.

*Mở miệng có gì khó;
Tả vật có khó gì.
Tăng từ Tân la đến,
Chẳng phải tăng lang thang,
Chưa về được quê xưa.*

9. TỪ MINH ĐẠI Ý

Thúy Nham nghĩ mình đã đạt được Thiên, rời chùa của Từ Minh đi hành cước khắp cả Trung hoa lúc sư còn là một ông tăng trẻ. Mấy năm sau, sư trở lại viếng chùa xưa, thầy cũ của sư bảo, “Hãy nói tôi nghe đại ý Phật pháp.” Thúy Nham đáp,

*“Đỉnh núi không mây tụ,
Trăng sáng rơi đầy hồ.”*

Từ Minh tức giận nhìn người đệ tử già của mình, “Ông đã già rồi, tóc bạc, răng long mà còn kiến giải như thế. Làm sao thoát được sanh tử?” Thúy Nham cúi đầu, nước mắt ràn rụa. Sau vài phút, sư thỉnh cầu, “Xin hòa thượng từ bi nói cho con nghe đại ý Phật pháp.” Từ Minh đáp,

*“Đỉnh núi không mây tụ,
Trăng sáng rơi đầy hồ.”*

Từ Minh chưa nói hết câu, Thúy Nham đã ngộ.

Như Huyền: Không ngừng suy nghĩ rằng thực tại chơn như ở bên kia trí tưởng tượng, Thúy Nham đã tự lừa mình trong những năm vọng tưởng. Khi đi hành cước, chắc chắn sư đã nói tự do thoải mái về Phật pháp, vay mượn lời của những người khác, và cuối cùng đã cố vượt qua sự giả trá ấy với thầy. Chính những lời đó không có gì sai khi nói ra, nhưng chúng không âm vang từ đáy lòng. Khi Từ Minh tức giận trách mắng, thì trái tim của Thúy Nham lần đầu tiên đảo lộn từ trong ra ngoài, sư thấy cái xấu xí của mình. Hồ then cúi đầu thỉnh cầu thầy nói cho đại ý Phật pháp. Câu đáp là,

“Đỉnh núi không mây tụ,
Trăng sáng rơi đầy hồ.”

Nó không phải chỉ là sự miêu tả cảnh đẹp, nó là ý chỉ chơn chánh của Phật pháp. Nếu người nghe không nhận ra chân lý vào phút giây như thế, Thiền chỉ là thứ vô dụng trên thế gian.

Genro: Thúy Nham đã biết cách lái thuyền xuôi theo dòng, nhưng chưa từng mộng thấy cơn bão đòi hỏi sư phải đi ngược dòng.

*Ông bề thờ cao ngọn lửa rền
Kiếm từng được búa nện trên đe
Cũng cùng là thép ban đầu ấy
Nhưng lưỡi giờ đây khác biết bao!*

10. DƯỢC SƠN NẮM GIỮ

Quan tri phủ hỏi Dược Sơn, “Tôi hiểu rằng tất cả Phật tử phải có Giới, Định và Tuệ. Thầy có giữ giới không? Thầy có tu định không? Thầy có đạt tuệ không?” Dược Sơn đáp, “Bàn tảng không có những thứ rác rến như thế quanh đây.” Quan tri phủ nói, “Thầy ắt có pháp thâm sâu, nhưng tôi chẳng hiểu pháp ấy.” Dược Sơn tiếp, “Nếu muốn nắm giữ nó, ngài phải leo lên ngọn núi cao nhất và ngồi trên chóp đỉnh hoặc phải lặn xuống biển sâu nhất và bước đi nơi đáy nó. Vào giòng rãnh để ngủ mà tâm trêu nặng, làm sao ngài có thể nắm giữ được Thiền của tôi?”

Như Huyền: Khi một người giữ giới luật, y có thể thiền định tốt; khi sự thiền định thành thực, y có thể đạt trí tuệ. Vì ba cái này, Giới, Định và Tuệ, tương quan và thiết yếu như nhau, không một cái nào trong ba cái này có thể thực hiện riêng rẽ như một cái học độc lập. Nhưng ông quan tri phủ đang cố gắng hiểu pháp như ông ta hiểu một cuộc khảo hạch nhiệm vụ công dân. Chính ông ta đã có đám người thường được tuyển chọn có thể khiếm khuyết một phẩm chất nào đó, miễn là họ mạnh về một phẩm chất khác. Những câu ông ta hỏi Dược Sơn thực ngu ngốc làm sao. Nếu một ông tăng khiếm khuyết về giữ giới, thì ông ta không thể hoàn thành thiền định được; nếu không hoàn thành được thiền định, thì ông ta chẳng bao giờ đạt được chân trí tuệ. Ông ta không thể chuyên tu một cái nào trong ba cái này.

Ngày nay có những người học Phật viết sách mà không bao giờ tu thiền định hay sống cuộc sống đạo đức và những “sư” Thiền thiếu nhiều đạo hạnh giản dị hơn. Dù

cho có cạo đầu, mặc áo vàng và tụng kinh, họ cũng không bao giờ biết chân nghĩa của Pháp. Quý vị có thể làm gì với những kẻ bất chước này?

Ông quan tri phủ không thể hiểu Thiền vách đứng của Dược Sơn, nhưng ông ta chấp nhận nó. Dược Sơn thấy có hy vọng và đã chỉ dạy cho ông ta vài điểm.

Genro: Dược Sơn dùng núi và biển làm minh họa. Nếu các ông bám vào đỉnh núi hay đáy biển là các ông tạo ra mê hoặc. Làm sao các ông có thể hiểu “nó” trên đỉnh hay dưới đáy? Đỉnh cao nhất không có chóp để các ông ngồi, đáy sâu nhất không có chỗ cho các ông đặt chân. Dù cho lời này không diễn đạt chân lý. Thì các ông làm gì? (Sư quay lại tăng chúng.) Hãy ra vườn làm việc hay đi chặt củi vậy.

Fugai: Thôi! Thôi! Đừng cố lôi con mèo không muốn đi qua tấm thảm nữa. Nó sẽ làm rách thảm và sự việc trở nên tệ hơn.

Như Huyền: Nào! Quý vị nói nó như thế nào đây?

11. TRIỆU CHÂU TRÙM ĐẦU

Một ông tăng vào phòng của Triệu Châu để tham thiền và thấy sư đang ngồi đầu trùm trong y. Ông tăng rút lui. Triệu Châu nói, “Huynh đệ, chớ nói là tôi không nhận huynh đệ tham thiền đấy nhé.”

Như Huyền: Tham Thiền là hợp nhất với Thiền. Quý vị trở thành Thiền và Thiền trở thành quý vị. Trong

tông Lâm Tế, khi một học nhân vào phòng thầy để nhận sự hướng dẫn riêng thì gọi là tham thiền để phân biệt với tọa thiền tức là ngồi thiền một mình hay với những người khác. Trong tông Tào Động, khi nói tham thiền tức là ngồi thiền, như thế họ hiển mình cho thiền định nhưng hiếm khi được cho hay nhận sự hướng dẫn.

Chỗ này không thuộc Lâm Tế cũng không thuộc Tào Động và ông tăng này không bao giờ nhận mình là sư. Khi quý vị đến và thành khẩn thiền định, tôi sẽ tham gia với quý vị trong Thiền đường. Khi có vị nào hỏi một câu về Thiền thì tôi sẽ trả lời bằng Thiền của tôi. Điều quan trọng nhất là quý vị trở thành Thiền và Thiền trở thành quý vị. Xưa nay tôi không từng là ai cả, nhưng tôi có thể khuyến khích quý vị thiền định hay giải quyết những nghi ngờ của quý vị. Đừng vội vàng tham hết công án này đến công án khác như quý vị giải các bài toán đại số học, cũng đừng tiếp tục sự thiền định trầm trệ không có sự kích thích của hướng dẫn cá nhân.

Có lẽ vào một đêm lạnh lẽo và Triệu Châu đã phủ lên đầu sư chiếc y đã nặng vì mạn vá nhiều. Vì ông tăng không có quyền vào phòng thầy vì bất cứ điều gì trừ Thiền, tại sao ông ta do dự và rút lui? Fugai nói, “Ông tăng là một gã ngu muội, nghĩ rằng sư đang ngủ như những kẻ đăng trí khác. Nhưng dù con cọp có ngủ cũng có âm ba mạnh mẽ vây quanh. Ông tăng giống như kẻ đi ngang qua mỏ kim cương với hai bàn tay trắng. Xem lòng từ bi sáng ngời của Triệu Châu khi sư nói, ‘Huynh đệ, chớ nói rằng tôi không nhận huynh đệ tham thiền đây nhé.’ Ông tăng ngay lúc đó nên cúi đầu bái tạ và thọ nhận Pháp. Thương thay, ông ta vừa điếc lại vừa mù.”

Trong kinh Kim Cang, Phật nói, “Này Tu-bồ-đề, nếu có người nói rằng Như Lai hoặc đến hoặc đi, hoặc nằm hoặc ngồi, người ấy không hiểu nghĩa lời ta dạy. Vì sao?

Như Lai không từ đâu đến, không đi về đâu; do đó nên gọi là Như Lai.”

Ông tăng này ắt đã nhiều lần nghe tụng kinh Kim Cang, nhưng đối với ông ta lời kinh không có nghĩa gì cả.

Genro: *Mây trắng treo trên đỉnh
Núi xanh bên kia hồ
Ai nhìn và ngưỡng mộ
Cảnh đẹp, chẳng phí lời.*

12. TAM THÁNH GẶP HỌC NHÂN

Một hôm khi nói chuyện với tăng chúng, Tam Thánh nói, “Khi một học nhân đến, tôi ra ngoài gặp y mà không có mục đích giúp đỡ y.” Sư đệ của sư là Hưng Hóa, nghe được, liền nói, “Khi một học nhân đến, tôi thường không ra gặp y, nhưng nếu tôi ra thì chắc chắn tôi sẽ giúp y.”

Như Huyền: Lâm Tế là một Đại Thiên sư đời nhà Đường, tịch ngày mùng 10 tháng giêng, năm 867. Ngay trước khi tịch, sư nói, “Sau khi ta đi rồi, chớ có diệt mất Thiền của ta. Các ông hãy cùng nhau giữ gìn giáo pháp.” Tam Thánh, là một trong các đệ tử, hỏi “Ai dám diệt Thiền của hòa thượng?”. Lâm Tế hỏi, “Nếu có người hỏi ông Thiền là gì, ông nói thế nào?” Tam Thánh hét, “Kat!” Sư hài lòng với câu đáp này và bình, “Ai nói Thiền của ta sẽ diệt dưới con lừa mù này?” Nói hết câu, sư tịch.

Phật giáo dùng lời nói phủ định để diễn đạt thực tại. Ấy là cách duy nhất tránh được sự vướng kẹt ngôn từ. khi Lâm Tế nói không diệt Thiền của ta, sư đang phát biểu

Thiền theo cách nhị nguyên, vì thế Tam Thánh cùng tham gia với sư trong cùng một cách diễn đạt. Lại nữa, khi sư muốn thấy chính xác nó sẽ tồn tại như thế nào thì Tam Thánh biểu lộ một cách sống động. Và tặng chúng tụ tập ở đó chứng kiến sự bất tử của vị thầy yêu dấu của họ. Lời cuối cùng của Lâm Tế là sự ca ngợi trong thể phủ định.

Thiền không phải là một vật mà thầy có thể đem cho trò. Ngọn lửa của cây nến có thể ra đi trong cơn gió, nhưng một khi các duyên thuận thực thì nó sẽ cháy trở lại, phát ra ánh sáng như trước. Cuối cùng nó chẳng phải là ngọn lửa liên tục hay sao? Tam Thánh không phải là người duy nhất đạt được Thiền của Lâm Tế, nhưng sư là người đủ can đảm thực dụng nó trước mắt người thầy đang hấp hối. Thiền là của sư.

Về công án của câu chuyện, chúng ta biết rằng cách giúp tốt nhất có từ Thiền là không giúp gì cả. Nhiều tông phái của các tôn giáo khác nhằm giúp đỡ người ta, không nhận thức được rằng chính sự trợ giúp quấy rầy sự tăng trưởng bên trong của những người được giúp cũng như người giúp. Như mặt trời soi khắp khu vườn, vì vậy Tam Thánh gặp một học nhân không có ý giúp y. Thật là một tâm thái đáng ngưỡng mộ của từ bi tĩnh lặng!

Hung Hóa biểu hiện Thiền của sư trong thể cách tích cực, không mâu thuẫn với Tam Thánh mà ủng hộ Tam Thánh theo cái nhìn đối nghịch. Tích cực mà không tiêu cực có thể đối diện với nguy hiểm. Có lẽ Hung Hóa có ý định giữ sợi dây cương kiểm soát con “lừa mù”. Nhưng nếu là tôi thì tôi sẽ nói, “Này sư huynh, hãy cẩn thận. Phía trước có hổ đó!”

Genro: Anh nói, “Không,” em nói, “Có.” Như vậy họ thực hiện công việc làm ăn của cha để lại, cải thiện và làm nó phồn thịnh.

*Hoàng hà ngàn dặm chảy về phương bắc
Rồi quay sang đông chảy mãi không ngừng
Dù cho bao lần quanh co uốn khúc
Nước đến từ nguồn suối núi Côn lôn.*

13. TIỆM NGUYÊN RÈM GIẤY

Tiệm Nguyên ngồi phía sau một tấm rèm giấy. Một ông tăng đến tham thiền, vén rèm lên, chào sư, “Thật là lạ.” Sư đưa mắt nhìn ông tăng rồi nói, “Ông hiểu không?” Ông tăng đáp, “Dạ, con không hiểu.” Sư nói, “Trước khi bầy Phật ra đời, thì cũng giống y như giây phút này. Tại sao ông không hiểu?” Sau đó ông tăng đem chuyện này kể lại với Thạch Sương, một Thiền sư cùng dòng Pháp. Thạch Sương ca ngợi Tiệm Nguyên, nói, “Sư huynh Tiệm Nguyên giống như ông thầy bắn cung. Chẳng bao giờ bắn một mũi tên không trúng đích.”

Như Huyền: Ở Nhật bản và Trung hoa, người ta thường dùng rèm giấy ở các cửa trong hay cửa ngoài để ngăn gió lò hay cản côn trùng. Tiệm Nguyên ắt đã ra lệnh cho tăng nhân đến tham thiền ngay cả khi sư đang dùng rèm. Khi tôi còn ở chùa, thầy tôi thường thay đổi vị trí trong phòng đến nỗi tôi phải nhìn quanh để tìm ông. Lúc tâm tôi phù động, tôi thường nhận một gậy của ông. Tôi không thể trách ông tăng vì ông ta nói, “Kỳ lạ,” nhưng Tiệm Nguyên đã cho ông ta đủ thời gian để thấy rõ ngọn đèn Pháp bên trong bức rèm. Tiệm Nguyên rất từ bi đã dạy thêm ông tăng.

Trong Trường Bộ kinh, một trong các kinh điển Tiểu thừa, nhắc đến bảy vị Phật ra đời vào những thời kỳ khác nhau, vô số thời đại trước Phật Cồ Đàm. Tiệm Nguyên đã đi ngược trở lại hàng triệu năm khi sư nói, “Trước khi bảy Phật ra đời, thì cũng giống y như giây phút này. Tại sao ông không hiểu?” Nếu ông tăng đã thấy được Phật tánh của mình, ông ta đã biết lý do tại sao mình hiện hữu. Ông ta không đạt ngộ Thiền, dù thầy ông rất từ bi.

Trong một bản phóng dịch của tôi đã nhiều năm qua về bài thơ Thiền Trung hoa, gọi là *Tin Tâm Minh*, các đoạn thơ cuối bài nói: “Thiền siêu việt thời gian và không gian. Rốt ráo một ngàn năm chẳng qua chỉ là một ý nghĩ. Những gì ông thấy là những gì ông có trong thế giới này. Nếu ý nghĩ của ông siêu việt thời gian và không gian, ông sẽ biết rằng cái nhỏ nhất đồng với cái lớn và cái lớn nhất đồng với cái nhỏ, rằng có tức là không và không tức là có. Không có kinh nghiệm như thế, ông sẽ phân vân khi làm bất cứ điều gì. Nếu ông nhận ra rằng một tức là nhiều và nhiều tức là một, thì Thiền của ông sẽ đầy đủ. Tin và tâm không tách rời nhau. Ông sẽ chỉ thấy ‘không hai’. “Không hai” là tin, “không hai” là tâm. Nó chỉ có thể diễn đạt bằng im lặng, nhưng im lặng đây không phải là quá khứ, im lặng đây không phải là hiện tại, im lặng đây không phải là vị lai.”*

Genro: Tiệm Nguyên đã nói đầy đủ khi sư đưa mắt im lặng nhìn ông tăng. Thạch Sư nên xóa sạch những gì Tiệm Nguyên đã nói nếu sư muốn giữ thanh danh cho dòng Pháp của sư.

Như Huyền: Tăng nhân luôn luôn là những người không nhà. Chúng ta không nên có gia đình đạo Pháp dù là

* Xin xem cả bài thơ này ở Phụ Lục II, cuối sách. (Người dịch)

trong thế giới của giáo pháp. Thạch Sương ca ngợi Tiệm Nguyên, nhưng cả hai người không ai có thể dạy Thiền cho ông tăng.

Genro: Bên song mưa nửa đêm
 Tỉ tách trên tàu chuối.
 Trên bờ sông xuân muộn
 Gió nhẹ vờn liễu xanh.
 Tin ngàn xưa đến báo
 Đây đó, không hơn kém.
 Nói rằng bảy vị Phật
 Đang chuẩn bị dây thừng
 Sau khi trộm chạy mất!

14. BẠCH VÂN TRẮNG VÀ ĐEN

Bạch Vân, một Thiền sư đời nhà Tống, đã viết bài thơ sau đây:

Chỗ nào người khác ở
 Thì tôi đây chẳng ở.
 Chỗ nào người khác đi
 Thì tôi đây chẳng đi.
 Nói vậy không có nghĩa
 Từ chối việc kết giao;
 Tôi chỉ muốn nêu rõ
 Trắng và đen mà thôi.

Như Huyền: Các nhà Phật học nói rằng giống mà không có khác là nghĩ sai về giống, và khác mà không có giống là nghĩ sai về khác. Thầy tôi, Thích Tông Diễn, thường minh họa điểm này thật đẹp và Tiến sĩ D. T. Suzuki

viết bằng tiếng Anh đại ý như vậy: “Sóng lớn, sóng nhỏ và sóng gợn lăn tăn tất cả đang dâng lên, trào lên và rút xuống, nhưng có phải chúng là nhiều cái động khác nhau của cùng một tự thể vĩnh cửu của nước. Trăng lặn lẽ chiếu sáng bầu trời, đơn độc trong tất cả các tầng trời và trái đất; nhưng khi trăng tự soi mình trong màu trắng óng ánh của sương chiều, lấp lánh như những viên ngọc uơm trên mặt đất - hình ảnh của trăng thật kỳ diệu làm sao! Không phải mỗi hình ảnh của chúng cũng đầy đủ theo cách riêng ấy sao?”

Thiền không ở trong xác nhận hay phủ nhận. Nó giống như cái bánh lái quay sang trái hay quay sang phải đưa chiếc xe tiến tới. Ông thầy trong câu chuyện này không khẳng khẳng theo hướng của mình mà cảnh cáo người học đừng bám vào bên này hay bên kia. Ông chỉ tìm chơi cái trò đời một cách công bằng, mặc dù ông đã biết sự kiện bất nhị.

Có nhiều chỗ hội họp, câu lạc bộ và giảng đường, nơi mà mọi loại thuyết giảng diễn ra, mỗi người nói đều có thông điệp khẩn cấp cho người nghe. Quý vị có thể theo dự những cuộc hội họp này và thưởng thức những ý kiến và tranh luận khác nhau, nhưng tôi khuyên quý vị có dịp hãy nhớ lại, “Chỗ nào người khác ở, thì tôi đây chẳng ở. Chỗ nào người khác đi, thì tôi đây chẳng đi.” Nó có thể cứu được quý vị khỏi bị căng thẳng đầu óc.

Công án cũng nói, “Nói vậy không có nghĩa, Từ chối việc kết giao.” Chúng ta có thể đồng cảm với các phong trào vận động khác nhau trên thế giới mà không thuộc về bất cứ một phong trào nào. Chúng ta có thể chào đón khách đến từ bất cứ một đoàn nhóm nào và đãi họ trà, đầy tách Thiền. Mỗi người trong quý vị đây có thể đến và đi tùy ý. Công án kết thúc, “Tôi chỉ muốn nêu rõ, Trắng và đen mà thôi.” Nghĩa là, chúng ta không có màu sắc.

15. ĐẠI TỪ TU BÊN TRONG

Đại Từ nói với tăng chúng, “Này các anh em, thà đào bên trong một tấc còn hơn là thuyết Pháp bên ngoài một thước. Thà tu bên trong một phân còn hơn là giảng bên ngoài một tấc.” Để cân bằng và làm sáng tỏ câu nói này, Động Sơn nói, “Tôi giảng cái gì tôi không thể thiên định, và tôi thiên định cái gì tôi không thể giảng.”

Như Huyền: Đại Từ, hay Thiền sư Khoan Trung, sống trong một ngôi chùa trên núi Đại Từ. Động Sơn là người đồng thời nhưng trẻ hơn hăm bảy tuổi. Trước khi học câu nói của Động Sơn, quý vị cần phải hiểu căn kể lời của Đại Từ. Người Phật giáo Đại thừa muốn giác ngộ tất cả chúng sinh đau khổ vì vô minh. Động cơ thì vĩ đại, nhưng y không nên quên tự tu từng giây từng phút. Y nhập vào đoàn quân viễn chinh chinh phục vô minh và giác ngộ mọi người. Chư Phật và Tổ trong quá khứ và hiện tại cùng làm việc với y và sẽ tiếp tục công việc của họ trong vị lai. Nếu nhầm một bước là y bị lùi lại phía sau.

Nếu một người lặp lại cái gì y nghe từ người khác hay đọc trong sách, thì chẳng phải y đang truyền bá Pháp mà chỉ là giả mạo mà thôi. Ở Đông phương chúng tôi gọi người như thế là “học giả ba tấc.” Y chỉ đọc sách hay nghe người ta rồi nói, và khoảng cách giữa mắt hay miệng hay giữa tai và miệng cũng chỉ khoảng ba tấc [Tàu]. Những ai diễn thuyết hay viết sách về Phật giáo mà bản thân họ không đạt được ánh sáng bên trong thì họ đang làm việc vô ích.

Một thanh niên Hy Lạp ngày xưa có lần hỏi một đồng đội trên chiến trường anh ta có thể làm gì với thanh kiếm quá ngắn của mình. Đồng đội đáp, “Tôi sẽ tiến một

bước nhanh hơn những người khác.” Tất cả những gì anh ta có trên thế gian này là cây kiếm duy nhất đó; dù dài hay ngắn, anh ta cũng phải chiến đấu với nó. Cũng giống như chiến sĩ kia, người học Thiền không có ý nghĩ thứ nhì, do đó, y giảng trong lúc thiền định và thiền định trong lúc giảng. Muốn đạt đến cảnh giới Động Sơn nói, người ta phải đi từng bước một theo con đường Đại Từ dạy tăng chúng.

16. QUI SƠN THỜI GIAN

Qui Sơn nói với tăng chúng, “Mùa đông, những ngày lạnh trở lại mỗi năm. Năm ngoái cũng lạnh như năm nay, và năm tới cũng sẽ lạnh y như vậy. Các ông hãy nói tôi biết những ngày nào trong năm đang tái diễn.” Ngưỡng Sơn, một đệ tử lâu năm, bước đến đứng bên thầy với bàn tay phải úp lên nắm tay trái đặt trước ngực. Qui Sơn bình, “Tôi biết ông không thể trả lời câu hỏi của tôi.” Rồi sư quay sang Hương Nghiêm, một đệ tử ít năm hơn, “Ông nói thế nào?” “Con tin chắc là con có thể trả lời câu hỏi của hòa thượng,” Hương Nghiêm đáp và bước đến đứng bên thầy với bàn tay phải úp lên nắm tay trái đặt trước ngực như vị tăng thâm niên kia đã làm. Nhưng Qui Sơn làm ngơ và nhận xét, “Tôi vui vì ông sư huynh đã không thể đáp được câu hỏi của tôi.”

Như Huyền: Chùa của Qui Sơn trên núi là nơi tăng chúng cảm thấy cái lạnh khắc nghiệt của mùa đông. Một vài tăng nhân đã ở lại trong chùa trải qua những ngày tháng

vô ích. Nhớ đến những ngày lạnh mùa đông, trẻ con nghĩ đến lễ Giáng Sinh. Qui Sơn đang cảnh cáo tăng chúng chớ lãng phí qua ngày mà chẳng ngộ đạt Thiền.

Thời gian là gì và nó bắt đầu khi nào? Khi nào nó chấm dứt? Quý vị học Thiền như thế nào? Thiền hằng ngày của quý vị trong thế giới thực tiễn như thế nào?

Không gian và thời gian là những đề tài biện luận của triết học qua các thời đại. Einstein đã đưa chúng vào lãnh vực toán học và khoa học.

Thời gian, do cá nhân kinh nghiệm ở nhiều thời kỳ trong cuộc đời y, thì khác với thời gian vật lý học, phát minh của con người dùng để ghi dấu các ngày. Khi Ngưỡng Sơn đứng trước thầy với bàn tay trái úp lên nắm tay phải đặt trên ngực, sư đang làm dấu hiệu chào để bày tỏ Thiền của sư. Đây là những gì các ngày của năm lặp đi lặp lại; sư đã nói lên triết lý của sư trong im lặng.

Đối với nhà vật lý học, quá khứ và vị lai giống nhau, chỉ khác nhau về chiều hướng như các chiều hướng trên cái la bàn, nhưng đối với một người đang sống thì chúng khác nhau. Một người cuộn tròn quá khứ của mình và mang nó theo bất cứ chỗ nào y đi. Khi Qui Sơn nói, “Tôi biết ông không thể trả lời câu hỏi của tôi,” sư chỉ muốn thăm dò Ngưỡng Sơn có biếng nhác không. Sư chấp nhận kinh nghiệm của cả hai đệ tử, nhưng cũng bày tỏ Thiền của mình, phi thời gian và vô hình thể khi nó chớp lên.

17. ĐẠI TÙY CON RỪA

Một ông tăng thấy một con rùa trong vườn chùa của Đại Tùy, hỏi sư, “Tất cả chúng sinh đều có da thịt bọc xương. Tại sao chúng sinh này lại có xương bọc da thịt?” Hòa thượng Đại Tùy đáp bằng cách lấy đôi dép của mình che lên con rùa.

Như Huyền: Ông tăng này có thói quen xấu là nhảy ngay vào kết luận. Ông ta nghĩ nếu một điều đã đúng vào lúc này thì cũng phải đúng vào mọi lúc và mọi nơi. Đại Tùy tìm cách cứu ông tăng ra khỏi loại phân biệt này và giúp ông tăng nhận ra nhất thể.

Khi quý vị thấy những điều bất thường, không nên kinh động. Trước hết hãy tẩy sạch những nhận thức sai, tự giới hạn của mình về sự vật và đối diện trọn vẹn với thực tại. Tử là gì? Sinh là gì? Phật là gì? Ngộ là gì?

Genro dẫn một bài thơ xưa ở cuối lời bình của sư; tôi sẽ dịch toàn bộ bài thơ để làm kết luận cho câu chuyện này.

Genro: *Bạn bè thời thơ ấu,
Giờ đây biết rõ ràng.
Họ luận bàn triết lý,
Viết luận văn, phê bình.
Tôi trở thành kẻ già,
Trở thành vô tích sự.
Chiều nay mưa là bạn.
Tôi thắp lên nén nhang,
Nằm dài trong hương ngát,
Tôi nghe tiếng gió thổi,
Cạnh cửa sổ rèm tre.*

18. LÂM TẾ TRỒNG TÙNG

Một hôm khi Lâm Tế đang trồng một cây tùng trong vườn chùa, thầy của sư là Hoàng Bá chợt đến chỗ sư. Hoàng Bá hỏi, “Chúng ta có cây tốt quanh chùa. Sao ông còn trồng thêm cây này?” Lâm Tế đáp, “Thứ nhất, giống trường xuân này sẽ làm đẹp cảnh chùa; thứ hai, làm chỗ trú cho tăng nhân thế hệ sau.” Lâm Tế nói xong liền động cuốc xuống đất ba lần để làm cho cây mới trồng thêm vững. Hoàng Bá nói, “Ông tự khẳng định không hợp ý tôi.” Lâm Tế làm ngơ lời thầy, và thì thầm, “Xong rồi,” và động cuốc xuống đất ba lần như trước. Hoàng Bá nói, “Ông sẽ làm cho giáo pháp của ta tồn tại trên thế gian này.”

Như Huyền: Lâm Tế đang tạo biểu tượng cho Thiền của sư khi sư trồng cây ấy bên ngôi chùa, nơi sư đã thọ nhận Pháp, nhưng không muốn ai để ý đến nó cho đến khi nó già. Thầy của sư biết rất rõ sư nghĩ gì, nhưng muốn khám phá một cách trọn vẹn, vì thế đã nói làm như mình đang quan sát vườn chùa. Lâm Tế đã đáp theo cách không ám chỉ gì đến Thiền. Thiền nên được giữ gìn theo cách này. Ông thầy còn nói gì được nữa trừ lời khen ngợi.

19. TRIỆU CHÂU VIẾNG CHÙA

Triệu Châu định đi viếng một ngôi chùa trên núi, khi ấy một ông tăng trưởng lão viết một bài thơ cho sư:

*Núi xanh nào chẳng là thánh địa
Sao còn vác gậy viếng Tịnh Lương?
Nếu trong mây hiện sư tử lông vàng
Ấy chẳng phải là điềm lành chi hết.*

Sau khi đọc bài thơ, Triệu Châu hỏi, “Mắt nào là mắt chánh?”

Ông tăng không đáp.

Như Huyền: Một bài thơ Đường nói:

*Tất cả núi là chùa của Văn Thù.
Núi xanh xa và núi lục gần,
Mỗi mỗi đều có thờ Bồ Tát.
Nhọc công chi leo núi Tịnh Lương?
Kính nói Văn Thù cười sư tử lông vàng.
Áo ảnh ấy thấy trong mây trên núi,
Chẳng phải thật với mắt Thiền tăng,
Cũng chẳng phải hạnh phúc y tìm.*

Genro ca ngợi bài thơ của ông tăng cũng như câu hỏi sắc bén của Triệu Châu. Có một công án: Quan Âm ngàn mắt. Mắt nào là mắt chánh?

Ông tăng có thể đã trả lời bằng im lặng, nhưng nếu ông ta thích im lặng lắm thì tại sao ông ta không im lặng ngay từ đầu thay vì làm thơ? Nếu Triệu Châu đã có mắt chánh thì sư còn hỏi làm gì? Bây giờ, hãy nói tôi nghe thế nào là mắt chánh?

20. ĐỨC SƠN HIỀN ĐỨC NGÀY XƯA

Quách thị giả hầu thầy là Đức Sơn. Một hôm Quách thị giả hỏi, “Con cho rằng các bậc hiền đức ngày xưa đã đi đến một nơi nào đó. Hoà thượng có vui lòng nói cho con biết là các ngài đã trở thành gì không?” Đức Sơn đáp, “Tôi không biết họ ở chỗ nào.” Quách thị giả thất vọng, “Con đang mong câu trả lời giống ngựa phi, nhưng chỉ được câu giống rùa bò.” Đức Sơn im lặng tựa như người bị bại trận tranh luận. Hôm sau Đức Sơn đi tắm rồi đến phòng khách, Quách thị giả mời sư uống trà. Sư vỗ nhẹ lên lưng thị giả và hỏi, “Công án hôm qua thế nào rồi?” Thị giả đáp, “Thiền của hòa thượng khá hơn hôm qua.” Nhưng Đức Sơn chẳng nói gì, lại giống như kẻ bị bại trong cuộc tranh luận.

Như Huyền: Quách thị giả hỏi về các sư ngày xưa như một số người nghĩ thiền đường như là một thế giới vinh quang. Nơi đó những người đã chết trên mặt đất tiếp tục việc làm của họ. Bao lâu ông thị giả còn trung thành phục vụ thầy, tại sao lại phải tự mình phiền nhiễu với những vấn đề như thế? Dù một đệ tử có thể nghĩ rằng thầy mình là “sư,” ông thầy không chấp nhận một danh hiệu như thế bởi vì Thiền của ông không tách lìa với Thiền của họ, và Pháp của ông là một thành phần tạo thành Pháp của họ. Đức Sơn rất tử tế với ông tăng, người có Thiền không khác hơn giấc mộng hôm qua. Có thể Đức Sơn đã nghĩ, “Dùng để làm gì,” nhưng sư vẫn im lặng.

Genro: *Tim cổ đức lạnh như sắt thép,
Mà phàm tình không thể xử phân.*

*Họ tới lui nhanh như ánh chớp,
Vào và ra giống như huyền thuật.
Ai phê bình cũng chẳng động tâm.
Đỉnh núi cao còn có thể leo,
Đáy biển sâu không sao dò được.
Dưới chân sư phải nên ra sức,
Đức Sơn, thị giả ăn chẳng chung bàn.*

21. PHẦN DƯƠNG CÂY GẬY

Phần Dương giờ cây gậy lên và nói với tăng chúng, “Ai thấu suốt được cây gậy này thì việc hành cước cầu Thiền đã xong.”

Như Huyền: Thiền tăng thường du hành bằng chân, đôi khi phải leo những ngọn núi không có lối mòn và vượt qua những dòng sông không biết tên, họ đem theo cây gậy dài cao hơn họ. Phần Dương đã hành cước nhiều năm khi sư còn trẻ, viếng hơn bảy mươi bậc thầy, vì vậy đã giữ cây gậy của mình làm vật kỷ niệm. Trong câu chuyện sư dùng cây gậy bày tỏ Thiền của sư với tăng chúng. Nó chẳng phải là vật kỷ niệm. Nó chẳng phải là một biểu tượng. Nó là cái gì? Quý vị không thể thấy nó bằng mắt. Quý vị không thể nắm nó bằng tay. Quý vị không thể ngửi nó bằng mũi. Quý vị không thể nghe nó bằng tai. Quý vị không thể ném nó bằng lưới. Quý vị không thể hình thành nó bằng ý nghĩ. Đây, nó đây!

Genro: Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai nhập vào Phật giới khi các ngài hiểu cây gậy này. Tất cả chư Tổ đời này sang đời khác thành tựu qua cây gậy này. Lời Phần

Dương nói đúng; không ai phủ nhận được. Tuy nhiên, tôi phải nói rằng ai hiểu được cây gậy sẽ bắt đầu hành cước thay vì chấm dứt hành cước.

*Tích trượng dài bảy thước!
Bất cứ ai hiểu được
Có thể nuốt đất trời.
Kẻ đi nam hay bắc
Đều ở trong cửa ta.
Trước khi rời cửa này,
Thì phải dứt hành cước.
Cao Đình bên kia sông
Lễ Đức Sơn vậy quạt
Ngay đó Cao Đình ngộ.
Huyền Sa ráng leo núi
Để gặp thầy của mình,
Bị té chân chảy máu
Ngay lúc đó liền ngộ,
Và nói rằng “Đạt Ma
Chẳng có đến Trung hoa
Và kẻ thừa kế Tổ
Chưa từng đến Ấn độ.”*

22. BA LĂNG MẬT TRUYỀN

Một ông tăng hỏi Ba Lăng, “Câu mật truyền đông tây có nghĩa là gì?” Ba Lăng vặn hỏi, “Đâu chẳng phải là lời dẫn từ thơ của Tam Tổ?” Ông tăng đáp, “Dạ, không phải. Đó là lời của Thạch Đầu.” Ba Lăng nhận lỗi, “Ấy là lỗi của tôi. Tôi già nua lắm cảm vậy.”

Như Huyền: Ba Lăng là người thừa kế Vân Môn, tổ thứ mười ba sau Bồ-đề Đạt-ma. Thạch Đầu là tổ thứ tám và bài thơ *Tham Đồng Khế* * của sư cũng nổi tiếng trong giới tăng nhân như bài *Tín Tâm Minh* * của tổ thứ ba vậy. Không một ông tăng hay sư nào có thể nhầm lẫn bài này với bài kia, nhưng Ba Lăng muốn nghe lời riêng của ông tăng, là người có thể nhận truyền ngay lúc ấy, chẳng phải đông tây gì cả mà là ngay lúc đó.

Tìm kiếm câu nói quý vị đã nghe trích dẫn từ sách nào để làm gì? Khi câu hỏi là của quý vị thì quý vị cũng sẽ tìm ra câu trả lời.

23. TUYẾT PHONG CHẶT CÂY

Tuyết Phong và đệ tử là Trường Sinh cùng vào rừng chặt cây. Sư cảnh giác, “Búa chưa tới lõi thì chớ ngừng.” Đệ tử đáp, “Nhưng con đã chặt đứt mắt rồi.” Tuyết Phong nói tiếp, “Các sư ngày trước truyền pháp cho đệ tử bằng tâm truyền tâm. Còn ông thì thế nào?” Trường Sinh ném búa xuống đất, nói, “Đã truyền xong.” Tuyết Phong nhặt gậy lên đánh Trường Sinh, đệ tử quý của sư.

Như Huyền: Tăng nhân là những người hợp tác đích thực, dù thiền định trong thiền đường hay cùng nhau làm các công việc hằng ngày. Chắc chắn hai người này đang mang ngọn đèn Pháp. Nhiều người Tây phương tìm chân lý, đèn viếng hết các lớp học triết rồi lại đến học thiền định dưới sự hướng dẫn của các ông thầy Đông phương, nhưng có được bao nhiêu người trong bọn họ chặt cây đến

lỗi? Họ thường chỉ cào tróc lớp vỏ ngoài và đợi người khác chẻ thân cây cho họ. Thực là con nít nhõng nhẽo!

Trường Sinh đã đạt Thiền trước khi thầy của sư dứt lời. Tuyết Phong rất hài lòng. Nhưng sau khi ông tặng ném cái búa xuống đất, tại sao lại nói, “Đã truyền xong”? Ông ta thiệt là đáng đòn.

Genro: *Trường Sinh có búa tốt
Đủ bén để bửa đôi
Thân cây chỉ một nhát.
Tuyết Phong dùng tích trượng
Làm cho lưỡi thêm bén.*

24. NAM TUYỀN TUỔI PHẬT

Một hôm Nam Tuyền trì hoãn ngồi vào chỗ của sư trong phòng ăn. Hoàng Bá, là đệ tử thủ tọa, ngồi vào chỗ của thầy thay vì ngồi vào chỗ của mình. Nam Tuyền bước vào, nói, “Chỗ đó thuộc về ông tăng già nhất trong chùa này. Theo Phật giáo thì ông bao nhiêu tuổi?” Hoàng Bá đáp, “Bằng tuổi Phật Tì-bà-thi.” Nam Tuyền nói, “Vậy thì ông là cháu nội tôi. Xuống đi.” Hoàng Bá trả lại chỗ cho thầy, mà ngồi vào chỗ kế chỗ dành cho ông.

Như Huyền: Có lẽ tăng chúng trong chùa bám vào tư cách của thầy và vị tăng thủ tọa. Mỗi tăng nhân phải giữ chỗ ngồi của mình và là thầy của tình thế bất chấp tuổi tác hay địa vị, vì vậy Hoàng Bá muốn phá vỡ sự ràng buộc này của tăng chúng. Một Phật tử tính tuổi của mình từ ngày thọ giới qui y và một số tăng nhân rất hãnh diện về tuổi đạo của

họ. Bất kể tuổi của Phật Tì-bà-thi là bao nhiêu, thời gian vẫn là có giới hạn và hữu cùng. Nam Tuyền sống trong thường hằng vô thủy vô chung, vì vậy sư bảo Hoàng Bá xuống đi. Nếu Hoàng Bá trở lại chỗ dành cho mình, tức là tự mâu thuẫn. Hoàng Bá ngồi vào một chỗ khác, như vậy sư đã nắm lại tình thế.

25. NHAM ĐẦU THÙNG NƯỚC

Ba ông tăng Tuyết Phong, Khâm Sơn và Nham Đầu gặp nhau trong vườn chùa. Tuyết Phong thấy một thùng nước liền chỉ. Khâm Sơn nói, “Nước trong, trắng soi bóng.” Tuyết Phong nói, “Chẳng phải nước, chẳng phải trắng.” Nham Đầu lật nhào thùng nước.

Như Huyền: Khi Tuyết Phong chỉ thùng nước, sư ám chỉ Phật thân nhuần khắp thế giới và Khâm Sơn cũng ở trong cùng một tâm thái như trong bài kệ xưa:

*Trắng Bỏ-tát
Trong và mát
Trôi bông bênh
Trong hư không.
Tâm chúng sinh
Nếu tự tĩnh
Như hồ yên,
Thì ảnh đẹp
Của Bỏ-đề
Sẽ hiện ra
Ngay ở đó
Không thời gian.*

Tuyết Phong nhấn mạnh vào thể tánh hơn là hiện tượng, khi sư nói, “Chẳng phải nước, chẳng phải trăng.” Nham Đầu lật nhào thùng nước xóa bỏ tất cả ngay cả sự phủ định của Tuyết Phong. Thiền chẳng phải triết học cũng chẳng phải tôn giáo.

Genro: *Trong vườn liễu và hoa
Bên cạnh tháp nhạc đẹp
Hai khách thưởng thức rượu
Tay nâng chiếc tách vàng
Dưới ánh trăng nhợt nhạt.
Họa mi bỗng cất cánh
Từ trên một cành cây
Rung sương rơi từ lá.*

Fugai: Họa mi? Không! Phượng hoàng!

26. TUYẾT PHONG CHÍNH XÁC

Tuyết Phong làm đầu bếp trong chùa của Động Sơn. Sư ngày nào cũng chuẩn bị bữa ăn sáng rất đúng giờ. Một hôm Động Sơn hỏi, “Cái gì khiến ông giữ giờ giấc chính xác như vậy?” Tuyết Phong đáp, “Con nhìn trăng sao.” Động Sơn hỏi vặn, “Nếu trời mưa hay sương mù thì ông làm thế nào?” Tuyết Phong im lặng.

Như Huyền: Vào thời của Tuyết Phong không có đồng hồ báo giờ, nhưng tăng chúng thức dậy vào lúc bốn giờ sáng để thiền định khoảng một tiếng đồng hồ trước bữa ăn. Mặc dù Tuyết Phong chuẩn bị bữa điểm tâm trước khi

có ánh nắng ban ngày, tiếng *bảng* báo giờ của Tuyết Phong luôn luôn không trễ không sớm. Khi Động Sơn hỏi câu hỏi ấy là sự ca ngợi ông tăng đầu bếp, và câu trả lời của Tuyết Phong rất trơn tru không có dấu vết của kiêu hãnh. E rằng các tăng nhân khác hiểu lầm, Động Sơn lại hỏi, “Nếu trời mưa hay sương mù thì sao?” Có thể tăng chúng đang suy nghĩ rằng Tuyết Phong nhờ vào trăng sao mà giữ đúng giờ giấc. Ngày nay chúng ta có đồng hồ báo giờ và các thiết bị khác nhắc giờ giấc cho chúng ta, nhưng chúng ta không làm việc đúng giờ, trừ phi chúng ta trau dồi Thiền của mình và làm chủ tình thế. Chúng ta phải lái thời gian mà không để thời gian lái chúng ta. Động Sơn muốn Tuyết Phong chia sẻ bí mật của mình với các tăng nhân khác. Quý vị có nghĩ rằng họ hiểu không?

Genro: Nếu Động Sơn hỏi tôi sẽ làm gì nếu trời mưa hay sương mù, thì tôi sẽ trả lời rằng tôi nhìn trời mưa và thưởng thức sương mù.

Fugai: Xin lỗi thầy nhé, nhưng tôi cảm thấy thích dùng kéo cắt lưỡi thầy. Tuyết Phong đã trả lời rồi.

27. NGƯỠNG SƠN NGÀN MUÔN CẢNH

Ngưỡng Sơn hỏi Qui Sơn, “Khi ngàn muôn cảnh đến thì hòa thượng làm thế nào?” Qui Sơn đáp, “Vật xanh thì chẳng vàng. Vật dài thì chẳng ngắn. Mỗi vật tự có chỗ riêng. Can hệ gì đến ta chứ?” Ngưỡng Sơn cúi đầu bái tạ.

Như Huyền: Ngưỡng Sơn học Thiền dưới sự hướng dẫn của Qui Sơn, về sau nhận Pháp và trở thành người thừa kế. Đây là một trong hàng trăm câu chuyện xảy ra trong những năm tu tập đó.

Khi một người qui định và thọ nhận một hình ảnh của tâm trí, nó trở thành một cảnh (hay vật) đối với y. Phật giáo xếp loại các tâm cảnh chung với trần cảnh của thế giới năm giác quan nhận biết. Nếu vui và buồn đến cùng một lúc, nếu sướng và khổ tụ tập quanh mình thì làm thế nào điều khiển chúng. Nếu một người phán xét được và mất, thích và không thích cùng một lúc thì thực ra y nên làm gì?

Người học Thiền nên cố gắng mỗi lúc chỉ làm một việc thôi. Nếu quý vị có ai lục tìm một bài xã luận trong bản giấy của mình, thì nên đóng cái ngăn kéo đã lục rồi mới mở ngăn kéo kế tiếp. Mỗi ngăn kéo chứa một cái gì đó quan trọng, nếu bài xã luận không có ở đó thì những thứ khác chẳng liên quan gì đến mình vào lúc đó. Quý vị có để mở tất cả các ngăn kéo hay đồ tất cả các thứ xuống sàn nhà không? Nhưng đó chính là điều nhiều người làm với tâm cảnh của họ. Những người ăn kẹo trong khi đọc hay nghe đài phát thanh trong lúc viết, theo tinh thần Thiền, chắc chắn là họ đã lạc bước.

28. LONG NHA CẢNH GIỚI VÔ THƯỢNG

Một ông tăng hỏi Long Nha, “Các sư ngày xưa đạt được gì khi các ngài nhập vào cảnh giới vô thượng?” Long Nha đáp, “Họ giống như kẻ trộm lén vào một căn nhà trống.”

Như Huyền: Có lẽ ông tăng này nghĩ các sư có một cái gì đó mà những người khác không có. Thực ra họ không có cái gì mà người khác không có. Câu trả lời của Long Nha có vẻ kỳ quặc, nhưng đó là cách để cư xử ông tăng này. Ông ta tham hết công án này đến công án khác, cố trở thành một bậc sư và hỏi về công án tối hậu như là một cuộc khảo hạch cuối cùng. Ông ta đã không kiên nhẫn, thay vì phải đi từng bước. Với tâm bị quấy nhiễu thì dù ông có muốn nằm mộng đến cảnh giới vô thượng cũng không thể được, mà chỉ tham lam chụp lấy bất cứ thứ gì chợt thấy, vì thế Long Nha đã bỏ ông ta vào một căn nhà trống.

Một người khỏe mạnh không bao giờ nghĩ đến bệnh tật, và một người bị bệnh phải tranh đấu để được khỏe mạnh. Một người có lần được hỏi bên trong có cái gì, người ấy nhìn tỏ ra rất trầm tĩnh và hài lòng. Đến phiên anh ta hỏi lại người hỏi kia thì y nhìn tỏ ra rất bất an và không hài lòng. Một người bên trong không có gì thì luôn luôn hạnh phúc, nhưng một người có nhiều dục vọng thì không bao giờ thoát được cảnh khổn đồn.

Genro: *Y đi trên kiếm bén;
Lòng ăn cắp chẳng còn.
Trên dòng sông đóng băng.
Y vào căn nhà trống;
Y trở về quê cũ;
Thấy nắng đẹp ban mai,
Nhìn trăng sao gần gũi.
Y thong dong bước đi trên đường phố
Đón gió hiền dịu nhẹ mơn man.
Cuối cùng y mở cửa kho tàng.
Đến khi ấy, y chẳng còn mộng nữa
Xưa nay y vẫn có kho tàng này.*

29. NGƯỠNG SƠN CHÀO THẦY

Lúc hết thời gian an cư một trăm ngày mùa hạ, Ngưỡng Sơn đón chào thầy là Qui Sơn, “Con chẳng thấy hòa thượng quanh đây suốt cả mùa hè.” Qui Sơn hỏi, “Ông đã làm gì ?” Ngưỡng Sơn đáp, “Con đã chăm sóc một miếng đất và sản xuất được một giỏ đầy hạt kê.” Qui Sơn phê bình, “Ông đã không lãng phí mùa hè này.” Ngưỡng Sơn hỏi lại, “Hòa thượng đã làm gì mùa hè này?” Vị tăng già đáp, “Ta đã ăn mỗi ngày một bữa trưa và ngủ vài giờ sau lúc nửa đêm.” “Vậy thì hòa thượng đã không lãng phí mùa hè này,” Ngưỡng Sơn nói xong liền thề lười ra. Qui Sơn nhận xét, “Ông nên tự trọng một chút.”

Như Huyền: Chùa của Qui Sơn có khoảng một ngàn năm trăm tăng chúng, đa số họ ở trong thiền đường ngày đêm ngồi thiền, trong khi một số chịu trách nhiệm lo việc nhà bếp và một số khác làm việc đồng áng. Mỗi người làm phần việc của mình để làm vinh quang Phật-Pháp. Phần của Ngưỡng Sơn là chăm sóc miếng đất để sản xuất một giỏ đầy hạt kê, và Qui Sơn sống cuộc sống của một tăng nhân lý tưởng. Trong toàn thể gia đình Thiền, không ai lãng phí mùa hè của mình. Theo cái nhìn thế gian thì đây là một cảnh chào mừng giữa thầy và trò với sự đánh giá lẫn nhau, nhưng trong Thiền người học trò vẫn còn cho thấy dấu vết của sự chứng đạt. Anh ta còn lãng vãng với cái bóng của được và mất. Anh ta đã nhận ra lời nói sai của mình trước khi chấm dứt, ông thầy, vì nhận thấy những gì đang diễn ra trong tâm người học trò, nên đã trách mắng y.

Genro: Trong chùa Qui Sơn xưa,
 Không ai phí thì giờ.
 Mỗi tầng tôn vinh Pháp,
 Làm việc trong im lặng,
 Không kể được hay mất.
 Các chim chân sợi đỏ,
 Các sợi ấy vẫn còn,
 Dù bao nhiêu hấp dẫn.
 Các tầng không được bám
 Ngay cả sự tự do.
 Một anh thè lưỡi ra
 Để khỏi bị một gậy--
 Được từ bi ban cho--
 Dứt thân tâm các sợi.

30. THÁI TÔNG NẪM MỘNG

Hoàng đế Thái Tông đời nhà Tống một đêm nằm mộng thấy một vị thần hiện ra khuyên vua phát tâm cầu giác ngộ vô thượng. Sáng hôm sau Hoàng đế hỏi vị Tăng lục, “Làm sao trẫm có thể phát khởi tâm cầu giác ngộ vô thượng?” Vị Tăng lục không lời để đáp.

Fugai: Hoàng đế vẫn còn trong mộng khi hỏi vị tăng lục. Bầy tôi nên chuẩn bị một cái thau rửa mặt bằng ngọc màu lục, một tấm vải trắng như tuyết và nước có chút đá lạnh để rửa mặt cho nhà vua. Phải bãi chức vị tăng lục vì đã không giúp được nhà vua lúc nào cũng tỉnh táo. Khi nhà vua hỏi, ông ta đã không nói được một tiếng, bê trễ bồn phận, và vô tích sự.

Như Huyền: Hoàng đế phải phát tâm cầu đạt điều đã mộng thấy. Vị tăng lục biết có trả lời nhà vua cũng vô ích, chừng nào nhà vua còn chưa biết cái gì ở bên kia nhị nguyên, nhưng sự im lặng của ông ta không đủ sức sáng đi vào tâm người mộng.

Genro: Nếu tôi là vị tăng lục thì tôi sẽ đáp, “Tâu hoàng thượng, hoàng thượng nên hỏi vị thần trong mộng của hoàng thượng ấy.”

Fugai: Tôi không biết thầy tôi [Genro] có từng quen với vị thần mà hoàng đế nói hay không. Dù có quen thì lời khuyên của ông cũng đã muộn quá rồi.

Như Huyền: Giác ngộ vô thượng là gì? Làm sao người ta biết rằng mình đang phát tâm cầu giác ngộ vô thượng? Khi Phật giác ngộ, ngài quan tâm đến tất cả chúng sanh với tâm bi sâu xa, ngài đã tìm phúc lợi và giải thoát. Phật đã thành tấm gương chơn tánh của giác ngộ vô thượng. Bốn lời nguyện vĩ đại phát khởi tâm cầu và chúng thực sự giác ngộ ấy.

31. QUI SƠN GỌI HAI TĂNG CHÚC

Sư Qui Sơn cho người gọi ông tăng thủ kho, nhưng khi ông tăng thủ kho trình diện thì sư bảo, “Tôi gọi tăng thủ kho, không phải ông.” Ông tăng thủ kho không nói gì được. Kế đó sư cho người gọi ông tăng thủ tọa. Nhưng khi ông này đến, sư lại

bao, “Tôi cho gọi ông tăng thủ tọa, không phải ông.” Ông tăng thủ tọa không nói gì được.

Như Huyền: Một ngôi chùa phải có năm bảy tăng chức. Thủ kho lo việc ngân sách của chùa, và thủ tọa quản lý tất cả tăng chúng trong Thiền đường. Các tăng mới vào thì được giữ trong Thiền đường để thiền định, còn những người lâu năm hơn thì chịu trách nhiệm các địa vị khác nhau trong chùa. Mặc dù hai ông tăng trong câu chuyện không có sự kiêu hãnh về địa vị của họ, song họ vẫn muốn có sự hướng dẫn riêng nên đã trình diện trước thầy. Qui Sơn khám phá ra cái tâm nhị nguyên này và trách họ.

32. PHẢN DƯƠNG TRỪNG PHẠT HƯ KHÔNG

Một ông tăng hỏi Phản Dương, “Nếu hư không trong mười ngàn dặm không một chút mây, thì hòa thượng nói thế nào?” Phản Dương đáp, “Tôi sẽ trừng phạt hư không bằng cây gậy này.” Ông tăng khẩn khoản, “Tại sao hòa thượng trách phạt hư không?” Phản Dương đáp, “Bởi vì sẽ không có mưa khi chúng ta cần và không có thời tiết tốt khi chúng ta muốn.”

Như Huyền: Một Thiền tăng sẽ trừng phạt mọi thứ bằng cây gậy bự của ông ta; ngay cả Phật và các Tổ cũng không thể tránh thoát cú đánh ấy của Thiền. Cây gậy ấy là cái cán cầm mà Thiền tăng có thể làm rung chuyển cả vũ trụ. Nếu như trong mạn lưới hoàn hảo của vũ trụ có sự quấy nhiễu nào, Phản Dương cũng sẵn sàng thu xếp mọi sự ồn thỏa bằng cây gậy của sư. Ông tăng là kẻ nằm mộng chỉ

mong sống trong sự an lạc không bị gián đoạn trong khi ông ta sùng bái một ông Phật ngốc nghếch được tắm rửa trắng tinh. Câu đáp đầu tiên của Phần Đường đã cảnh cáo ông tăng, nhưng khi thấy ông tăng không hiểu, sư đã biến câu trả lời của mình thành một câu đơn giản như đề cho một đứa bé.

33. DƯỢC SƠN VẤN ĐỀ

Sau bài Pháp sáng cho tăng chúng, một ông tăng tiến tới nói với Dược Sơn, “Con có một vấn đề, hòa thượng có giải quyết giúp cho không?” Dược Sơn đáp, “Tôi sẽ giải quyết vào bài Pháp kế tiếp.” Chiều hôm đó, khi tất cả tăng chúng đã tụ tập trong pháp đường, Dược Sơn gọi lớn, “Ông tăng nào sáng nay bảo là có vấn đề, hãy lên ngay đây.” Ngay lúc ông tăng vừa bước tới đứng trước thỉnh chúng, sư rời chỗ ngồi nằm đứng ông tăng, nói, “Chư tăng hãy nhìn đây, người này có vấn đề.” Rồi sư đẩy ông tăng sang một bên trở về phòng, không cho bài Pháp chiều.

Fugai: Nay sư huynh thân mến, tại sao sư huynh lại có cả một kho tàng đề thiền định như thế. Không có vấn đề gì, làm sao người ta thiền định kịch liệt? Chớ có yêu cầu thầy hay ai khác giúp đỡ. Thầy đã giải quyết vấn đề cho sư huynh sáng nay rồi, nhưng sư huynh không nhận ra đây thôi. Chiều nay ông ta lại cho sư huynh một bài pháp bi tráng nữa, ông ta trút hết gan ruột ra rồi.

Như Huyền: Ôi là cái bị gạo! Thật là một bài pháp sáng ngời! Tôi ngờ rằng nhiều ông tăng trong thính chúng có hiểu được hay không?

Một thời gian trước đây, một tu sĩ từ Nhật đến viếng tôi tại Thiền đường này. Ông ta hỏi, “Thiền là gì?” Tôi đặt một ngón tay của tôi lên môi và thì thầm, “Chúng tôi không nói trong thiền phòng.” Ông ta đi theo tôi đến thư viện và sắp xếp lại câu hỏi khi nãy. Vì thế tôi lại đặt ngón tay lên môi và nói, “Chúng tôi đọc sách trong im lặng.” Khi đến nhà bếp, tôi không cho ông ta cơ hội để nói mà tôi nói trước, “Chúng tôi nấu ở đây mà không nói một chữ, và ăn ở đây mà chẳng nói một lời.” Khi tôi mở cửa bắt tay tiễn ông ta, ông ta giãy nảy lên, “Thiền là gì?” và bỏ đi.

34. TUYẾT PHONG THẤY PHẬT TÁNH

Một ông tăng hỏi Tuyết Phong, “Con hiểu rằng một người ở trong cảnh giới Thanh văn thấy Phật tánh của mình khi thấy mặt trăng ban đêm, và một người ở trong cảnh giới Bồ-tát thấy Phật tánh của mình khi thấy mặt trời ban ngày. Xin hòa thượng hãy nói làm sao hòa thượng thấy được Phật tánh của mình.” Để đáp câu hỏi, Tuyết Phong đánh cho ông tăng ba gậy. Ông tăng đến một sư khác là Nham Đầu và cũng hỏi câu ấy. Nham Đầu tát cho ông ta ba cái.

Như Huyền: Nếu một người học Phật giáo để chạy trốn đau khổ của thế gian, y sẽ thấy rằng tất cả đau khổ là do tham, sân và si của chính mình gây ra. Khi y tìm cách tránh ba loại độc này và muốn làm sạch tâm mình, y có thể

thấy Phật tánh của mình vừa đẹp vừa xa xôi như mảnh trăng non. Nhưng phần lớn thời gian, y không thấy ngay cả điều này. Y ở trong cảnh giới Thanh văn.

Một người khác học Phật giáo để độ tất cả chúng sinh. Người này nhận ra chân tánh con người, và thấy Phật tánh nơi mọi người, không có ngoại lệ. Người này thấy mây, mưa và tuyết với nỗi buồn, nhưng không trách mặt trời và ban đêm thì biết các phần khác của trái đất có ánh sáng ban ngày rực rỡ. Người này biết rằng loài người hủy diệt sự vật một cách ngu xuẩn mà cũng có thể tạo ra và xây dựng sự vật một cách khôn ngoan. Người này là một Bồ-tát.

Những câu nói đầu tiên của ông tăng chẳng có gì sai, nhưng nếu ông ta hiểu các câu nói đó thì tốt hơn ông ta chẳng nên hỏi Tuyết Phong về Phật tánh của sư. Tuyết Phong đã cố gắng đem ông tăng từ cõi mộng trở lại trần gian với mấy cú đánh bằng gậy. Nhưng ông tăng lại đem mộng của mình đến Nham Đầu và ông ta cũng nhận được cách đối xử tương tự. Tôi có thể tưởng tượng ra bộ mặt ngu xuẩn và ngái ngủ của ông ta!

35. LỢI TUNG BÀI THƠ

*Lợi Tung sống ba chục năm trên núi Tử Hồ,
viết một bài thơ:*

*Ba mươi năm núi Tử Hồ ta sống
Ngày hai lần ăn đạm bạc nuôi thân
Leo đồi núi trở về am, thân thể dục
Người cùng thời chẳng nhận ra ta.*

Như Huyền: Như con chim bay tự do mà chẳng để lại dấu vết nơi hư không, cũng vậy Thiền tăng nên sống mà không tạo ấn tượng về sự từng trải của mình. Phật nói, “Và bởi sa môn bên trong an ổn và thanh bình, người ta kính trọng sa môn. Do đó, sa môn nên tránh tất cả những vương mắc phiền toái. Vì giống như cái cây trong sa mạc hoang liêu, là nơi tất cả chim và khỉ cùng nhau tụ tập, cũng như vậy sa môn là nơi nhiều bạn bè và người ngưỡng mộ vây quanh làm trở ngại.” Lão Tử nói, “Do đó, để tránh những đối nghịch, thánh nhân lo liệu việc của mình mà không làm gì cả, truyền dạy người mà không dùng lời nói. Thánh nhân khiến cho sự việc xảy ra mà không hành động hay tuyên bố quyền sở hữu, hay mong được báo đền, do vậy năng lực của thánh nhân không bao giờ bị nguy hiểm.”*

Vì sự trong câu chuyện của chúng ta muốn sống theo cách này. Bất cứ ai hoàn thành việc lớn cũng có nợ với những người đồng thời vô danh. Một ông tăng sống trên núi ba chục năm, ăn uống đạm bạc và leo đồi leo núi. Cuộc sống của ông ta không có lỗi lầm; ông ta hài lòng. Đời sống hằng ngày của ông ta thuyết Pháp không ngừng. Ông ta còn quan tâm đến những người đồng thời để làm gì?

Genro: *Khi hứng thú thì đi leo núi,
Khi an nhàn làm bạn với mây,
Trong cô liêu hưởng niềm vui vô tận.
Thiền tăng nào được thú vui này?*

* . . . Thị dĩ, thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo. Vạn vật tác yên nhi bất từ, sanh nhi bất hữu, vi nhi bất thị. Công thành nhi phát cư, phù duy phát cư, thị dĩ bất khứ. Đạo Đức kinh, Ch. II. (Người dịch).

36. SAU KHI CHẾT GẶP NHAU Ở ĐÂU

Đạo Ngô viếng sư đệ bị bệnh là Vân Nham. Người viếng hỏi, “Nếu sư đệ chết và chỉ để lại cái xác ở đây thì tôi có thể gặp sư đệ ở đâu?” Ông tăng bị bệnh đáp, “Tôi sẽ gặp sư huynh ở chỗ không có gì sinh và không có gì tử.” Đạo Ngô không hài lòng với câu đáp, nói, “Sư đệ nên nói rằng không có chỗ nào không có gì sinh và không có gì tử, và chúng ta chẳng cần thấy nhau chi hết.”

Như Huyền: Cả Đạo Ngô lẫn Vân Nham đều đặc Pháp nơi Dược Sơn, về sau họ trở thành những bậc thầy nổi tiếng. Câu chuyện dật sử này thuộc vào lúc họ còn thanh niên; ít nhất cũng là khi họ còn trẻ trong Thiền. Đạo Ngô không nên quấy rầy người sư đệ bị bệnh bằng một câu hỏi như thế. Tất cả chúng ta không lúc nào là không tiến gần đến cái chết trong thế giới vô thường (anikka) này. Người khỏe cũng như người bệnh mỗi ngày đều giáp mặt với cái chết trong thế giới đau khổ (dukkha) này. Người tu sĩ Phật giáo nhận ra chân lý vô ngã (anatta), thì y không bao giờ cảm thấy khổ và sống ở bên kia thế giới vô thường.

Phi lý! Tại sao không để cho người bệnh được yên? Vì chẳng có linh hồn nào “ra đi” vào lúc chết, nếu khách đến thăm không thỏa mãn với cái xác chết, y nên tìm bàn tay ấm áp nơi một ông tăng khác mà bắt tay để được hài lòng.

Câu đáp của ông tăng bị bệnh không tệ, nhưng vẫn còn dấu vết của định đề. Nếu tôi là ông tăng bị bệnh, tôi sẽ đáp, “Đừng lo, sư huynh. Đệ sẽ cùng huynh thiền định chừng nào huynh còn sống.” Sự sửa sai của Đạo Ngô cho câu đáp của ông tăng bị bệnh chỉ là hí luận. Vân Nham nên cười và chúc sư huynh ngủ ngon.

Genro: Đạo Ngô mất hết trơn và Vân Nham được tất cả. Vân Nham nói, “Đệ sẽ gặp huynh,” còn Đạo Ngô thì nói, “Chúng ta chẳng cần thấy nhau chi hết.” Họ chẳng cần thấy nhau, do đó, họ gặp nhau. Họ gặp nhau bởi vì họ không cần thấy nhau.

*Tình bạn vượt thân sơ
Gặp, không gặp chẳng khác.
Mai già nở đầy hoa,
Cành nam xuân trợn vện
Cành bắc trợn vện xuân.*

37. TUYẾT PHONG THÁNH TÍNH

Một ông tăng hỏi Tuyết Phong, “Có thể chạm thánh tính được chăng?” Tuyết Phong đáp, “Chỉ kẻ khờ chẳng thể chạm được.” Ông tăng lại hỏi, “Nếu y quên mình thì có thể chạm được chăng?” Tuyết Phong đáp, “Nếu y còn quan tâm thì chạm được.” Ông tăng hỏi tiếp, “Lúc ấy y thế nào?” Tuyết Phong đáp, “Con ong chẳng bao giờ trở lại cái tổ đã bỏ.”

Như Huyền: Có một công án minh họa câu chuyện này. Một học nhân hỏi thầy, “Thế nào là Thiên?” Sư đáp, “Thân.” “Thân” là chữ Hán có nghĩa là người thân như “cha, mẹ hay cái ta của một người,” khi dùng như một danh từ; khi được dùng như một tính từ nó có nghĩa là gần gũi nhất hay quen thuộc nhất; và khi dùng như một động từ, nó có nghĩa là thương yêu, luôn thấy nhau, biết rõ ràng, hay hiểu thấu suốt. Ông tăng trong câu chuyện này nhắm chạm

thánh vật như một Sufi* nhìn người yêu dấu của mình. Ông tăng tiến gần chân lý một cách bình tĩnh với hai bàn tay trắng. Thái độ của ông tăng đủ gây thơ, nhưng ông ta phải bước xuống khỏi cái tháp ngà của mình. Nhà tu khổ hạnh Sufi có thể cảm biết người yêu dấu, nhưng người Phật giáo chân chính tự biến mình thành thánh tính. Tuyết Phong đã chứng minh Thiền của sư bằng cách nói, “Con ong chẳng bao giờ trở lại cái tổ đã bỏ.” Giống như thái dương hệ xuyên qua bầu trời, tâm của một Thiền tăng cũng đi từ vĩnh cửu này sang vĩnh cửu khác mà không bám vào vật gì. Tâm lý học quan sát các hiện tượng tâm trí, và nhận thức luận bàn về lý thuyết nhận thức. Nhưng đây là chỉ là hình bóng của tâm, không phải chính cái tâm. Khi một người thấy chính cái tâm thì sự tìm kiếm của y liền chấm dứt. Lúc ấy y có thể “chạm thánh tính” mà không bị ràng buộc gì, quên tất cả ngôn từ và ngay cả sự vô ngã của y. Y trở thành “con ong trong cái tổ mới,” tự do tự tại. Sự sống của y là Thiền hay “Thân”.

38. RA ĐI VÀ TRỞ LẠI

Một ông tăng hỏi thầy, “Hòa thượng nghĩ sao về một ông tăng từ chùa ra đi và chẳng bao giờ trở lại?” Sư đáp, “Y là con lừa vô ơn.” Ông tăng lại hỏi, “Hòa thượng nghĩ sao về một ông tăng từ

* Sufi là danh từ gọi các tu sĩ khổ hạnh và ẩn tu theo một trong các giáo phái của Hồi giáo. Một số giáo lý của tông phái này chịu ảnh hưởng từ các tôn giáo khác như Phật giáo, Ky-tô giáo... và chủ yếu là Hồi giáo, qui kết ở một vị thần tối cao duy nhất là Thượng đế hay đáng A-la. Các Sufi có liên hệ chặt chẽ với các tu sĩ huyền bí Dervish hay fakir. (Người dịch).

chùa ra đi nhưng lại trở lại?” Sư đáp, “Y nhớ đến lợi ích.”

Như Huyền: Khi một tăng nhân bước vào một ngôi chùa, ông ta phát nguyện sẽ ở lại chùa cho đến khi đạt ngộ. Nếu ông ta bỏ chùa đi ra thì đã tự mình hoàn thành rồi, trong trường hợp này, ông ta không còn việc gì để ở lại chùa. Tuy nhiên, Thiền không có những người tốt nghiệp [như ở trường học!]. Nếu một Thiền tăng nghĩ rằng mình đạt một cái gì đó thì y đã đánh mất Thiền của mình, và y cần phải ở lại chùa.

Sau nhiều năm ở đó, nếu y được một chùa nào khác mời dạy thì y có thể đi, nhưng y phải trở lại, như một luật lệ qui định. Những tăng nhân trẻ tuổi không chịu nổi sự nghiêm khắc của một Thiền sư, họ rời bỏ chùa. Họ là những con lừa vong ân, vì vậy mà không bao giờ trở lại với thầy cũ. Nếu một người nhận Pháp ở một ngôi chùa thì ông thầy trở thành người cha và ngôi chùa là nhà của y. Làm sao y có thể quên mọi sự vật chung quanh đã từng khởi hứng sự giác ngộ? Y luôn luôn nhớ đến ích lợi và trở về nhà ngay khi có cơ hội đầu tiên.

Genro: Nếu có ai hỏi tôi, “Ông nghĩ thế nào về một ông tăng từ chùa ra đi mà không bao giờ trở lại?” Tôi sẽ nói, “Y là một thằng ngu.” Và câu hỏi, “Ông nghĩ gì về một ông tăng từ chùa ra đi và chỉ trở về?” Tôi sẽ đáp, “Y là một con cáo đang chạy trốn.”

Như Huyền: Genro cho các tăng nhân tự do đến hay đi như ý họ muốn. Không một Thiền sư nào ép buộc các tăng nhân phải ở lại chùa mình, nhưng một ông tăng bỏ thầy này đến thầy khác thì thường là một kẻ ngu bởi vì y

chìm ngập trong sự phán đoán thô bạo không công bình cho cả ông thầy và chính y.

Trong Thiền đường này, tôi không bao giờ quan tâm sự đến và đi của bất cứ người nào. Một người khách thường xuyên có thể nghĩ rằng y thuộc về chỗ này. Y nghĩ đúng, nhưng nếu y không đến nữa, tôi không nhớ nhưng y. Một người lạ đến viếng ngôi nhà khiêm tốn này có thể cảm thấy nhòm tòm sự kỳ quái của sự vật chung quanh và không trở lại nữa. Tôi tôn trọng quan niệm của y, như y không thể bỏ tôi đi bởi vì lời nguyện của tôi là độ tất cả chúng sanh, kể cả y. Nếu có ai hỏi, “Ông nghĩ thế nào về một người bạn không đến đây nữa?” Tôi sẽ trả lời, “Tôi sẽ gặp anh ta trên đường phố.” Và đối với câu hỏi, “Ông nghĩ thế nào về một người bạn trở lại chỗ này?” Tôi đáp, “Tôi sẽ nói, ‘Anh mạnh giỏi không? Gặp anh tôi vui lắm.’”

39. BA LẦN GỌI

Quốc sư Huệ Trung, là thầy của hoàng đế Trung hoa, gọi thị giả, “Ứng Chơn!” Ứng Chơn đáp, “Dạ.” Để trắc nghiệm đệ tử, Quốc sư lại gọi, “Ứng Chơn!” Ứng Chơn đáp, “Dạ.” Rồi Quốc sư gọi lần thứ ba, “Ứng Chơn!” Ứng Chơn lại, “Dạ.” Quốc sư nói, “Ta nên xin lỗi con về chuyện gọi con, nhưng thực ra con nên xin lỗi ta.”

Như Huyền: Quốc sư Huệ Trung đã ở ẩn trên núi bốn chục năm, dấu mình khỏi thế gian, nhưng cuối cùng bị hoàng đế khám phá và bắt phải có học trò đội mũ vua. Vào lúc câu chuyện dật sử này xảy ra, sư đã hơn trăm tuổi và đồ đệ, Ứng Chơn, là một Thiền tăng đã được rèn luyện kỹ

lượng, vẫn còn trẻ, nhưng có thể thọ nhận đèn Pháp từ thầy. Khi sư gọi, “Ứng Chơn!” và Ứng Chơn đáp, “Dạ,” thì cuộc đối thoại Thiền đã xong. Quốc sư Huệ Trung là một lão nhân và muốn biết chắc sự thành tựu của đệ tử. Ứng Chơn hiểu điều này đã kiên nhẫn trả lời. Ông ta đang mong lời bình phẩm của thầy và sung sướng được nghe. Thật là một bức tranh đẹp của hiểu biết và hài hòa.

Genro: Ông thầy già đủ từ tâm và chú học trò trẻ cũng vô ngã mà phục vụ. Tại sao phải xin lỗi? Bởi vì nhân sự chẳng có gì chắc chắn. Người ta không nên đặt mình vào một khuôn mẫu đời sống nào cả nếu như muốn sống tự do.

Như Huyền: Khi một Thiền sư gọi tên đệ tử, có nghĩa là ông ta muốn gõ cánh cửa bên trong Phật tánh của người đệ tử. Nếu ông thầy có chuyện trao đổi với người đệ tử, thì ông ta sẽ chẳng gọi lần thứ nhì. Trong Thiền, thầy cũng như trò chẳng ai lãng phí thì giờ, vật liệu, lời nói, ý nghĩ hay năng lực.

40. KHE SUỐI KHÔ

Một ông tăng hỏi Thuyết Phong, “Khi khe nước Thiền xưa khô không còn giọt nào thì con có thể thấy cái gì ở đó?” Thuyết Phong đáp, “Có nước không đáy ông không thể thấy được.” Ông tăng lại hỏi, “Làm sao có thể uống được nước đó?” Thuyết Phong đáp, “Y sẽ không dùng miệng mà uống.”

Sau đó, ông tăng đến Triệu Châu và kể lại cuộc đối thoại trên. Triệu Châu nói, “Nếu y chẳng

uống được bằng miệng thì cũng chẳng uống được bằng mũi.” Lúc ấy ông tăng lặp lại câu hỏi đầu tiên, “Khi khe nước Thiền xưa khô không còn giọt nào thì con có thể thấy cái gì ở đó?” Triệu Châu đáp, “Nước ấy đắng như khổ qua.” Ông tăng hỏi, “Nhờ có người uống phải thì sao?” Triệu Châu nói, “Y tất mất mạng.”

Khi Tuyết Phong nghe được cuộc đối thoại này liền hướng về Triệu Châu lễ bái và nói, “Triệu Châu là ông Phật sống, từ đây tôi không thể đáp các câu hỏi trong thiên hạ được nữa.” Từ đó về sau, hễ có người mới đến Tuyết Phong liền gửi đến Triệu Châu.

Như Huyền: Bao lâu còn có chút dấu vết Thiền, thì khe suối ấy chưa thật khô. Mỗi người đến đây mang theo chút màu sắc đặc biệt của mình thêm vào dòng suối. Khi Triệu Châu dùng chữ “mất mạng”, sư muốn nói là mất cái ta và nhập Niết bàn. Một người cố gắng trở thành thánh nhân phải vượt qua nhiều gian khó, và ngay đến lúc cuối cùng y cũng phải làm dịu nỗi khát của mình bằng cay đắng. Nếu quý vị không quan tâm đến những chương ngại này, tôi nói, “Hãy đến với nó.”

41. ĐỘNG SON BA TẠNG

Thiền sư Động Sơn nói, “Toàn bộ Ba Tạng kinh điển của Phật giáo có thể diễn tả bằng một chữ này.”

Bạch Vân, một Thiền sư khác, minh họa câu nói của Động Sơn bằng một bài thơ:

Chữ này nét nét rõ,
 Nhưng chẳng có lý do.
 Bao lần Phật cố gắng
 Viết nó mà chẳng thành.
 Cứ trao cho ông Vương,
 Là người viết chữ đẹp,
 Với bàn tay khéo léo,
 Mong muốn ắt hoàn thành.

Như Huyền: Ba tạng có nghĩa là “Ba cái giỏ”, tiếng Phạn là Tripitaka, gồm có Tạng Kinh (Sutra-pitaka), hay các kinh điển, Tạng Luật (Vinaya-pitaka) gồm các giới luật và sự điều hành tăng già, và Tạng Luận (Abhidharma-pitaka), những luận giải về các giáo lý. Vào thời của công án này có năm ngàn bốn mươi tám (5048) quyển gồm tất cả các bản văn mà Động Sơn nói có thể diễn tả trong một chữ. Chữ này là chữ gì ? Đừng đề ý đến bài thơ của Bạch Vân. Nếu sư có ý chế nhạo thì đó chỉ là một chuyện khôi hài dở ẹt về chính sư.

42. NÚI NAM

Thạch Sương sống trên núi Nam và Quán Khê sống trên núi Bắc. Một hôm một ông tăng từ chùa Bắc đến chùa Nam, và Thạch Sương bảo ông, “Chùa Nam của tôi không phải là thượng đẳng so với chùa ở phương bắc.” Ông tăng không biết nói gì, vì thế im lặng. Khi ông ta trở về với Quán Khê và kể lại những gì Thạch Sương đã nói. Quán Khê

nói, “Ông nên nói với ông ấy rằng bất cứ ngày nào tôi cũng sẵn sàng nhập niết bàn.”

Như Huyền: Ông tăng này mang ý nghĩ so sánh khi ông đi viếng hết chùa này đến chùa khác. Thạch Sương đọc được điều này trên mặt ông ta nên cố gắng điều chỉnh ý nghĩ đó, nhưng ông tăng bối rối và im lặng - một sự im lặng không dính dáng gì đến Thiền. Trở về chùa cũ, ông thầy hiền từ đã không trách mắng ông ta, thay vào đó, cố gắng chỉ cái nhất thể không có sự so sánh. Con người tham cầu sinh ra đau khổ và đau khổ sinh ra tham cầu một cái gì khác nữa; như thế y không bao giờ thoát khỏi sanh tử, sự bất an của cuộc sống thế gian. Niết bàn diệt đau khổ bằng các tiêu diệt tham cầu. Cả hai ông thầy đều biểu hiện sự tịch tĩnh. Chúng ta phải luôn luôn cảnh giác đối những người mang ý nghĩ so sánh và lang thang từ cuộc hội họp này sang cuộc hội họp khác. Ở đây chẳng có lợi ích gì cho bất cứ ai.

43. ĐẠO LÝ TỐI HẬU CỦA THIỀN

Một ông tăng hỏi Huyền Sa, “Khi các sư xưa giảng Pháp không lời bằng cái chùy hay cây phát tử, thì các ngài có chỉ bày đạo lý tối hậu của Thiền không?” Huyền Sa đáp, “Không.” Ông tăng hỏi tiếp, “Vậy lúc ấy các ngài chỉ bày cái gì?” Huyền Sa giơ cây phát tử lên. Ông tăng hỏi, “Thế nào là đạo lý tối hậu của Thiền?” Huyền Sa đáp, “Đợi đến khi ông ngộ đã.”

Như Huyền: Ông tăng này giống như những người khác, bám vào thành kiến của mình như là giải pháp khả

hữu duy nhất. Huyền Sa đã tìm cách thay đổi ý nghĩ này khi sư nói, “Không.” Ông tăng vẫn không thể giải thoát mình khỏi quan niệm cứng ngắt này dù với lời chỉ dạy sống động ở ngay trước mặt. Khi hỏi về đạo lý tối hậu của Thiền, ông ta giống như người đang đứng trước tòa thị sảnh mà hỏi thành phố ở chỗ nào. Huyền Sa bỏ cuộc và nói, “Đợi đến khi ông ngộ đã.”

Genro: Nếu tôi là Huyền Sa, tôi đã ném cây phát tử đi thay vì nói một câu nhạt nhẽo như vậy.

Fugai: Lời của thầy tôi [Genro] có thể giúp Huyền Sa, nhưng tiếc thay ông đã dùng dao mổ trâu để chặt gà.

44. NAM TUYỀN CHĂNG NHẬN CÁ TẮNG LÃN TỰC

Một ông tăng đến Nam Tuyền, đứng ngay trước sư, với hai tay trước ngực. Nam Tuyền nói, “Ông cư sĩ quá.” Rồi ông tăng chấp hai tay lại. Nam tuyền nói, “Ông tăng nhân quá.” Ông tăng không nói được tiếng nào. Một sư khác nghe được chuyện này, nói với tăng chúng của mình, “Nếu tôi là ông tăng, tôi sẽ buông hai tay tự do và bước lùi đi ra.”

Như Huyền: Khi ông tăng đến để tham thiền, có nghĩa là ông ta muốn bày tỏ sự tự do tự tại của mình bằng cách không thích hợp với các qui củ vào ra Thiền đường, nhưng câu nói đầu tiên của Nam Tuyền làm ông ta nao núng và ông ta đã thay đổi thái độ. Như vậy, ông ta tự do ở

chỗ nào? Thế gian đầy những người “thái quá” loại này hay loại kia, và có những người nghĩ rằng bằng cách đập phá ngẫu tượng là họ biểu hiện sự tự do. Tất cả những người ấy đều bị trói buộc. Một người tự do không phô bày sự tự do của mình. Người ấy tự do, vì vậy mà vượt qua hầu hết không bị chú ý. Vì y không bám vào cái gì cả, qui củ và sự điều hành không bao giờ làm phiền y. Y có thể cúi đầu lễ bái hay bước lùi ra sau, chẳng gì khác biệt.

Genro: Nếu tôi là Nam Tuyền, tôi sẽ nói với ông tăng, “Ông kẻ ngốc quá,” và với ông thầy nói rằng buông thả hai tay bước lùi ra, tôi sẽ nói “Hòa thượng người điên quá.” Chân giải thoát chẳng có vật để nắm giữ, chẳng có màu sắc để thấy, chẳng có âm thanh để nghe.

*Kẻ thực sự tự do
Trong tay không một vật,
Chẳng có kế hoạch gì,
Chỉ phản ứng tùy theo
Hành động của kẻ khác.
Tài thay sư Nam Tuyền
Làm lỏng được cái nút
Dây thừng của ông tăng.*

Như Huyền: Silas Hubbard có lần đã nói, “Khi tôi trở thành người già, tôi đơn giản hóa cả khoa học và tôn giáo của tôi. Đối với tôi sách trở nên ít ý nghĩa hơn; cầu nguyện trở nên ít ý nghĩa hơn; thuốc nước, thuốc viên và cần sa ma túy trở nên ít ý nghĩa hơn; nhưng sự bình yên, tình bạn, tình thương và một đời sống hữu dụng có ý nghĩa hơn... hơn một cách vô cùng.”

Ở đây chúng ta thấy một người Mỹ học Thiền một cách tự nhiên vào tuổi già. Nhưng tại sao người ta phải chờ

đến khi già? Nhiều người không biết cách nào làm cho mình tự do với khoa học và tôn giáo. Họ càng học khoa học thì họ càng chế tạo năng lực hủy diệt. Tôn giáo của họ chỉ là chiếc áo khoác bên ngoài quá nặng nề khi họ bước đi trong gió xuân êm nhẹ. Sách là gánh nặng đối với họ và cầu nguyện chỉ là lời xin tha thứ đẹp đẽ. Họ tiêu thụ thuốc nước, thuốc viên, cần sa ma túy, nhưng họ không làm giảm được sự bệnh hoạn thể xác và tâm trí. Nếu thực sự họ muốn bình yên, tình bạn, tình thương và một đời sống hữu dụng thì họ phải làm trống tất cả những cái túi quý hóa chứa bụi và ảo tưởng để nhận ra tinh thần tự do, lý tưởng của đất nước này.

45. VU ĐỊCH HỎI PHẬT

Tể tướng Vu Dịch hỏi sư Đạo Thông, “Thế nào là Phật?” Sư gọi đột ngột, “Đại nhân!” “Dạ,” vị tể tướng đáp một cách ngây thơ. Rồi sư nói, “Ngài còn tìm gì khác?”

Như Huyền: Vu Dịch góp nhặt những câu trả lời của các Thiền sư mà ông ta đến viếng với câu hỏi này như một người sưu tập tiền xu hay tem thư không còn dùng nữa. Kiến thức về Thiền của ông ta đủ để đánh giá vài câu trả lời, nhưng ông ta hoàn toàn không sẵn sàng cho câu đáp này, nó quá nhiều đến độ làm ông ta quên cả tại sao mình đối diện với ông thầy này. Tiếng “Dạ” của ông ta cũng đơn giản và tự nhiên như lời đáp tiếng mẹ gọi của đứa con.

Genro: Hai tiếng “Đại nhân!” đã dội đầu ông ta vào một cái gì đó, nhưng tôi không chắc đó có phải là một ông Phật thật hay không.

*Chớ nhằm ngọn cây tìm cá
Khi về nhà chớ nấu tre cây.
Phật-đà, Phật-đà, Phật-đà ...
Kẻ ngu giữ lấy dây râu tiền.*

Như Huyền: Một người Trung hoa có lần thường thức một đĩa măng tre và được bảo rằng đó là tre nấu chín. Về nhà y cắt một khúc tre cây và nấu hằng giờ nhưng vô ích.

Ở Trung hoa và Nhật bản, người ta dùng sợi dây xoắn qua cái lỗ giữa các đồng xu thành một xoắn để dễ mang đi. Một người ngu có lần đã nắm chắc lấy sợi dây xoắn sau khi các đồng xu đã tuột mất khỏi sợi dây. Nhiều người vẫn bám vào sợi dây trông này mà tin rằng họ đang mang theo mình kho tàng thực sự.

46. CHỮ TÂM

Một ông tăng già viết chữ “Tâm”, kiểu chữ Hán, tượng hình cho trái tim, lên cổng, cửa sổ và tường của ngôi nhà nhỏ của ông ta. Pháp Nhãn nghĩ như vậy là sai và muốn sửa lại cho đúng, nói, “Cổng phải có chữ cổng, cửa sổ và tường mỗi cái phải có chữ riêng của nó.” Huyền Giác nói, “Cổng tự nó hiện bày chẳng cần có chữ, cửa sổ và tường cũng vậy, chẳng cần bản hiệu gì cả.”

Như Huyền: Ông tăng già thừa nhận rằng cổng, cửa sổ và tường là hiện thân của tâm. Ông ta giống như Hegel, thấy thế giới như là quá trình tư tưởng, cái khác nhau là Hegel tự nhốt mình trong suy lý còn ông tăng thì đã làm mình tự do với suy lý. Và lại, chủ nghĩa lý tưởng có tính chất tuyệt đối của Hegel bám víu vào cái gì đó để thành hình trong thực tế, ông tăng thì đã vượt qua bên kia danh và tướng để ở trong ngôi nhà vô hình mà cổng, cửa sổ và tường của nó không là gì cả mà chỉ là tâm.

Pháp Nhân ủng hộ ông tăng một phần, tự mình tỏ ra có khác. Có thể sư đã nói, “Tôi hài lòng với cổng, cửa sổ và tường. Tại sao ông còn dán nhãn hiệu cho chúng nữa?”

Huyền Giác cảm thấy rằng sự vật tự chúng bày tỏ chẳng cần tên gì cả.

Genro: Tôi sẽ viết chữ “cửa sổ” lên cổng, chữ “tường” lên cửa sổ, và chữ “cổng” lên tường.

Như Huyền: Tôi hiểu câu nói của Genro, nhưng quý vị không những chỉ vào nhà của ông tăng già đã sống mà còn để cho cái nhà ấy nhập vào quý vị.

47. TRIỆU CHÂU ĐO NƯỚC

Một hôm Triệu Châu viếng pháp đường của sư đệ là Thủ Du. Sư bước lên đàn, vắn mang theo gậy, nhìn từ đông sang tây rồi từ tây sang đông. Vị sư đệ hỏi, “Sư huynh làm gì vậy?” Triệu Châu đáp, “Tôi đang đo nước.” Vị sư đệ hỏi, “Ở đây không có nước. Một giọt cũng không. Sư huynh đo thế nào?” Triệu Chân dựa cây gậy vào tường và bỏ đi.

Như Huyền: Một Thiền Tăng khi đi hành cước mang theo cây gậy dài, dùng để dò chỗ sâu cạn nếu phải đi qua sông. Thù Du là sư đệ của Triệu Châu, vừa mở pháp đường cho thính chúng, Triệu Châu nóng lòng muốn biết Thù Du đã ngộ đạt Thiền thực hay chưa. Sư mang cây gậy theo để nhắc nhớ lại những ngày trước kia họ đã cùng nhau. Sư không cảm thấy có bầu không khí đạt ngộ khi sư quay đầu từ đông sang tây và sẽ để cây gậy lại làm vật ghi nhớ nếu như Thù Du không hỏi sư đang làm gì. Trong *Kinh Kim Cang* quý vị đọc sẽ thấy, “Này Tu-bồ-đề, ông nghĩ thế nào? Một vị Tu-đa-hoàn có nghĩ như vậy: Ta đã đạt quả Tu-đa-hoàn không? Tu-bồ-đề nói: ‘Dạ không, bạch Thế Tôn, ông ta không nghĩ như vậy. Vì sao? Bởi vì Tu-đa-hoàn có nghĩa là vào dòng, mà ở đây không có vào. Ông ta không vào thế giới của sắc, thanh, hương, vị, xúc hay phân biệt thì gọi là Tu-đa-hoàn.’” Thù Du đã đắc cái vô đắc nên nói, “Ở đây không có nước. Một giọt cũng không.” Triệu Châu sung sướng, dựa cây gậy vào tường và bỏ đi.

Thiền không thể thêm gì cho văn hóa Tây phương, nhưng người học Thiền sẽ được cái không được và theo dòng thời gian, một vài người khiêm tốn với sức ảnh hưởng không màu sắc, không âm thanh của họ sẽ sản sinh ra những người nam và nữ của các tiêu chuẩn cao hơn.

48. ĐỊA TẠNG PHẬT PHÁP

Một hôm Địa Tạng tiếp một đệ tử của Bảo Phước như một vị khách và hỏi ông ta, “Thầy ông chỉ dạy ông như thế nào trong Phật pháp?” Ông tăng đáp, “Thầy chúng con bảo chúng con nhắm mắt lại, chớ thấy điều ác; bịt tai lại, chớ nghe tiếng

ác; đừng tâm suy nghĩ lại, chớ tạo ý nghĩ sai lầm.”
Địa Tạng nói, “Tôi không đòi hỏi ông bịt mắt lại, mà không thấy điều ác. Tôi không đòi hỏi ông bịt tai lại, mà không nghe tiếng ác. Tôi không đòi hỏi ông đừng tâm suy nghĩ, mà không tạo ý nghĩ sai lầm nào cả.”

Như Huyền: Có lẽ ông tăng này còn rất trẻ cả tuổi đời lẫn tuổi đạo. Tâm của ông ta lúc nào cũng vươn tới, bám vào những điều chẳng tốt và vô ích. Bỏn sư của ông thương xót và dạy cho ông bài học Phật giáo vỡ lòng, nhưng vì những chỉ dạy Thiền luôn luôn là cho cá nhân, ông ta nên nói như vậy, “Thầy con bảo con . . .” Những lời chỉ dạy của Địa Tạng chắc chắn quá khó đối với người trẻ tuổi này. Nếu quý vị không vướng mắt vào cái gì mình thấy, thì nó sẽ chỉ phản chiếu nơi mắt quý vị và biến mất không lưu lại vết tích trên tâm gương quý vị. Nếu quý vị không chú ý đến cái gì mình nghe, sẽ không có âm thanh nào ở lại với quý vị. Hôm qua quý vị có thể nghĩ rằng cái này đúng và cái kia sai, nhưng hôm nay quý vị không còn mang cùng cái tâm ảnh trong quá khứ ấy vào hiện tại. Không có gì để thấy, trừ phi quý vị tạo ra hình ảnh riêng của mình. Không có âm thanh nào để nghe, trừ phi quý vị tự ghi âm thanh riêng của mình.

Genro: Tôi không đòi hỏi ông nhắm mắt. Tôi không đòi hỏi ông không nhắm mắt. Chỉ cần cho tôi biết cái gì là mắt ông. Tôi không đòi hỏi ông bịt tai. Chỉ cần cho tôi biết cái gì là tai ông. Tôi không đòi hỏi ông đừng tâm suy nghĩ. Chỉ cần cho tôi biết cái gì là tâm.

Như Huyền: Một số quý vị đây nhắm mắt khi thiền định. Tại sao quý vị không “nhắm” luôn lỗ tai? Tại sao quý

vị không dừng luôn tâm suy nghĩ? Một số quý vị không nhắm mắt trong khi thiền định. Tại sao quý vị không nghe âm-thanh-không-âm thanh? Tại sao quý vị không hình thành ý nghĩ không hình tướng?

49. HUYỀN SA GIẤY TRẮNG

Huyền Sa bảo một ông tăng mang một lá thư đến thầy cũ của sư là Tuyết Phong. Tuyết Phong tập hợp tăng chúng lại và mở lá thư ra trước mặt họ. Trong phong bì không chứa gì khác hơn là ba tờ giấy trắng. Tuyết Phong giờ ba tờ giấy lên và nói với tăng chúng, “Các ông hiểu không?” Không ai trả lời. Tuyết Phong nói tiếp, “Đứa con đi hoang của tôi viết đúng y như tôi nghĩ.” Khi ông tăng đưa thư trở về với Huyền Sa, kể sư nghe chuyện xảy ra tại chùa của Tuyết Phong, Huyền Sa nói, “Ông già tôi lắm cảm rồi.”

Như Huyền: Huyền Sa là một người làm nghề đánh cá không biết chữ trước khi trở thành tăng nhân và đạt ngộ Thiền dưới sự hướng dẫn của Tuyết Phong. Sư là một bậc thầy nổi tiếng vào thời xảy ra câu chuyện này. Tuyết Phong hãnh diện vì sư, giờ lá thư cho tăng chúng xem. Tăng chúng mong là sẽ được xem một kiểu viết chữ đẹp, vì vậy khi Tuyết Phong hỏi họ hiểu không, không ai trả lời được. Là một Thiền sư, Tuyết Phong đã nói quá nhiều khi ca ngợi một người học trò cũ của mình.

Thiền giống như ánh chớp. Mắt người không thể thấy được dấu vết của nó. Khi tăng chúng thoáng thấy tờ giấy trắng, thì bài học cho họ hôm đó đã xong, như vậy họ

nên cúi đầu lễ bái và lui về thiền đường trước khi ông thầy có cơ hội khoe đứa con đi hoang của mình. Ông tăng đưa thư là một tên ngốc. Ông ta phải hỏi thư trả lời, thay vào đó ông ta tường trình cảnh Thiền vô vị kia với Huyền Sa để sư phải ra tay cứu giúp tình cảnh gia đình bằng câu nói, “Ông già của tôi lắm lắm rồi.” Toàn bộ dấu vết của suy nghĩ đã được quét sạch với tờ giấy trắng lãng quên.

Ngày nay con người dùng đài phát thanh và vô tuyến truyền hình để gửi thông điệp đi khắp thế giới, nhưng vì con người không có Thiền nên dùng cách tuyên truyền vì những mục đích vị kỷ, gieo rắc thù hận và sợ hãi, vì thế nhân loại bất an cả ngày lẫn đêm. Có phải con người vẫn còn là đứa con đi hoang của trời hay không? Có phải nó đang đi vào sự già nua lắm lắm của văn minh hay không? Không. Nó chỉ uống thuốc ngủ quá liều và đang bị ác mộng khuấy động.

50. NGHĨA TRUNG THUYẾT PHÁP

Khi sư Nghĩa Trung lên tòa thuyết Pháp, một cư sĩ từ thính chúng bước ra và đi từ đông sang tây trước pháp tòa. Rồi một ông tăng chứng minh Thiền của mình bằng cách đi từ tây sang đông. Nghĩa Trung nói, “Cư sĩ hiểu Thiền nhưng tăng nhân chẳng hiểu.” Cư sĩ liền tiến đến gần Nghĩa Trung và nói, “Cảm ơn hòa thượng ân chứng.” Nhưng trước khi ông ta nói dứt câu đã bị Nghĩa Trung đánh một gậy. Ông tăng bèn tiến đến Nghĩa Trung và nói, “Xin hòa thượng chỉ dạy,” và cũng bị gậy đánh. Rồi Nghĩa Trung nói, “Ai sẽ kết thúc công án này?” Không ai trả lời. Câu hỏi được lặp

lại hai lần, nhưng thỉnh chúng chẳng ai đáp. Sư nói, “Thế thì tôi kết thúc vậy.” Sư ném gậy xuống đất và trở về phòng.

Như Huyền: Thiền tăng thuyết Pháp khẩn trương. Càng ít lời càng tốt. Đôi khi một người trong thỉnh chúng hỏi một câu và sư trả lời, những lúc khác có người tiến đến sư và biểu hiện sự đạt ngộ của mình. Sư ấn chứng hay không và bài học chấm dứt. Sư là người nghe và người nghe là sư. Toàn thể việc làm quan hệ tất cả mọi người có mặt, và không ai được miễn trừ trách nhiệm.

Cả cư sĩ và ông tăng đều chứng minh sự tự do tự tại của mình và phải bảo vệ kho tàng của mình một cách không sợ hãi bất chấp lời thầy. Về cư sĩ, Fugai nói, “Mây sáng viêng hang núi.” Và về ông tăng, thì, “Mưa chiều gõ cửa am.”

Không có sự giả vờ, nhân tạo gì cả, vì vậy có tự do tự tại. Đối với một Thiền sư, cảnh giới của cư sĩ là “cho đến hiện tại vẫn tốt,” nhưng tăng nhân không bao giờ hoàn hảo. Nghĩa Trung có thể đã nói, “Đường ngọt, tiêu nồng.” Cư sĩ đáng ăn gậy bởi vì ông ta bám vào sự ấn chứng, và ông tăng đáng đòn vì vội vàng muốn đạt ngộ. Chẳng ích dụng gì mà làm lớn chuyện ra nên thỉnh chúng giữ im lặng.

51. BẢO PHÚC CÁI CHÙA

Một hôm Bảo Phúc nói với tăng chúng, “Khi một người đi qua phía sau chùa thì gặp họ Trương và họ Lý, nhưng nếu y đi phía trước chùa thì chẳng gặp ai. Tại sao vậy? Trong hai đường, đường nào có lợi cho y?” Một ông tăng đáp,

“Chắc mắt của y bị gì rồi. Không thấy thì có lợi gì?” Sư mắng ông tăng, “Đồ ngu! Cái chùa lúc nào chẳng như vậy.” Ông tăng nói, “Nếu chẳng phải cái chùa, người ta phải thấy cái gì chứ?” Sư nói, “Tôi đang nói cái chùa, chẳng nói vật gì khác.”

Như Huyền: Cái chùa là thực tại. Khi một người đối diện với nó, y chẳng thấy bất cứ vật gì. Nó siêu việt tất cả mọi phân biệt. Ví dụ, quý vị có thể cùng đi với một đám đông không nhận ra họ là ai và quên cả mình là ai. Đây là những gì Bảo Phúc muốn nói “phía trước chùa.” Nhưng lúc quý vị thấy một người quen, gật đầu và mỉm cười, hay ngay cả dừng lại để chào, là quý vị đang đi “phía sau cái chùa.” Nếu trong lúc thiền định quý vị tạo ra hình ảnh một người bạn, là quý vị đang mơ mộng chứ không phải thiền định. Bảo Phúc không mắng quý vị vì chuyện này mà sư đang chỉ cho quý vị cách nhập vào và bỏ đi một cách tự do không bám vào con đường nào cả. Câu hỏi của sư, “Tại sao như vậy?” là câu trả lời. Ông tăng đã không nhập vào thực tại mà chỉ lý giải về thấy và không thấy. Ông tăng ngoan cố bám vào thế giới giới hạn và nói, “Nếu chẳng phải là chùa, người ta phải thấy cái gì chứ?” Ông ta nên bỏ Thiền mà đi học luật.

Thích Tông Diễn nói, “Thế giới được biểu trưng bằng biến đổi và vô thường; những người không vượt lên bên trên tính thể gian sẽ bị tung lên và rớt xuống trong lốc xoáy của phiền não. Nhưng những người biết sự vật được cấu thành như thế nào sẽ thấy vô cùng trong hữu cùng, siêu hiện tượng trong hiện tượng và được an lạc giữa đau khổ và phiền não.”

52. HOA NGHIÊM TRỞ LẠI
THẾ GIAN MÊ HOẶC

*Một ông tăng hỏi Hoa Nghiêm, “Người giác ngộ trở lại thế gian mê hoặc như thế nào?” Sư đáp:
“Gương vỡ không phản chiếu,
Hoa rơi chẳng về cành.”*

Như Huyền: Ông tăng này đã đi quá kinh nghiệm của mình và tưởng tượng ra một người giác ngộ. Tại sao ông ta không tự mình trở thành một người giác ngộ, rồi ông ta sẽ biết câu trả lời. Câu đáp của Hoa Nghiêm có thể dễ bị hiểu lầm. Sư không có ý ám chỉ rằng một người giác ngộ trở lại với mê hoặc thì không còn là một nhân vật cao quý nữa, thay vào đó, minh họa của sư là một hiện tượng thực tế của tâm giác ngộ.

Phật (Giác Ngộ) là mục đích của văn hóa, nhưng Bồ-tát là hoạt động của Phật tánh. Dưới mắt ngài, không có hai thế giới mê hoặc và không mê hoặc và ngài sống cuộc sống độ tất cả chúng sinh. Giống như hoa sen, ngài có thể nở hoa trong nước bùn.

John Galsworth có lần đã nói, “Một người được yêu cầu định nghĩa đặc trưng của một người hiền - dùng từ ấy theo nghĩa rộng nhất - sẽ trả lời rằng, ‘Ý chí muốn đặt mình vào địa vị của người khác; nổi kinh hãi phải cưỡng ép người khác vào chỗ mà tự mình sẽ rút lui; quyền lực để làm những gì đối với ông ta dường như là đúng, không quan tâm đến những gì người khác có thể nói hay nghĩ.’”

Genro: Để minh họa câu chuyện này, tôi sẽ dẫn một bài thơ Trung hoa:

*Kìa! Ánh chiều đang nâng
Bức tường đá trên hồ.*

*Đám mây cuộn về rừng
Ngôi làng bị nuốt chửng.*

53. HUỆ TRUNG ĐÁNH ĐUỔI ĐỆ TỬ

Đan Hà đến viếng Huệ Trung nhằm lúc sư đang ngủ trưa. Đan Hà hỏi thị giả, “Quốc sư có ở nhà không?” Thị giả đáp, “Dạ có, nhưng không muốn gặp ai.” Đan Hà nói, “Lời nói sâu xa thay.” Thị giả nói, “Đừng nói vậy. Dù có Phật đến, hòa thượng cũng chẳng muốn gặp.” “Huynh là đệ tử giỏi. Thầy huynh chắc hãnh diện lắm,” nói xong câu này, Đan Hà bỏ đi. Khi Huệ Trung thức dậy, Đàm Nguyên, tức ông tăng thị giả, thuật lại cuộc đối thoại. Sư lấy gậy đánh và đuổi ông ta ra khỏi chùa.

Như Huyền: Ông tăng thị giả bày tỏ Thiên mới đạt, nó tự hiện ra vào dịp đầu tiên, thay vì giữ nó không màu sắc. Đan Hà liền nắm lấy tình thế và lời sư nói phải khiến cho ông thị giả im lặng mà hổ thẹn thay vì hãnh diện thuật lại cuộc đối thoại cho thầy nghe để bị thầy đánh đuổi ra khỏi chùa. Thực tế về sau Đàm Nguyên đã thừa kế Huệ Trung làm quốc sư, đơn giản chứng tỏ rằng không có trường hợp nào là vô hy vọng, vì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Khi một người nghĩ rằng mình có Thiên thì y liền mất nó. Tại sao y không tu tập lời dạy một cách không màu mè, không ồn ào?

Sau đó, khi Đan Hà nghe Huệ Trung đối xử thô bạo với đệ tử, sư nói, “Huệ Trung đáng gọi là Quốc sư.”

54. NHAM ĐẦU HAI BỮA ĂN

Khâm Sơn đến viếng Nham Đầu trong lúc Nham Đầu đang an cư. Khâm Sơn hỏi, “Sư huynh, anh ăn ngày hai bữa bình thường chứ?” Nham Đầu nói, “Ông con thứ tư nhà họ Trương chu cấp cho tôi, tôi mang ơn ông ta nhiều lắm.” Khâm Sơn cảnh cáo, “Nếu sư huynh không làm tốt phần mình thì kiếp tới sẽ sanh làm con trâu và phải trả lại y những gì huynh nợ trong kiếp này.” Nham Đầu để hai nắm tay lên trước trán nhưng chẳng nói gì. Khâm Sơn nói, “Nếu sư huynh muốn mọc sừng thì phải gơ hai ngón tay lên đầu chó.” Khâm Sơn chưa nói dứt câu thì Nham Đầu đã hét, “Hê, Khâm Sơn chẳng hiểu ý ta.” Khâm Sơn hỏi, “Nếu sư huynh biết được điều gì sâu xa hơn, sao không giải thích cho đệ.” Nham Đầu khịt một cái rồi nói, “Sư đệ cũng học Phật pháp ba chục năm như tôi mà vẫn cứ lang thang quanh quẩn. Tôi chẳng có việc gì với sư đệ. Hãy rút đi.” Vừa nói dứt lời, Nham Đầu đóng sầm cửa lại ngay mặt Khâm Sơn. Người con trai thứ tư của nhà họ Trương chột đi ngang qua đó, động lòng thương hại, đem Khâm Sơn về nhà ông ta ở gần đó. Khâm Sơn buồn bã nói, “Chúng tôi là bạn thân đã ba chục năm, nhưng nay anh ta sở đắc điều gì đó cao hơn tôi, và sẽ không truyền cho tôi.” Đêm đó Khâm Sơn không ngủ được, cuối cùng chỗi dậy, đến am của Nham Đầu, nói, “Sư huynh hãy từ bi giảng Pháp ấy cho đệ đi.” Nham Đầu mở cửa và nói cho Khâm Sơn biết. Sáng hôm sau ông khách trở về nhà với hạnh phúc đạt được.

Như Huyền: Khâm Sơn chưa từng tuyên bố mình là sư, nhưng tăng chúng tụ tập quanh ông để nghe ông nói, và dần dần ông nghĩ rằng mình có khả năng dạy người khác. Khi ông nghe tin người bạn cũ của ông là Nham Đầu đang sống cô tịch ở một miền đất xa xôi trong nước, ông đến thăm Nham Đầu xem Nham Đầu có cần gì không. Ở Trung hoa vào vào thời đó, người con trai trưởng trong gia đình sẽ được nhận phần di sản nhiều nhất và mỗi người con trai kế tiếp lãnh ít dần đi, như vậy người con trai thứ tư này không thể có được nhiều lắm dù cho ông ta có thể biếu Nham Đầu thức ăn và chỗ ở. Một tăng nhân sẽ cảm thấy mang ơn trừ phi ông ta sống cuộc sống Thiền đúng đắn. Nham Đầu đã khiêm tốn nhắc đến ơn huệ này, nhưng thân của sư chính là Pháp thân và sư đang sống với chư Phật và Bồ-tát. Khâm Sơn không thấy điều này, vì vậy ông ta dẫn ra sự mê tín rằng một tăng nhân nhận của bố thí mà không có giác ngộ trong kiếp này thì kiếp sau sẽ sanh làm con trâu để kéo cày trả nợ kiếp trước. Nham Đầu đã cho Khâm Sơn thấy sự sống thực chưa từng sinh và sẽ không bao giờ chết; hai nắm tay và cái trán chẳng dính dáng gì đến thực tướng vô tướng kia; sư chỉ đơn giản dùng chúng để chỉ bày Pháp thân mà thôi. Khâm Sơn đáng thương đã không hiểu mà còn bám vào huyền thoại minh họa luân hồi dù nó hoàn toàn xa lạ với giáo lý của Phật.

Sự hối tiếc và lầm lẫn của Khâm Sơn sau đó đã đưa ông ta vào ngõ cụt. Khi ông ta trở lại Nham Đầu với lòng chân thật và hai bàn tay trắng, ông ta đã có thể nhận được Pháp. Đây là cái gì và làm sao được nó, quý vị chỉ có thể tự tìm thấy trong kinh nghiệm riêng của mình.

55. MỤC CHÂU KỂ ĐỘN CĂN

Khi Mục Châu và một ông tăng lạ mặt gặp nhau trên đường, Mục Châu gọi, “Thượng tọa!” Ông tăng quay lại. “Kẻ độn căn,” Mục Châu nhận xét, rồi cả hai lại tiếp tục bước đi.

Câu chuyện dật sử này được vài tăng nhân ghi lại và mấy năm sau đó, Tuyết Đậu phê bình, “Mục Châu ngu muội đã sai. Ông tăng ấy không quay lại đó sao? Tại sao gọi ông ta là kẻ độn căn?”

Sau này, Hối Đường bình lời của Tuyết Đậu, “Tuyết Đậu ngu muội đã sai. Ông tăng ấy không quay lại đó sao? Tại sao không gọi ông ta là kẻ độn căn?”

Như Huyền: Ở Trung Hoa, tăng nhân gọi nhau bằng “Huynh đệ” và đối với một người lạ thì gọi là “Thượng tọa.” Nhưng dù là chào hỏi bằng cách nào thì cũng phải được bày tỏ trong Thiền sự sáng lạng của chân tánh riêng của một người. Tăng nhân không chịu lãng phí thì giờ trong việc khen nhau không cần thiết.

Khi Mục Châu nói, ý nghĩ là tiếng nói và tiếng nói là ý nghĩ. Nếu một ông tăng khác bám vào tiếng nói, thì hẳn như chắc chắn là ông ta là kẻ độn căn.

Tuyết Đậu truy dấu vết Thiền của ông tăng nơi hành động quay lại, vì thế sư trách mắng Mục Châu. Nhưng Hối Đường sợ sự chấp nhận của Tuyết Đậu có thể khiến người ta hiểu lầm nên khéo léo xóa đi lời nói ấy trong ngữ lục.

Phân quan trọng của công án là mối đe dọa đối với người đọc. Có thể nói rằng im lặng là câu đáp tốt nhất, nhưng đôi khi im lặng là câu đáp quá vụng về đối với một câu hỏi Thiền. Chỉ ngưỡng mộ im lặng thôi thì không đủ,

người ta phải sống với nó. Carlyle có lần đã nói, “Nhìn quanh sự trống rỗng ồn ào của thế giới, . . . lời nói với chút ý nghĩa, hành động với chút ít giá trị, . . . người ta yêu thích suy tư về đại Vương Quốc Im Lặng, cao hơn tất cả các vì tinh tú, sâu hơn Vương Quốc của Tử Thần! Một mình nó vĩ đại; tất cả những thứ khác đều nhỏ bé.” Nói đẹp lắm, nhưng ông ta đã nói quá nhiều, phá vỡ im lặng.

Ngũ Tổ nói, “Trên đường khi gặp một Thiền sư, không nói cũng không im. Ông làm sao đối đãi?” Quý vị có thể nói với Mục Châu, nếu quý vị không bám vào ngôn ngữ. Quý vị có thể im lặng đối diện với Mục Châu, nếu quý vị không bị im lặng ràng buộc. Nếu quý vị có Thiền thì dù gặp ai và dù thấy gì, thì cũng là đồng đạo của quý vị, không có ngoại lệ.

56. LỖ TỔ QUAY MẶT VÀO TƯỜNG

Mỗi khi tăng nhân đến xin chỉ dạy Thiền, hay cư sĩ đến hỏi Đạo, Lỗ Tổ liền quay lưng lại mặt nhìn vào tường. Nam Tuyền, là sư huynh của sư, phê bình phương pháp dạy này, “Tôi bảo tăng chúng tự đặt mình vào thời trước khi Phật ra đời, nhưng chỉ có vài người hiểu được Thiền của tôi. Chỉ ngồi quay mặt vào tường giống như sư đệ Lỗ Tổ thì chẳng bao giờ làm cho tăng chúng tốt cả.”

Như Huyền: Thiền tăng là những người kỳ lạ. Nếu một người nói trắng thì người kia nói đen. Họ không có ý mâu thuẫn lẫn nhau. Mục đích của họ là chỉ ra cái màu sắc không màu sắc. Lỗ Tổ quay lưng lại với học trò và mặt nhìn vào vách. Thật là một bài pháp đẹp! Nhưng

nếu sư cứ làm như vậy hoài thì một số tăng nhân sẽ bắt chước hành động của sư và lan truyền sự giả mạo trong tăng chúng ở các chùa khác. Mặc dù Nam Tuyền cảnh cáo tăng chúng tránh phương pháp đơn điệu như thế, nhưng sư cũng ủng hộ Thiền của Lỗ Tổ một cách gián tiếp. Lỗ Tổ không có đạo lý khác hơn kho báu trong nhà, vậy thì tại sao không cứ đem nó ra trưng bày cùng một kiểu?

Chỉ dạy của Nam Tuyền cũng tốt và có giá trị hơn mấy ngàn bộ kinh, nhưng bám giữ thời gian, cái mà thực ra không hiện hữu, để làm gì? Tôi nghĩ nếu Lỗ Tổ nghe được những lời này ắt sẽ quay lưng lại Nam Tuyền và mặt nhìn vào vách như thường lệ.

Genro: Ông muốn gặp Lỗ Tổ chẳng? Hãy leo lên ngọn núi cao nhất, hãy đến chỗ không một người nào có thể đến được. Ông muốn gặp Nam Tuyền chẳng? Hãy nhìn một chiếc lá rơi. Cảm biết mùa thu tới.

*Thánh địa không xa xôi,
Không một đường đi tới.
Nếu theo lời chỉ dẫn,
Chỉ thấy cầu rêu trơn.*

57. LÂM TẾ NGƯỜI KHÔNG NGÔI VỊ

Lâm Tế có lần đã nói, “Người không ngôi vị sống trên máu thịt các ông, ra vào các cửa trên mặt các ông đây. Ai không chứng kiến sự thật này, hãy khám phá nó ngay đi!” Một ông tăng đứng lên hỏi, “Ai là người không ngôi vị?” Lâm Tế liền bước xuống tòa, nắm cứng cổ áo ông tăng, hét, “Nói!

Nói!” Ông tăng đứng ngơ ngáo một lúc, vì vậy Lâm Tế đánh ông ta một tát tai, “Người không ngồi vị này thật vô tích sự.”

Như Huyền: Người không ngồi vị ở bên kia tính phái, chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ. Chẳng phải có cũng chẳng phải không. Chẳng trẻ cũng chẳng già. Chẳng phải con của Thượng đế cũng chẳng phải con của Sa-tăng. Lâm Tế nói rằng người không ngồi vị sống trên máu thịt của các ông, nhưng chẳng bị các ông gạt. Người không ngồi vị này chính là thịt và máu, vì vậy đừng phát biểu gì về y ở bên kia cái đó.

Chúng ta có năm cái cửa ở ngay trên mặt: mắt, tai, mũi, miệng, và da. Chúng ta thấy hình và sắc bằng mắt, nghe âm thanh bằng tai, ngửi các mùi bằng mũi, nếm các vị bằng lưỡi, và nhận xúc cảm bằng da. Chúng ta suy nghĩ có năm giới: nhãn thức, nhĩ thức, tị thức, thiệt thức, thân thức và phát ra ấn tượng chúng ta nhận được từ mỗi giới, dùng nhiều tên. Lâm Tế quan sát những cái phù phiếm này chỉ là những trò xảo thuật của người không ngồi vị này, vì thế nêu ra sự đến hay đi của y qua các cửa. Thiền gặp người không ngồi vị này mặt đối mặt. Những ai gặp y một lần sẽ không bao giờ quên y. Họ chấp nhận lời nói của Lâm Tế không ngần ngại. Lâm Tế tạo ra người không ngồi vị ngay trước mặt ông tăng đặt câu hỏi. Nhưng Thiền của ông tăng chưa chín muồi. Những ông tăng khác, nhìn ông tăng không danh hiệu của tấn kịch một màn này, mà thâm cảm vậy. Những người thất bại là những kẻ tuần đạo trong lịch sử của lời dạy ấy, nhưng chúng ta có thể làm họ phục sinh bất cứ lúc nào. Đền Pháp cháy mãi trong tất cả mười phương.

58. PHO TƯỢNG QUAN THẾ ÂM

Người Triều tiên đã một lần ủy thác cho một nghệ sĩ ở Triết giang, Trung quốc, tạc một pho tượng gỗ Quan Thế Âm to bằng người thật. Tác phẩm hoàn thành, pho tượng được mang đến hải cảng Tsien-t'ang để lên tàu, thì bỗng nhiên đường như nó bị kẹt cứng trên bờ biển và sức người không thể nào di chuyển được. Sau khi hai bên Triều tiên và Trung quốc thương lượng với nhau, pho tượng được quyết định giữ lại ở Trung quốc. Lúc bấy giờ pho tượng trở lại sức nặng bình thường và sau đó được thờ tại một ngôi chùa ở Ming-chou. Có người đến chiêm bái pho tượng và nói, "Trong kinh nói rằng Quan Thế Âm có sức thần thông, và trong tất cả quốc độ mười phương không có nơi nào ngài không thị hiện. Thế thì tại sao pho thánh tượng này lại không chịu đi Triều tiên?"

Như Huyền: Hiên nhiên nghệ sĩ đã sáng tạo được một pho tượng tuyệt hảo như thế nên người Trung quốc không muốn cho đi. Mê tín và tâm lý quần chúng đã làm tất cả phần việc còn lại. Quan Thế Âm biểu tượng cho từ bi và trí tuệ. Người nghệ sĩ đã thấy được các phẩm cách này và miêu tả chúng nơi pho tượng. Bất cứ ai cũng có thể biểu hiện chúng nơi bất cứ vật trung gian nào. Người Triều tiên phải dùng văn hóa riêng của họ để tạo biểu tượng cho chính họ.

Genro: Mọi nơi đều là quốc độ thị hiện của ngài, thế thì tại sao ngài phải đặc biệt đi đến Triều tiên?

Như Huyền: Trong Thiên có câu nói, “Ngàn cái hồ thì có ngàn bóng trăng. Nếu không có mây, trời sẽ tự trải rộng ra vô cùng tận.” Nhiều người triều tiên đã đắc ngộ Thiên và đã tạo ra nhiều Quan Thế Âm làm biểu tượng riêng của họ.

Genro: *Một người bịt mắt lại
 Chẳng thấy được Quan Âm.
 Sao chẳng hỏi ngoại quốc
 Tạc cho pho tượng gỗ?
 Tượng bất động trên biển
 Chẳng phải Quan Âm thật;
 Tượng thờ trong chùa đó
 Chẳng phải thật Quan Âm;
 Tàu trông về Triều tiên,
 Nhưng người mở mắt mình. . .
 Chẳng phải Quan Âm ư?*

59. VÔ NGHIỆP VỌNG TƯỚNG

Quốc sư Vô Nghiệp nói, “Nếu một người có vọng tưởng về thánh và phàm, dù cho vọng tưởng đó mỏng manh như chỉ lụa cũng đủ sức lôi y vào thế giới súc sinh.”

Như Huyền: Vô Nghiệp, một trong những người thừa kế Mã Tổ, đã một thời là thầy của hoàng đế. Tên thật của sư là Đại Đạt, nhưng trong các ngữ lục sư được biết đến như là Vô Nghiệp, danh hiệu do hoàng đế ban cho, có nghĩa là “không có nghiệp” (karma). Lúc nào có người đến tham học, sư đều nói, “Chớ nuôi vọng tưởng, dù tốt hay

xấu, dù thánh hay phàm,” hoặc “Khi ông sắp chết mà không thể cắt đứt được những sợi chỉ mềm mại của vọng tưởng về thánh và phàm, thì ông sẽ sinh làm lừa làm ngựa trong kiếp tới.” Genro không thích cách nói liên quan đến luân hồi này nên sư đã đổi thành câu nói chúng ta đọc trên kia. Thiền không có quan niệm về linh hồn cá nhân vạch ra một đường giữa kiếp này và kiếp sau, hay kiếp người và kiếp thú vật. Từ phút giây này đến phút giây kế tiếp quý vị luôn luôn kề cận với cái chết. Khi nào quý vị tạo ra vọng tưởng là quý vị chỉ có đi xuống mà chẳng bao giờ đi lên.

Nếu quý vị đánh rơi một đồng xu xuống một hồ nước yên tĩnh, các gợn sóng gia tăng cái này tiếp theo cái kia, dù đồng xu đó bằng vàng hay bằng đồng thì cũng không làm cho các gợn sóng đó khác nhau. Phút giây biến tâm của chúng ta khởi lên một gợn sóng, thì sự yên tĩnh bị khuấy động và sự bình an bị tan vỡ. Vô Nghiệp có thể đã có một quan niệm về “không có nghiệp,” nhưng ấy chỉ là một ông Phật đá bất động.

Fugai: Tại sao ông từ chối quan niệm về thánh và phàm? Tại sao ông sợ bị lôi xuống các cảnh giới thấp hơn? Diễn viên giỏi không bao giờ chọn lựa vai trò. Diễn viên dở luôn luôn than phiền vai mình đóng.

Genro: Nếu ông muốn tẩy sạch các quan niệm thánh và phàm, thì ông phải tự mình biến thành lừa thành ngựa. Đừng ghét kẻ thù nếu ông muốn chinh phục họ.

*Thánh và phàm . . .
 Lừa và ngựa . . .
 Tất cả sẽ lôi ông xuống
 Khi ông còn giữ
 Dù là cái bóng một sợi lông.*

*Này chư tăng, hãy tốt,
Hãy sống một đời một lần
Không ừ lì nhị nguyên.
Các sư xưa biết bệnh các ông
Đã nhỏ lệ vì các ông đó.*

60. CÁI GỐI GỖ

Một hôm ở chùa Nam Tuyền, ông tăng đầu bếp làm trò vui cho ông tăng làm vườn. Trong lúc đang ăn, họ nghe tiếng chim hót. Ông tăng làm vườn gõ ngón tay lên cái gối gỗ, thì con chim lại hót. Ông tăng làm vườn gõ cái gối gỗ trở lại, thì con chim không hót nữa. Ông tăng làm vườn hỏi, “Huynh hiểu không?” Ông tăng đầu bếp đáp, “Không, tôi không hiểu.” Ông tăng kia đánh vào cái gối gỗ lần thứ ba.

Như Huyền: Trong một ngôi chùa thì ông tăng làm vườn trồng rau cho ông tăng đầu bếp nấu, và họ thân mật và thân hữu một cách tự nhiên. Con chim hót vì thiên nhiên gây hứng thú cho nó hót. Ông tăng làm vườn biết cách đi vào tâm trạng của những người ở núi này; như vậy cái gõ đầu tiên của ông ta đem lại tiếng hót. Nhưng khi ông ta gõ lần thứ hai thì con chim đã bay mất rồi. Ông tăng đầu bếp sống trong dục giới; ông ta phải nghĩ đến miệng và dạ dày của những tăng nhân khác. Khi ông tăng làm vườn gõ lần thứ ba, là đem tin tức từ thiên nhiên đến, vẫn còn có đôi tai điếc về mặt tâm linh.

Genro: Chim hót một cách tự nhiên; ông tăng làm vườn gõ cái gỏi một cách ngây thơ. Tất cả chỉ thế thôi. Tại sao ông tăng đầu bếp không hiểu? Bởi vì trong tâm ông ta có điều gì đó.

61. VÂN MÔN QUẢ THÁNH

Có lần Vân Môn sống trong một cái am nhỏ gọi là “Thánh Quả Am.” Một sáng nọ, một viên chức nhà nước đến viếng sư và hỏi, “Các quả thánh của thầy bây giờ đã thật chín chưa?” Vân Môn đáp, “Không một quả nào từng có ai gọi là xanh.”

Như Huyền: Phải mất ba năm mới thấy quả đầu tiên của cây đào và tám năm với cây hồng. Cây nào gọi là “thánh” thì phải được trồng trong vườn chùa. Viên chức nhà nước Trung hoa này đã biết rằng tên các cây duy để chỉ quả trí và muốn thấy Thiền của Vân Môn hiện thực lúc đó. Ông ta không muốn đợi đến ba năm hay tám năm. Ông ta cũng không muốn lãng vãng trong ký ức về Cổ Phật. Lời đáp của Vân Môn đã cho thấy quả của Thiền. Cái biết của nhận thức có thể đạt được một cách dần dần như người ta nhìn nó từ màu xanh biến thành màu đỏ, nhưng sự giác ngộ Thiền đến với hình dáng trưởng thành và màu sắc thuần thực.

Genro: Thiền của ông ta chưa chín. Lời nói vô vị.

Fugai: Tôi yêu quả xanh đó.

Như Huyền: Thiền đường này, theo danh từ, phải có thứ Thiền nào đó. Khi có ai hỏi quý vị ông được loại Thiền gì ở đây, quý vị trả lời câu hỏi này như thế nào? Chúng ta không mang theo Thiền của chúng ta khi dọn vào chỗ trú này. Chúng ta không bỏ lại Thiền của chúng ta ở chỗ trú trước kia. Chúng ta không chia nó với nhau, mỗi người đứt vào túi mình một miếng. Khi chúng ta bật đèn lên và thắp nhang, thì Thiền của chúng lóe lên đầy phòng từ sàn đến trần và thấm nhuần khắp các góc. Hãy tỏ sự kính trọng đối với người hỏi hay bắt tay người ấy. Bất chấp là câu hỏi đó trí tuệ hay ngu xuẩn. Người ấy cũng có thứ Thiền không ai gọi là xanh.

Genro: *Cây thánh không rẽ
Mà mang quả thánh.
Có bao nhiêu vậy?
Một, hai, ba . . .
Quả thì không đỏ;
Quả cũng không xanh.
Tự ra tay lấy;
Quả cứng như sắt.
Khi viên chức kia
Cổ ra sức cắn
Quả của Vân Môn
Ở trong Am Thánh,
Y mất hết răng
Ở trong quả ấy.
Y không biết nó
Lớn đủ để che
Cả đất lẫn trời.
Tất cả chúng sanh
Trộn chứa trong đó.*
62. NAM TUYỀN AM NHỎ

Một hôm, khi Nam Tuyền đang ở trong một cái am nhỏ trên núi, một ông tăng lạ mặt đến viếng lúc sư đang chuẩn bị ra rẫy làm việc. Nam Tuyền mời đón ông tăng, “Xin hãy tự nhiên. Cứ nấu bất cứ thứ gì huynh thích để ăn trưa. Rồi mang cho tôi thức ăn còn lại, đi theo con đường chỉ đi tới chỗ tôi làm.” Nam Tuyền làm việc cực nhọc cho đến chiều rồi trở về am, bụng rất đói. Ông tăng lạ đã nấu xong, thưởng thức bữa ăn một mình, vắt hết thức ăn còn lại và đập bể tất cả nồi niêu. Nam Tuyền thấy ông tăng ngủ yên lành trong am trống, nhưng khi sư nằm sải tâm thân mệt nhọc bên cạnh người khách lạ, thì y chối dậy và đi mất. Mấy năm sau, Nam Tuyền kể lại câu chuyện dật sử này cho tăng chúng nghe với lời bình rằng, “Y là một ông tăng tốt, ngay cả bây giờ tôi vẫn nhớ y.”

Như Huyền: Chắc chắn Nam Tuyền đã sống thích thú với cô tịch, hình thành thứ Thiền riêng của sư. Ông tăng lạ mặt muốn sư tự do tự tại với tất cả các hình thức quan niệm, nhưng biết rằng tranh luận sẽ không bao giờ thuyết phục được Nam Tuyền. Nam Tuyền nhận thức được những gì ông tăng lạ mặt cố gắng chỉ bày cho sư, vì thế nằm xuống ngủ trong am trống, nhưng cái trống không này không phải là nhà thật cho Thiền tăng. Ông tăng lạ mặt kia ra đi để lại Nam Tuyền trong thế giới mới của sáng tạo.

Thiền đoạt lấy thức ăn của người đói, đoạt lấy kiếm của chiến sĩ. Bất cứ thứ gì mà một người tự ràng buộc mình vào đó nhiều nhất là nguyên nhân đích thực của đau khổ. Ông tăng lạ mặt không muốn cho Nam Tuyền thứ gì hết trừ sự giải thoát. Sau này, khi Nam Tuyền nói cho tăng chúng biết sư nhớ cái tên ăn cắp vật ngày xưa như thế nào,

sư đã sống thích thú với sự giải thoát chân thực với lòng biết ơn mãi mãi đối với vị thầy vô danh này.

63. DƯỢC SƠN THUYẾT PHÁP

Một thời gian qua, không thấy Dược Sơn nói pháp cho tăng chúng, cuối cùng ông tăng thủ tọa đến nói với sư, “Tăng chúng nhớ hòa thượng nói pháp.” Dược Sơn bảo, “Vậy thì đánh chuông đi.” Khi tất cả tăng chúng tụ tập trong pháp đường, Dược Sơn liền trở về phòng không nói một lời. Ông tăng thủ tọa đi theo sư, nói, “Hòa thượng bảo sẽ nói pháp. Sao chẳng nói?” Dược Sơn đáp, “Kinh có pháp sư giảng, luận có luận sư nói. Tại sao còn phiền đến lão tăng này?”

Như Huyền: Một Thiền sư là thí dụ cụ thể cho những gì kinh điển dạy, luận là lời giải thích về kinh. Nếu một người có thể sống như Phật đã dạy, thì kinh và luận không còn ý nghĩa gì đối với y. Dược Sơn đã nói pháp cho những người mới bắt đầu - ngón tay chỉ mặt trăng - nhưng từ sáng đến tối và từ tối đến sáng, cách sống của sư đã là một bài pháp thường xuyên cho tăng chúng. Bài pháp này là bài pháp chân thực. Nếu có tăng nhân nào bỏ qua, không nhìn thấy bài pháp không lời này thì y không đáng học Thiền. Ông tăng thủ tọa đáng nhận ba chục hèo.

Khi Đức Sơn ngộ được đạo lý Thiền, sư lập tức đem tất cả bộ số sao về kinh Kim Cương mà sư đã có thời gian coi là vô giá và bất khả ly thân, ném vào lửa. Khi chúng cháy thành tro, sư nói, “Dù cho tri thức về triết lý tuyệt đối của ông thâm sâu bao nhiêu thì cũng chỉ như mảnh lông đặt

trong hư không mênh mông; và dù cho kinh nghiệm thế gian của ông quan trọng đến đâu thì cũng chỉ như giọt nước ném vào hồ thẳm không đáy.”

Hồng Xuyên Tông Ôn, là thầy của Thích Tông Diễn, đã nói, “Dù cho một triệu quyển kinh cũng chỉ là ánh sáng của ngọn đèn cây so với mặt trời khi ông so sánh chúng với kinh nghiệm ngộ thực tế.” Tôi không có ý làm quý vị chán nản việc học Phật giáo qua sách vở. Tây phương ngày nay cần có pháp sư và luận sư. Nó cũng cần một cách cấp thiết người tu Thiền thường xuyên như Dược Sơn.

Genro: *Thiền của Dược Sơn
Giống như trăng rằm.
Ánh sáng bằng bạc,
Xuyên thấu ngàn dặm.
Kẻ ngu bịt mắt,
Không thấy đạo Thiền.
Tiếng chuông gọi chúng,
Thầy già về hưu.
Một bức tranh Thiền
Thật đẹp làm sao!
Một bài pháp Thiền
Thâm sâu vi diệu!*

64. CẢNH THANH GẬY TO

Cảnh Thanh hỏi một ông tăng mới, từ đâu đến. Ông tăng đáp, “Từ Tam sơn đến.” Rồi Cảnh Thanh hỏi, “Mùa an cư vừa rồi ở đâu?” Ông tăng đáp, “Ở Ngũ nhạc.” Cảnh Thanh nói, “Tôi sẽ đánh

ông ba chục gậy bự này.” Ông tăng hỏi, “Tại sao con đáng ăn gậy của hòa thượng?” Cảnh Thanh đáp, “Tại vì ông bỏ chùa này tới chùa kia.”

Như Huyền: Khi một tăng nhân mới đến chùa gặp thầy, ông ta thường được hỏi là ông từ đâu đến. Ông tăng trong câu chuyện này nghĩ rằng không cần thiết phải thông báo tin tức này vì nó là chuyện riêng của ông ta. Ông ta đáp, “Tam sơn”, “Ngũ nhạc” là nói bừa, chẳng phải địa danh. Một tăng nhân phải ở lại chùa từ ngày 15 tháng tư đến ngày 15 tháng bảy, để an cư thiền định. Từ 15 tháng bảy đến 15 tháng mười, ông ta được hành cước tự do theo ý muốn và tự chọn bất cứ một ngôi chùa nào ông thích để cho mùa an cư kế tiếp từ 15 tháng mười đến 15 tháng giêng năm sau. Rồi từ 15 tháng tư trở đi ông ta lại được tự do đến, đi tùy ý.

Ông tăng này là người lương thiện, chắc chắn tuân theo giới luật. Ông ta nghĩ mình tự do lang thang theo sở thích chừng nào còn hợp giới luật, mà rốt cùng, ông ta là tăng nhân, không phải là một tên la cà vất vưởng. Tên của chúng ta chỉ là để nhận diện với nhau, nhưng khi một người tự đặt cho cái tên nào đó, y trở thành gắn chặt với nó. Một người không có tên, cũng như một chỗ không có tên, sẽ không hiện hữu khi đưa vào so sánh. Không phải ông tăng này đang bám vào sự tự do tưởng tượng hay sao? Mặc dù giáo lý của sư nhằm đạt sự giải thoát tuyệt đối, Bồ-đề-đạt-ma rất nghiêm khắc trong việc quản lý các đệ tử.

65. VẬT KỲ DIỆU NHẤT

Một ông tăng đến hỏi Bách Trượng, “Vật gì kỳ diệu nhất thế gian?” Bách Trượng đáp, “Tôi ngồi trên đỉnh núi này.” Ông tăng chấp tay lễ bái. Ngay lúc đó Bách Trượng đánh ông tăng một gậy.

Như Huyền: Ông tăng đến Bách Trượng mong được nghe một lời dạy phi thường hay được chứng kiến một hiện tượng phép lạ, nhưng Bách Trượng tiếp ông ta trong một căn phòng trống với quan cảnh bình thường, “Tôi ngồi trên đỉnh núi này.” Đây không phải là vật kỳ diệu nhất trên thế gian sao? Trong *Chứng Đạo Ca*, đại sư Vĩnh Gia nói, “Khi vào thế giới vô sắc sẽ cùng Như Lai thấy nhau.” Ông tăng chấp tay lễ bái ông Phật sống, nhưng ngay lúc ấy Bách Trượng đánh ông ta một gậy để đánh tan hình ảnh ấy.

Từ đỉnh núi đến lời nói, “Kẻ vô minh chấp chứa những ý nghĩ dừng và không dừng, trong khi người giác ngộ chẳng có thích hay không thích. Tất cả mọi hình thức là do kẻ vô minh tự bày ra. Chúng giống như cái thấy hoa đốm trong hư không. Tại sao chúng tự gánh lấy phiền não mà chấp giữ chúng? Được và mất, đúng và sai; tất cả những cái đó, hãy một lần buông sạch.” Mừng cho quý vị!

66. ĐẠO NGÔ ĐẠO LÝ THÂM SÂU

Đạo Ngô đang thiền định trên tòa cao thì một ông tăng đến hỏi, “Thế nào là đạo lý thâm sâu vĩ đại nhất?” Đạo Ngô liền bước xuống tòa, quì

trên sàn và nói, “Ông từ xa đến đây, nhưng xin lỗi, tôi không có gì để đáp ông.”

Genro: Coi kìa, sư huynh! Huynh đang tự chìm mình trong biển sâu.

Như Huyền: Vâng, đúng vậy. Ông tăng này không nhận ra mình đang trong nguy hiểm, dù cho ông ta sắp chết đuối. Toàn bộ không khí ngôi chùa của Đạo Ngô là độ sâu vĩ đại nhất của Thiền, nhưng ông tăng đã phát biểu nó như là một vật ở tận nơi nào. Tại sao ông ta không tham gia thiền định cùng với những người khác? Đầu tiên ông ta có thể không thấy gì cả, nhưng dần dần đắm mù mê hoặc sẽ tan đi trong hơi ẩm ướt trời. Ông thầy rất từ bi, nhưng vì giáo lý không cao cũng không thấp, không có bề mặt cũng không có đáy, không có gì để cho ông xem.

Genro: Tôi sẽ nói rằng Đạo Ngô chắc chắn có đạo lý thâm sâu vĩ đại trong Thiền của sư.

Fugai: Tôi phải nói rằng thầy tôi biết chiều sâu Thiền của Đạo Ngô.

Như Huyền: Lời tán gẫu trong gia đình như thế khiến tôi hổ thẹn! Ước gì ngay từ đầu không ai nói tiếng nào.

Genro: *Biển sâu vĩ đại!
Bốn hướng không biên
Đạo Ngô bước xuống
Từ trên tòa cao,
Không có độ sâu . . .
Cũng không có nước.*

Fugai: Bên kia lớn nhỏ;
 Bên trên nông sâu
 Tôi sợ thấy yêu
 Nguy hiểm vì chìm
 Bởi tìm ông lớn
 Yêu khắp chúng sanh.

67. CÀN PHONG LUÂN HỒI

Can Phong hỏi, “Những người luân hồi trong năm giới có loại mắt gì?”

Như Huyền: Trong *Tọa Thiền Hòa Tán*, Bạch Ẩn nói, “Lý do chúng ta luân hồi trong năm giới là vì chúng ta bị lạc mất trong vô minh.” Vốn ở Ấn độ năm giới được xếp loại như là những giai đoạn tâm lý, nhưng trong các bản dịch của Trung hoa vào các thời kỳ sớm nhất đã nhầm những danh từ tiêu biểu cho những cá nhân sống trong năm thế giới khác nhau. Một cách vắn tắt, năm giới là: *Manusya*, hoàn cảnh bình thường của tâm, giai đoạn của người; *Asurya*, khi chúng ta mất thăng bằng trong tình cảm và ham muốn; *Tiryagyon*i, tâm thú vật, khi năng lực lý trí biến mất và năm giác quan ngự trị; *Preta*, quỷ đói; *Naraka*, quỷ khổ. Càn Phong hỏi tặng chúng câu này là nỗ lực tiêu diệt mê hoặc của họ.

Fugai: Những người không luân hồi trong năm giới có loại mắt gì?

Như Huyền: Một người có thể có nụ cười đáng yêu vào buổi sáng và bộ mặt giận giữ vào buổi chiều, là y đi từ thế giới người đến thế giới súc sinh trong một ngày. Mắt của y đầy từ tể vào buổi sáng và đầy oán ghét vào buổi chiều. Nhưng Thiền không bàn đến loại mắt này. Meister Eckhart nói, “Tôi thấy Thượng đế với con mắt nào thì Thượng đế thấy tôi với con mắt ấy.” Quý vị sẽ nói, “Vậy thì, phải có hai loại mắt.” Không! Không! Dù Quan Thế Âm ngàn mắt cũng chỉ có một mắt chánh. Kẻ vô minh bị mê hoặc lừa, còn thánh nhân biết làm thế nào vào các các giai đoạn để độ chúng sinh thoát khổ. Một Bồ-tát sẽ không sợ hãi khi đi qua bãi chiến trường hay tay nắm tay cùng bước với qui đối ở tận đáy của thế giới qui khổ.

Genro: *Thế giới là vườn tôi.
Chim hát bài hát tôi;
Gió thổi là hơi thở tôi;
Khí mùa điệu múa tôi;
Cá bơi là tự do của tôi.
Trăng chiều đang phản chiếu
Trên một ngàn cái hồ
Nhưng khi bị núi che
Tất cả ánh đều mất
Bóng không còn trên nước.
Tôi yêu từng đóa hoa xuân
Từng chiếc lá thu vàng.
Mừng luân hồi vui vẻ!*

68. VẤN MÔN BA NGÀY

Một hôm Vân Môn nói với tăng chúng, “Có câu nói rằng, ‘Ba ngày có thể làm một người đổi khác.’ Còn các ông thế nào?” Trước khi người ta có thể trả lời, sư lặng lẽ nói, “Một ngàn.”

Như Huyền: Câu nói này rất phổ biến trong giới văn học Trung hoa từ thế kỷ thứ ba sau Tây lịch, phát xuất từ câu chuyện một vị tướng quân có một người phụ tá ngu nhất xứ. Có lần vị tướng quân đề nghị người ngu kia đọc thêm sách. Không bao lâu sau đó vị tướng quân có công việc phải đi vắng, và khi trở về ông ta thấy rằng người phụ tá của mình không còn ngu nữa, với quan niệm thay đổi và tin tức nhiều hơn đã có được trong lúc xa nhau. Vị tướng quân rất hài lòng và ca ngợi người phụ tá, “Ba ngày có thể làm một người đổi khác.”

Ignacy Paferevski có lần nhận xét, “Nếu tôi không thực hành một ngày, tôi có thể nói ra sự đổi khác; nếu tôi không thực hành hai ngày, người phê bình của tôi có thể nói ra sự đổi khác; nếu tôi không thực hành ba ngày, mọi người có thể nói ra sự đổi khác.”

Số ngày không dính dáng gì với công án. Vào lúc đó một số tăng nhân dưới Vân Môn có thể hãnh diện về sự tiến nhanh của họ trong Thiền trong thời gian an cư và một số khác có thể hổ thẹn vì sự thiền định chậm tiến của họ bất chấp số năm họ đã ở với Vân Môn. Khi Vân Môn nói, “Một ngàn,” sư cũng không viện dẫn thời gian hay con số. Sư là một học giả Hoa Nghiêm dựa vào triết lý cho rằng một phút chứa trọn một ngàn năm và một ngàn năm chỉ là một phút. Câu trả lời của sư có tính cách chỉ dạy hơn khuyến khích.

Fugai: Nếu tôi có ở đó, tôi sẽ tát vào má Vân Môn một cái. Chẳng phải ba ngày mà mọi hơi hít vào và thở ra đều có thể thay đổi một người. (Rồi, sau cái “Một ngàn” của Vân Môn) Vân Môn vẫn có cùng bộ mặt xưa.

Như Huyền: Lúc ấy nếu có tôi ở đó, tôi có thể đứng lên cúi đầu lễ bái Vân Môn và chúc thọ lão sư vạn sự như ý.

Genro: Vân Môn mở cửa hàng tự mua tự bán, như vậy chẳng lời chẳng lỗ. Không trả giá được cái “Một ngàn” của sư. Tôi thà nói, “Vào thời của sư thì được còn như ngày nay thì chẳng được.” Ông không thể thấy ba ngày thay đổi một người sao?

Như Huyền: Một thầy giáo dạy học luôn luôn đón mừng các học trò cũ đã trở thành học giả vĩ đại hay thương gia giàu có. Ngay từ đầu ông thầy đã biết học trò không phải là kẻ địch, mà sau này họ có thể cho ông uy tín vì phần của ông huấn luyện họ. Các Thiền sư - những người có thể có khuynh hướng làm mất uy tín các đồng nghiệp xưa trong các ngôi chùa cũ - nên tham đi tham lại công án này.

69. QUAN THUỘC THƯ

Thượng thư Trần Tháo đi lên cầu thang với những người trong ban tham mưu của ông. Khi thấy một nhóm tăng nhân đi ngang qua dưới đường lộ, một trong các quan thuộc hạ hỏi, “Họ có phải là tăng nhân hành cước không?” Trần Tháo đáp, “Không.” Viên chức ấy hỏi, “Làm sao đại nhân

biết họ không phải là tăng hành cước?” “Để khám nghiệm xem,” Trần Tháo đáp xong liền kêu to, “Này! chú tăng!” Nghe tiếng gọi, tất cả nhìn lên cửa sổ. Trần Tháo nói, “Đó! Không phải tôi đã nói với ông như vậy sao?”

Như Huyền: Trần Tháo là đệ tử lâu năm trong Thiền và cũng là một quan chức cao cấp, trong khi đó các quan chức kém hơn ông ta đều là những đệ tử mới học Thiền. Ông ta muốn chỉ dạy họ về Thiền, như vậy đã đưa cuộc đối thoại này đến chỗ kết thúc đó. Câu chuyện này xảy ra trong một ngôi chùa hơn là trong một cơ quan chính quyền như vậy câu chuyện đặt sử này chỉ nói đến Thiền và không nói đến điều gì khác. Một trong các viên chức nhận thức các ông tăng đang đi ngang đó với tâm phân biệt, đáng trách mắng vào lúc đó. Tiếng “Không” của Trần Tháo phủ nhận vô số sự phân biệt với tiếng “không” trường tồn; thuộc hạ của ông ta chỉ tranh luận về sự đồng nhất bề ngoài của những người hành cước. Nếu tôi là Trần Tháo, tôi sẽ nói, “Không,” nhưng Trần Tháo đã tử tế nói, “Để khám nghiệm xem.” Khi các ông tăng nhìn lên vì tiếng la của Trần Tháo, ông quan thuộc hạ có thể đã nghĩ, “Không phải tôi đã nói với ông như vậy sao?” Để đánh tan ý nghĩ ấy, Trần Tháo nói, “Đó! Không phải tôi đã nói với ông như vậy sao?”

Genro: Trần Tháo mắt nhìn nam mà tâm nghĩ bắc.

Như Huyền: Một hôm Thích Tông Diễn tiếp một người khách là một nhà báo nổi tiếng. Trong khi uống trà, Thích Tông Diễn nói về chính trị và tình hình thế giới, cuối cùng ông khách nói, “Tôi biết tất cả những điều đó. Tôi đến đây học Thiền. Xin vui lòng cho tôi nghe về Thiền.”

Thích Tông Diễn điềm nhiên đáp, “Đó là những gì tôi đang nói.” Lúc ấy nhà báo hiểu việc làm của sư và nhận tham thiền vào sáng và chiều, phát triển tánh cách siêu việt tất cả chuyện thế gian của tâm.

Mấy năm qua tôi đã tiếp tục an cư trong phòng một khách sạn ở Seattle, tiếp khách đến tham gia thiền định với tôi. Một hôm khi một người say rượu bước vào nói, “Tôi hiểu các Thiền tăng hét, ‘Katz!’ Tôi muốn nghe ông hét.” Tôi đáp, “Ông không xứng đáng vào thiền định khi trong người ông có rượu. Làm ơn bước ra cho.”

Ngày hôm sau ông ta lại đến, tham gia thiền định và tiếp tục suốt tuần lễ. Chúng tôi không nói mà cùng nhau thiền định. Năm sau tôi trở lại khách sạn đó và một lần nữa ông ta lại xuất hiện. Lần này chúng tôi thăm viếng và cùng nhau nghiên cứu. Tôi đặt tên cho ông ta là Cổ Đăng (Koto) có nghĩa là “Đèn Xưa.” Rồi nhiều năm trôi qua, không thêm một lời nào nữa cho đến khi tôi đọc về cái chết của ông ta trên báo. Bài xã luận nói là ông ta được giao trách nhiệm coi nhà máy cưa và đã chết trong khi chữa lửa để cứu một dụng cụ nào đó. Công ty của ông đã tôn vinh ông ta vì cái chết ấy, và tôi chấp hai tay lại nói, “Cổ Đăng vẫn còn cháy.” Tôi không bao giờ biểu diễn cho ông ta nghe tiếng hét bất chúc và ông ta cũng không bao giờ yêu cầu nữa.

70. TRIỆU CHÂU TRỤ CHỖ NÀO

Một hôm khi Triệu Châu đến viếng thì Vân Cư nói, “Già rồi sao không tìm chỗ trụ đi.” Triệu Châu hỏi, “Trụ chỗ nào bây giờ?” Vân Cư đề nghị, “Phía sau núi có cái chùa cũ đổ nát.” Triệu Châu

hỏi lại, “Sao ông không trụ ở đó đi?” Vân Cư không đáp. Sau đó Triệu Châu đến viếng Thù Du. Thù Du hỏi, “Già rồi sao không tìm chỗ trụ đi?” Triệu Châu lại hỏi như trước, “Trụ chỗ nào bây giờ?” Thù Du phản đối, “Ông còn không biết chỗ trụ trong lúc tuổi già nữa sao?” Lúc ấy Triệu Châu nói, “Ba chục năm cưỡi ngựa chẳng sao, bữa nay lại bị té lừa.”

Như Huyền: Triệu Châu đi viếng hết sư này đến sư khác lúc sư đã sáu mươi tuổi và vẫn tiếp tục đi như một ông tăng hành cước đến khi sư tám mươi tuổi. Thiền của sư đã chín và dịu ngọt như rượu nho lâu năm, nhưng một vài tăng nhân và bậc thầy nghĩ rằng nó chưa đúng mùa. Khi Vân Cư đề nghị sư an trụ, Triệu Châu đã biết nhà thật của sư và không chỗ nào nằm bên ngoài nó, vì thế sư đáp, “Trụ ở đâu bây giờ,” là khôi hài. Triệu Châu, nhận thấy Vân Cư còn thiếu cái hiểu đầy đủ khi bám vào ấn tượng đầu tiên, đề nghị Vân Cư trụ ở cái chùa đổ nát đó. Vân Cư im lặng là chấp nhận sự đạt ngộ của Triệu Châu.

Về sau Triệu Châu sống trong một Thiền viện và dạy nhiều tăng nhân, sư sống đến một trăm hai chục tuổi. Sư chẳng dùng “gậy to” cũng chẳng hò hét như các sư khác, lời sư nói ít nhưng đầy Thiền.

Các Thiền sư Trung hoa và Nhật bản sống ở các chùa hay viện do các nhà quý tộc trợ cấp. Những ông tăng ngu bám vào sự hào nhoáng và danh vọng của những chỗ trú tạm thời không lưu tâm đến sự đạt ngộ của ông thầy. Triệu Châu đã tự giải thoát mình ra khỏi những tiêu chuẩn giả dối này khi sư trải nghiệm cái hiểu của các ông thầy đã thành danh trong lúc sư hành cước. Có điều hậu như đáng tiếc là về sau sư đã sống trong một Thiền viện và không còn tiếp tục trôi nổi bồng bềnh như một đám mây trời.

Trên thế giới, cùng với tín đồ Phật giáo là những người đầu sự đạt ngộ của họ nhưng ảnh hưởng tới người khác như các thầy Sufi, Rinds hay Dervishes đã làm.

71. VẤN MÔN NẾP NHÀ

Một ông tăng hỏi Vân Môn, “Thế nào là nếp nhà của hòa thượng?” Vân Môn đáp, “Ông chẳng nghe học sinh đến nhà này học đọc học viết sao?”

Như Huyền: Mỗi Thiền sư tiếp người đến học Thiền theo cách riêng của họ. Ở Nhật, những người thừa kế Bạch Ẩn nhận người học từng người một và dùng công án để khảo nghiệm cái hiểu của họ. Độc Viên thường tiếp tục hút thuốc khi người học vào phòng tham thiền, mỉm cười với người học, không nói một lời hay bỗng nhiên cười lớn khi người học trình cái thấy của mình về công án, rồi rung chuông cho lui trước khi người học có thể lễ bái lần thứ nhì. Kando thì để cây gậy ngay trước chỗ ngồi và bảo người học, “Hãy đến gần hơn. Tôi già rồi nghe khó lắm.” Khi người học đến vừa tầm, sư liền lấy gậy đánh. Tôi đã có lần kinh nghiệm gia phong của sư trong lúc tham thiền, khi sư bảo tôi đến gần hơn, tôi tiến đến vừa đủ để nắm lấy cây gậy của sư khi tôi trình kiến giải của tôi về công án. Thích Tông Diễn thường thay đổi chỗ ngồi, nhất là vào buổi chiều, vì vậy người học không thể thấy sư ngay.

Vào thời của Vân Môn không có phương pháp ỏn định khi nhận tham thiền. Các ông tăng tiến đến gần sư bất cứ khi nào có cơ hội: ngoài vườn, trong hành lang, hay ngay cả lúc sư đang tắm. Câu chuyện này xảy ra gần cổng ngoài, nơi đây trẻ con đang đi ngang qua trên đường đến

trường. Vân Môn tiếp tất cả người trong thiên hạ như đệ tử của sư, ngay cả trẻ con trong trường học cũng bắt đầu nhận sự hướng dẫn của sư mặc dù chưa từng gặp hay biết sư. Ở đây sư chỉ bày triết lý Hoa Nghiêm: Một là nhiều và nhiều là một.

Nếu đọc những cuộc đối thoại Thiền thời nhà Đường hay nhà Tống, quý vị sẽ thấy sau khi nói pháp các sư ban sự hướng dẫn cá nhân cho những ai bước lên đặt câu hỏi. Theo kinh điển thì Phật cũng dạy theo cách này, nhưng khi giáo lý truyền đến Nhật bản, phương pháp này dần dần trở thành một phần của nghi thức hay nghi lễ, tạo nên sự phù phiếm và tham vọng trong giới đệ tử cố đẩy ông thầy vào góc tường, hay dàn cảnh. Nó giống như một màn biểu diễn rẻ tiền trên đường phố. Để tránh tình trạng này, Bạch Ẩn bắt đầu biện pháp bắt buộc đệ tử đến phòng tham thiền của sư riêng từng người một, buổi sáng và buổi chiều, dù họ có kiến giải hay không. Nhưng phương pháp này cuối cùng cũng đến phiên trở thành nghi thức đối với những đệ tử quan tâm đến sự đậu rớt trong các kỳ thi. Thật là lạc xa tư tưởng Thiền.

Vào thời Vân Môn, các nhà Không học công hiến sự giáo dục thông thường, nhấn mạnh luân lý hơn là học thức. Vân Môn nhấn mạnh một cách có mục đích quan điểm đạo đức khích lệ tăng nhân giữ giới luật hằng ngày trước khi phát biểu triết lý siêu việt.

Genro: Vân Môn sẽ không có nhiều đệ tử bằng cách này khi họ đến để lượm lặt các thứ gia phong hấp dẫn.

Fugai: Có lẽ Vân Môn không làm gì hơn là chiếm lấy chỗ của thầy giáo nhà trường.

Như Huyền: Nếu một Thiền tăng không làm gì khác hơn là chiếm chỗ của thầy giáo nhà trường, thì ông ta là một Thiền tăng lý tưởng. Ông ta không cần che dấu gia phong để dụ mấy ông tăng hành cước.

72. BẢO THỌ QUAY LƯNG

Triệu Châu đến viếng Bảo Thọ. Chợt thấy Triệu Châu, Bảo Thọ liền quay lưng về phía Triệu Châu. Triệu Châu trải tọa cụ mang theo xuống lễ bái Bảo Thọ. Bảo Thọ liền đứng lên quay mặt lại Triệu Châu. Triệu Châu nhặt tọa cụ lên và bỏ đi.

Như Huyền: Ở Ấn độ, một ông tăng có y trong, y ngoài và một tấm nệm làm mền đắp ban đêm hay làm vật để ngồi vào ban ngày. Mặc dù tấm nệm này đủ cho thời tiết ở Ấn độ và Tích lan, nhưng nó đã trở thành một biểu tượng nghi thức cho tăng nhân ở vùng lạnh phía bắc Trung hoa.

Thiền của Bảo Thọ đã tinh luyện. Sư đã biến mình thành một viên thủy tinh không có phía trước không có phía sau. Triệu Châu đã nhận ra điều đó nên chuẩn bị lễ bái, lúc đó Bảo Thọ liền bỏ đi bởi vì không cần thiết phải xem qui ước bên ngoài của cái hiểu tâm với tâm. Lúc ấy Triệu Châu cũng bỏ đi.

Khi Hàn Sơn nhận một ông tăng từ một chùa khác đến, sư hỏi, “Ông từ đâu đến?” Ông tăng nói tên chùa mình. Hàn Sơn hỏi, “Ở đó ông học được gì?” Ông tăng đáp, “Thiền định.” Hàn Sơn bảo, “Chỉ cho tôi cách thiền định.” Ông tăng đáp bằng cách xếp treo chân ngồi thẳng

như tượng Phật. Hàn Sơn hét ông tăng, “Này! Ông ngốc ơi! Hãy cút đi! Chùa chúng tôi ở đây có đủ Phật đá rồi.”

Ông tăng này có phía sau và phía trước rời nhau. Khi thiền định thì ông ta giống như ông Phật đá, khi ăn cơm thì ông ta giống như quỷ đói, và đôi khi ông ta còn giống như A-tu-la nữa. Chẳng lạ gì Hàn Sơn không muốn ông ta ở lại chùa. Nhưng có thể quý vị hỏi, “Không phải ông thầy đã bảo ông tăng chỉ cách thiền định sao?” Ông tăng thiền định thật sự sẽ không bao giờ ngồi, không bao giờ đứng, không bao giờ nằm, và không bao giờ nói. Bây giờ, thế nào là thiền định đúng cách? Nhưng quý vị không được bắt chước Bảo Thọ và Triệu Châu.

73. TUYẾT PHONG TỪ CHỐI ÔNG TĂNG

Một ông tăng đến Tuyết Phong và lễ bái.

Fugai: Ông ta đang dùng bài học đầu tiên cho con nít.

Như Huyền: Ông ta muốn gọi ông tăng là người mới bắt đầu hay đang xem cuộc gặp gỡ chính thức bắt đầu?

Tuyết Phong đánh ông tăng năm gậy.

Fugai: Công án nháng lửa lên rồi.

Lúc đó ông tăng hỏi, “Con lỗi ở chỗ nào?”

Fugai: Ông chẳng biết thí chủ của ông.

Sư đánh ông tăng năm gậy nữa và hét to đuổi ông tăng ra ngoài.

Fugai: Cưng quá khiến con hư.

Như Huyền: Trẻ con Trung hoa đầu tiên được dạy cho một câu chữ Hán đơn giản như vậy, “Đức thánh Không Phu tử ngày xưa có ba ngàn học trò, trong đó có bảy mươi học trò giỏi. Các con những trẻ em tám chín tuổi nên biết lễ phép với nhau.” Đây giống như các chữ A, B, C trong tiếng Anh. Ông tăng bắt đầu rất ư lễ phép nhưng Tuyết Phong xem ông ta như một người mới bắt đầu trong Thiền, như lời bình của Fugai chỉ rõ. Những ai học sâu cũng sẽ lễ bái thầy như khi gặp lần đầu tiên. Lỗi duy nhất của ông tăng là sự khộp sợ trong phút giây đầu tiên ở trước thầy và đáng nhận một gậy. Nếu ông ta nhận thức được điều này thì sẽ không hối lỗi mình ở chỗ nào. Chắc chắn ông ta không biết người ban lợi ích thực sự cho ông ta đang ở ngay trước mặt. Ông ta nên lễ bái lần nữa trước khi bị Tuyết Phong đuổi ra ngoài.

Genro: Tiếng hét sau cùng của Tuyết Phong chẳng có chút giá trị gì.

Fugai: Tuyết Phong cố thọc gậy vuông vào lỗ tròn.

Như Huyền: Tôi không tin Tuyết Phong hét chút nào. Ai tả câu chuyện này đã không biết ngôn ngữ hàng ngày của người Trung hoa. Trong ngôn ngữ Trung hoa ngày nay, câu cuối cùng của công án này sẽ đọc mà không cho tiếng “Hát!” nghĩa gì cả, mặc dù những người theo Lâm Tế dường như xem đây là một biểu hiện bất ly thân.

Genro: *Thiền Tuyệt Phong như bà nội hiền từ.
Khắc mạn thuyền để tìm thanh kiếm mất.
Giống chuyện xưa khi Lâm Tế được rồi,
Liên cho Đại Ngu ngay hông ba đấm.*

Như Huyền: Một hôm một người ngu đánh rơi thanh kiếm của y qua lườn tàu, liền cẩn thận đánh dấu vào hông tàu chỗ kiếm rơi để chỉ chỗ cho viên thuyền trưởng bắt đầu cuộc tìm kiếm mà không ý thức tàu đang giương buồm chạy. Các giáo sư đại học diễn giảng trong lớp học về các triết lý thời cổ mà không cho loài người tiến bộ qua năm tháng sự thực là đang cố tìm thanh kiếm đã bị mất theo dấu khắc vào mạn tàu.

Lâm Tế hỏi Hoàng Bá thế nào là đại ý Phật pháp, và nhận câu trả lời của Hoàng Bá là một cú đánh bằng gậy. Lâm Tế đến hỏi Hoàng Bá cùng câu hỏi ấy hai lần nữa và cũng nhận cùng một loại câu trả lời. Hầu như đã sẵn sàng bỏ cuộc tìm cầu, sư đến Đại Ngu phàn nàn về sự thất bại của mình. Khi nghe câu chuyện, Đại Ngu nói, “Hoàng Bá thật là quá tử tế. Kẻ ngu như ông làm sao thấy được.” Trước khi Đại Ngu dứt lời, ngộ đến với Lâm Tế như một tia chớp. Lâm Tế liền cho Đại Ngu ba đấm ngay sườn.

Bài thơ này cũng là khắc dấu vào mạn thuyền. Không lạ gì, sau câu thơ cuối cùng, Fugai nói, “Ông không thể bắt một con thỏ hai lần trong cùng một cái hang.”

74. CHỌN NGƯỜI KHAI SÁNG
MỘT NGÔI CHÙA

*Khi Qui Sơn học Thiền dưới sự hướng dẫn
của Bách Trượng, sư làm việc như một đầu
bếp của chùa.*

Fugai: Một gia đình Thiền đang bình yên làm sao!

*Tư Mã Đầu Đà đến chùa nói với Bách
Trượng rằng ông ta đã tìm được một cảnh đất rất
tốt để lập một ngôi chùa trên núi Đại Qui và muốn
chọn một vị sư mới cho chùa trước khi xây xong.*

Fugai: Có người không thể ở được sao?

Bách Trượng hỏi, “Tôi thế nào?”

Fugai: Chớ có nói đùa.

*Tư Mã Đầu Đà đáp, “Núi ấy có số được
chùa thịnh đạt. Hòa thượng sinh ra bần hàn, như
vậy nếu hòa thượng ở đó thì có thể chỉ có độ năm
trăm tăng.”*

Fugai: Làm sao ông biết được?

Chùa ấy sẽ có hơn một ngàn tăng.

Fugai: Chỉ có thể à ?

*Bách Trượng nói, “Trong tăng chúng ở đây
ông thấy có người nào thích hợp không?”*

Fugai: Con mắt chọn tăng của thầy ở đâu?

Tư Mã Đầu Đà nói tiếp, “Tôi nghĩ điển tọa Qui Sơn sẽ là người đó.”

Fugai: Vô lý!

Lúc ấy Bách Trượng gọi Qui Sơn bảo sư đi lập chùa mới.

Fugai: Đi dễ vậy sao!

Ông tăng thủ tọa chợt nghe chuyện liền đi thẳng đến Bách Trượng, nói, “Không ai có thể bảo điển tọa giỏi hơn thủ tọa.”

Fugai: Ông chẳng tự biết mình.

Lúc ấy Bách Trượng gọi tăng chúng tụ tập lại, nói cho họ nghe tình hình, và bảo rằng hễ ai trả lời đúng câu hỏi của sư thì được chọn.

Fugai: Phán quyết ngay thẳng!

Bách Trượng chỉ cái tịnh bình đặt trên sàn nhà và hỏi, “Không được gọi nó là tịnh bình, vậy gọi nó là gì?”

Fugai: Tôi có thể thấy được sư đang nháy mắt.

Ông tăng thủ tọa nói, “Không thể gọi nó là chiếc giày gỗ.”

Fugai: Ôi là thủ tọa!

Khi không còn ai khác trả lời, Bách Trọng quay sang Qui Sơn. Qui Sơn bước tới, đá đổ tịnh rồi bỏ đi.

Fugai: Chẳng có gì mới mẻ hết.

Bách Trọng mỉm cười, “Thủ tọa thua rồi.”

Fugai: Phán quyết ngay thẳng!

Qui Sơn được cử làm trụ trì ngôi chùa mới và dạy Thiền cho hơn một ngàn tăng nhân.

Fugai: Không những chỉ hơn một ngàn tăng chúng mà còn tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai và tất cả Bồ-tát mười phương.

Genro: May quá, Bách Trọng đã đặt sẵn cái tịnh bình làm cọc vì thế ông tăng ấy có thể đập nhào nó. Giả sử tôi chỉ vào hòn núi Nam và nói, “Không gọi nó là hòn núi Nam, thì gọi nó là gì?” Nếu các ông nói rằng không thể gọi nó là chiếc giày gỗ, thì các ông có hơn gì ông tăng thủ tọa. Các ông cũng không thể đá nhào nó như Qui Sơn đã làm. Bây giờ các ông làm gì? Trong các ông có ai là người Thiền thật vượt hết những kiến giải này, thì trả lời tôi đi.

Fugai: Tôi sẽ đá ông thầy.

Như Huyền: Dù cho tất cả tăng chúng đều ngu không ai nói nó là chiếc “Giày gỗ,” khi chỉ hòn núi Nam. Khi Fugai nói, “Tôi sẽ đá ông thầy,” có lẽ sư muốn nói cả

Bách Trọng lẫn Genro. Nếu tôi là Genro, tôi sẽ chỉ cây chổi tre để bên ngoài cửa sổ và bảo tăng chúng gọi nó mà không phải bằng tên của nó. Quý vị không thể gọi nó cái đồ xúc bụi và cũng không thể đá cây chổi. Nếu tôi là Fugai, tôi sẽ lấy cây chổi, đi quét nhà.

Genro: *Chỉ nhật tịnh bình lên, đo xem dài ngắn,*
[Fugai: Thầy làm gì nó vậy? Nó không
 có kích thước; làm sao thầy có thể gọi nó
 là ngắn hay dài?]
Như vậy, vượt kích thước,
hiển lộ toàn nội dung.
[Đó là những gì tôi nói!]
Hãy xem bàn chân làm được chuyện gì!
[Bàn chân quý vô song!]
Một đá dựng thành chùa Qui Sơn.
[Bàn chân ấy sẽ nghiền hư không thành
 bụi]

75. ÔNG TĂNG NGÔI THIỀN

*Người quản thủ thư viện thấy một ông tăng
 ngồi thiền trong thư viện một thời gian khá lâu.*

Fugai: Ông ta chẳng phải là tăng ư?

*Người quản thủ thư viện hỏi, “Tại sao ông
 không đọc kinh?”*

Fugai: Tôi muốn nói với ông tăng câu này, “Chẳng phải ông ngồi thiền sai chỗ rồi sao?” Tôi cũng muốn hỏi ông quản thủ thư viện ông muốn nói loại kinh gì?

Ông tăng đáp, “Tôi không biết đọc.”

Fugai: Thật là một người mù chữ dễ thương!

Người quản thủ thư viện gợi ý, “Sao ông không hỏi người nào biết?”

Fugai: Kìa, ông bị trượt rồi.

Ông tăng đứng dậy, nhả nhận hỏi, “Cái gì đây?”

Fugai: Cây sồi độc!

Người quản thủ thư viện im lặng.

Fugai: Bắt chước giỏi!

Genro: Ông tăng đứng và người quản thủ thư viện im lặng. Đây không phải là những quyển kinh viết rất hay sao?

Đọc kinh đâu cần ánh sáng đặc biệt

[Fugai: Cũng may có đủ ánh sáng để soi bóng tối].

Mỗi chữ chiếu rõ ràng.

[Chẳng thể dịch được].

Đứng không chạm sách,

[Tại sao phải giữ vật đã có?]

Năm ngàn bộ kinh đọc trong chớp mắt.

[Kinh gì mà không ai đọc được?

Thầy tôi nói câu này chạm mắt rồi.]

76. ĐỊA TẠNG HOA MẪU ĐƠN

Địa Tạng, Trường Khánh và Bảo Phước, ba huynh đệ cùng nhau đi xem bức tranh nổi tiếng vẽ hoa mẫu đơn trên tấm bình phong.

Fugai: Chư tăng, phải quét sạch tranh ảnh ra khỏi mắt nhé.

Bảo Phúc nói, “Mẫu đơn đẹp!”

Fugai: Chớ để mắt ông lừa ông.

Trường Khánh nói, “Chớ quá tin mắt ông.”

Fugai: Tôi nói, “Chớ tin tai của ông.”

Địa Tạng nói, “Bậy quá. Bức tranh hồng rồi.”

Fugai: Miệng gây tất cả phiền não.

Như Huyền: Tăng nhân không có chuyện đi xem tranh. Nhưng một khi thấy tranh ảnh, thì họ phải hiểu là vãi bố. Mấy năm trước, một Thiền sư phái Tào Động đến Chicago, nơi đây ông được một người bạn mời tham quan một lò sát sinh. Ông ta đã ngất xỉu trước khi hoàn tất cuộc tham quan. Khi trở lại San Francisco, ông ta kể cho tôi nghe chuyện xảy ra, tôi nói với ông ta là tăng nhân không nên đến những nơi như thế, nhưng một khi đã đến, thì phải xem tất cả. Lời khuyên của tôi không làm ông ta hài lòng lắm bởi vì ông ta tự coi mình rất từ bi, và là trụ trì của một ngôi chùa lớn ở Nhật bản, ông ta không cảm kích những lời này của một ông tăng vô danh ở Mỹ như tôi.

Genro: Bảo Phúc thích thú khi thấy tranh đẹp. Trường Khánh mất cơ hội thưởng thức bởi vì ông ta đang chú tâm đến việc khác. Khi Địa Tạng nói, “Bây quá, bức tranh hỏng rồi,” là sự nhập bọn với Bảo Phước hay đang kết tội Trường Khánh?

Trường Khánh khéo vẽ tranh vua của loài hoa.

[Fugai: Bức tranh cần đánh bóng].

Gắm sắc sở mở ra hương ngào ngạt bay lên.

[Hương cay nồng thì có gì thích thú].

Ong bướm lượn quanh hoa thích thú.

[Người cũng dùng hoa dụ côn trùng].

Ba thầy tăng có thật nói chuyện tranh hoa?

[Hãy xem bảng hiệu, CẢM SỞ!]

77. ĐỘNG SƠN KHUYẾN TĂNG CHÚNG

Động Sơn nói với tăng chúng, “Các ông tăng nhân nên biết trong Phật pháp còn có đạo lý cao hơn.”

Fugai: Khi người ta cố biết cái cao hơn thì liền té xuống thấp.

Một ông tăng bước tới hỏi, “Thế nào là Phật pháp thượng thừa?”

Fugai: Ông tăng đó bị Phật và Tổ lừa.

Động Sơn đáp, “Chẳng phải Phật.”

Fugai: Treo đầu heo mà bán thịt chó!

Như Huyền: Một Thiên tăng cố gắng cực nhọc để đạt cái gì đó cao hơn Phật giáo bình thường. Ông ta giống như một con ngựa phi nước đại để với lấy nắm cỏ khô trên đầu cây sào buộc trước mũi ngựa. Cách duy nhất cho con ngựa là ngừng chạy để nắm cỏ từ cây sào tuột xuống mà ăn. Động Sơn chỉ muốn khuyến khích những người mới bắt đầu nhằm mục đích đạt ngộ, nhưng sư phải đáp, “Chẳng phải Phật. Ở đây Phật tượng trưng cho giác ngộ và không phải cho người đã đạt giác ngộ ở Ấn độ hai mươi lăm thế kỷ qua.

Genro: Động Sơn thật là từ bi. Sư giống như ông lão vui tánh quên mất về trang nghiêm, chơi với lũ trẻ mà không để ý đến người xem chế diễu. Người theo giáo lý của sư phải nhớ điều này và biết ơn để đáp lại lòng từ bi của sư.

Fugai: Khi một người cố trả nợ là chính y gây nên nợ nặng.

Như Huyền: Động Sơn là một trong những người khai sáng tông Tào Động. Theo Fugai không có sư nào vĩ đại hơn. Tông Lâm Tế có thể xem thường lời đáp của Động Sơn vì tin rằng ông tăng đó đáng đòn. Giống như cái lạnh mùa đông so với gió xuân êm nhẹ. Người Mỹ có thể học tông nào cũng được, tùy họ chọn.

Genro: *Thiền Động Sơn trang nghiêm đạo hạnh,*

[Fugai: *Ấy là vô giá].*

Không nhằm đưa lạc đường người.

[Ông ấy già quá rồi].

Cần câu quơ bóng cỏ,

[Cũng may biết là bóng].

*Đánh độc kẻ uống rượu nho.
[Nên hổ thẹn cho mình.]*

78. VÂN CƯ TẶNG Y

Vân Cư là sư của một ngôi chùa lớn, gửi một chiếc y mặc trong cho ông tăng sống một mình trong cái am gần chùa. Sư nghe nói ông tăng ngồi thiền hằng giờ mà không có gì để che đôi chân.

Fugai: Một món lợi cho người ốm. Cái y mặc trong đó phải là vật truyền xuống từ Bồ-đề-đạt-ma.

Như Huyền: Chùa nào thịnh vượng thì gọi là “mập,” và chùa nào nghèo thì gọi là “ốm.” Quan niệm này có tính cách vật chất và thiếu tinh thần Thiền. Lần đầu tiên khi tôi trở thành tăng nhân, tôi quyết định không ở trong chùa “mập” mà sống trong một cái am nhỏ giống như ông tăng trong câu chuyện này.

Ông tăng từ chối vật bố thí, nói, ‘Tôi sinh ra với chiếc y mặc bên trong của tôi.’

Fugai: Tăng tốt! “Nếu ông có, tôi sẽ cho ông. Nếu ông không có thì tôi lấy lại.”

Vân Cư gửi thư đến hỏi, “Trước khi sinh thì ông mặc cái gì?”

Fugai: Vân Cư lại gửi áo mới.

Ông tăng không đáp được.

Fugai: Hai chân ông ở đâu?

Sau đó, ông tăng qua đời. Lúc hỏa táng người ta tìm thấy xá lợi trong tro và mang đến Vân Cư. Sư nói, “Dù ông ta có để lại tám mươi bốn thùng xá lợi cũng không bù được câu đáp cho lão tăng.”

Fugai: Nhà nước cảm tình cảm. Không thể lừa chân sư.

Genro: Tôi sẽ thay ông tăng đáp Vân Cư, “Chẳng ngại trình hòa thượng, chỉ ngại hòa thượng không có chỗ để.”

Fugai: Nói hay lắm, nhưng chẳng phải ý ông tăng.

Như Huyền: Một số Thiền sinh Nhật nghĩ rằng ông tăng thiền định có quan tâm đến lời của Vân Cư và vì thế đã giữ im lặng. Sự im lặng này có gì sai không? Tôi tin nó tương đương với câu trả lời. Ngay từ đầu, ông tăng đâu có phản nản gì. Ông ta thỏa mãn, và sự lân mẫn của chùa đã dẫm chân lên con rắn. Xá lợi, những viên ngọc óng ánh tìm được trong tro hỏa táng, chỉ là sản phẩm mê tín truyền kỳ của người Trung hoa. Sự thực Vân Cư không có thấy xá lợi, nhưng chỉ giúp miệng cho tin đồn. Sư là người làm tiêu chuyện rất dở. Một cuộc hỏa táng tốt chỉ để lại tro mà thôi dù là tăng nhân, vua chúa hay đại sư.

Genro: *Tám mươi bốn thùng xá lợi*

[Fugai: *Mùi thối lắm!].*

Không qua một chữ che trời che đất.

[Nhà tây gửi nhà đông lời chia buồn].

Áo quần của mẹ - Thương thay!

[Ông chẳng biết ơn mẹ].

*Không che được cái vô hình hiện tại.
[Con trai triệu phú chết đói trần truồng].*

79. ĐỨC SƠN GIÁO PHÁP TỘT CÙNG

Tuyết Phong hỏi Đức Sơn, "Giáo pháp tốt cùng của chư Tổ con cũng có phần chẳng?"

Fugai: Ông ta vẫn còn tật ăn cắp.

Đức Sơn đánh một hèo, hỏi, "Ông nói cái gì?"

Fugai: Sư từ bi như bà nội!

Tuyết Phong chẳng hiểu ý Đức Sơn, vì thế hôm sau Tuyết Phong lặp lại câu hỏi.

Fugai: Một cái đầu chẳng đủ sao?

Đức Sơn đáp, "Thiền không lời, cũng không có gì để cho."

Fugai: Nói nghe nghèo quá.

Nham Đầu nghe chuyện, liền nói, "Đức Sơn có xương sống thép, nhưng lời nói dịu dàng làm hỏng Thiền."

Fugai: Một người thổi sáo, một người múa.

Như Huyền: Nham Đầu là đệ tử lâu năm dưới Đức Sơn lúc Tuyết Phong đang học tại chùa. Fugai cũng là một người xấu xa xía vô chuyện người khác như Nham Đầu.

Genro: Đức Sơn ăn trộm cừu có Nham Đầu làm chứng. Cha nào con nấy! Rất hợp nhau.

Như Huyền: Một nhà quý tộc có lần đã kể với Không Tử về một người thuộc hạ lương thiện đã làm chứng trước tòa rằng cha anh ta đã ăn cắp cừu. Genro đã lấy lời bình này từ sách *Luận Ngữ*. Một người ở trước pháp luật sẽ thay mặt cho pháp luật mà không quan tâm đến tình cảm. Thầy giỏi không bao giờ dung thứ trò giỏi.

Genro: *Đầu rồng và đuôi rắn!*

[**Fugai:** Ôi là một quái vật!]

Đồ chơi đồ con nít.

[Đồ chơi có giá trị!]

Nham Đầu, kẻ ngoài cuộc,

[Kẻ ngoài cuộc có thể thấy].

Đổ cả cho Đức Sơn.

[Chỉ trả thuế thập phân thôi]

80. BA TIÊU KHÔNG DẠY

Một ông tăng hỏi Ba tiêu, “Nếu có người không tránh sinh tử, không nhận niết bàn, hòa thượng có dạy y chăng?”

Fugai: Chớ ông đang nói cái gì vậy?

Ba Tiêu đáp, “Tôi chẳng dạy y.”

Fugai: Thầy giỏi không phí lời.

Ông tăng lại hỏi, “Tại sao hòa thượng chẳng dạy?”

Fugai: Ông đang nói gì vậy?

Ba Tiêu đáp, “Lão tăng này biết tốt xấu.”

Fugai: Ông lão này mất lưỡi rồi.

Cuộc vấn đáp giữa Ba Tiêu và ông tăng được người ta thuật lại ở các chùa khác. Một hôm Thiên Đồng nói, “Ba Tiêu có thể biết tốt xấu, nhưng không biết lấy trâu của người cày, lấy cơm của người đói. Nếu ông tăng ấy hỏi tôi một câu như thế, trước khi y dứt lời tôi đã đánh y một gậy. Vì sao? Bởi vì xưa nay tôi chẳng quan tâm tốt xấu.”

Fugai: Cái nòi kêu cái ầm đen.

Như Huyền: Ba Tiêu là một Thiền sư Trung hoa, tên là Kế Triệt. Ông tăng đã phát biểu về một người tự tại không mê không ngộ và muốn biết có giáo lý nào cao hơn để giác ngộ một người như thế. Fugai thấy giả thuyết này vô lý nên đã cảnh cáo ông tăng. Ba Tiêu nói, “Tôi chẳng dạy y,” dùng ngay chữ “dạy” của ông tăng, thật chẳng phí lời. Khi ông tăng không hiểu và hỏi sư tại sao không dạy, lời đáp của Ba Tiêu cho thấy sư có thể nhận biết người nào cần dạy và người nào không cần. Fugai nói Ba Tiêu mất lưỡi là ca ngợi câu trả lời hồn nhiên này của Ba Tiêu.

Thiên Đồng được nhắc đến ở đây là một nhà thơ, đã căn cứ vào Thung Dung Lục khi sáng tác bài thơ này. Tên thật của sư là Hoảng Trí. Lời dẫn của sư về trâu và cơm là phương tiện nhanh nhất để lột bỏ mê hoặc cho người học, và đây là lý do tại sao sư nói đánh ông tăng mà không bàn tốt xấu. Lời bình có vẻ miệt thị của Fugai thật ra là lời ca ngợi Ba Tiêu và Thiên Đồng.

Genro: Ba Tiêu vẫn dùng pháp tiệm, trong khi Thiên Đồng dùng pháp đốn chớp nhoáng. Pháp của Thiên Đồng có thể dễ hiểu, nhưng ít ai thấy rõ việc làm của Ba Tiêu.

Fugai: Tôi sẽ nói gì về việc làm của sư?

Genro: *Một bịnh nhiều thuốc chữa.*

[**Fugai:** Kẻ cắp trong thời bình!].

Bắt người không dùng còng;

[Anh hùng trong thời chiến!].

Phải biết kỹ đạn dược.

[Thiên đường chẳng cần thuật ấy].

Xuân lan và thu cúc.

[Hoa đẹp quá làm nghẹt vườn].

81. CAO ĐÌNH ĐÁNH TĂNG

Một ông tăng từ Giáp Sơn đến lễ bái Cao Đình.

Fugai: Ông làm cái gì vậy!

Cao Đình liền đánh ông tăng.

Fugai: Công án sống ở chỗ này.

Ông tăng nói, “Con đến đây lễ bái hòa thượng. Tại sao hòa thượng đánh con?”

Fugai: Ông nói cái gì? Sao không lễ bái nữa đi?

Cao Đình lại đánh ông tăng và đuổi ông ta ra khỏi chùa.

Fugai: Vàng ròng có ánh vàng.

Ông tăng trở về với thầy là Giáp Sơn và kể lại sự tình.

Fugai: Có người đề nói chuyện là tốt rồi.

Giáp Sơn hỏi, “Ông hiểu không?”

Fugai: Ông có thể làm gì với con rắn chết?

Ông tăng đáp, “Dạ, con không hiểu.”

Fugai: Lời nói hay nhưng chẳng phải của ông.

Giáp Sơn nói tiếp, “May là ông không hiểu.

Nếu ông hiểu, tôi thành người ngu.”

Fugai: Hay! Chối lại được việc làm của Cao Đình.

Như Huyền: Genro thêm lời bình của sư như thường lệ, nhưng không đáng dịch ra ở đây.

Genro: *Tăng lễ bái thì Cao Đình đánh;*

[**Fugai:** Ông sẽ làm gì nếu ông tăng không lễ bái và ông không đánh?]

Thật là phép lịch sự mới trong chùa.

[Qui củ độc lập].

Chẳng những Giáp Sơn ngậm miệng,

[Bảo hiểm gấp đôi].

Mà bánh xe Pháp cũng tiêu điều.

[Tỏ lòng biết ơn].

Như Huyền: Thiền Mỹ đang chạy trên lễ đường: viết sách, diễn thuyết, trích dẫn thần học, tâm lý học, và gì

nữa. Người nào sẽ đứng lên đập nát toàn bộ thì chánh Pháp mới duy trì được trên miền đất tự do và chánh trực này.

82. NHAM ĐÀU CÁI BÚA

Đức Sơn, thầy của Nham Đầu, có lần bảo Nham Đầu, “Trong chùa này có hai ông tăng đã ở với tôi nhiều năm. Hãy đi khám nghiệm xem.”

Fugai: Tại sao ông không tự mình đi ?

Nham Đầu vác một chiếc búa đến cái am nhỏ nơi hai ông tăng đang thiền định.

Fugai: Ông đã lau mắt sạch chưa vậy?

Nham Đầu gơ búa lên nói, “Nếu các ông nói một chữ Thiền, tôi sẽ chém đầu các ông. Nhưng nếu các ông không nói gì cả, tôi sẽ chặt đầu các ông.”

Fugai: Không gió mà dậy sóng.

Hai ông tăng tiếp tục thiền định, để mặc Nham Đầu.

Fugai: Mấy ông Phật đá.

Nham Đầu ném búa xuống, nói, “Các ông đúng là người học Thiền.”

Fugai: Nham Đầu tự mua tự bán.

Rồi Nham Đầu trở lại, kể sự tình cho Đức Sơn nghe.

Fugai: Tướng bại trận chẳng nên bàn chiến lợi phẩm.

Đức Sơn đồng ý, “Tôi thấy rõ phía ông, còn phía kia thế nào?”

Fugai: Ai là phía kia?

Nham Đầu đáp, “Động Sơn nhận nhưng Đức Sơn chẳng nhận.”

Fugai: Người ta có nên đến xứ muối vì chẳng thích xứ bọ chết không?

Như Huyền: Động Sơn thường thiên định với tăng chúng, thỉnh thoảng dùng công án, còn Đức Sơn dồn họ vào góc tường bằng đe dọa. Tôi nhập bọn với Fugai khi hỏi, “Ông đã lau mắt sạch chưa vậy?” Chỉ vì Thiên chia thành hai tông chính nhưng không có nghĩa là tông này chẳng bao giờ dùng phương pháp của tông kia.

Genro: Tại sao Nham Đầu bảo hai ông tăng nên ở trong tông môn của Động Sơn mà không thích nghi với tông môn của Đức Sơn? Độc giả thực sự của *Thiết Định Đáo Xuy* [tức ‘Tiếng Sáo Thép’] nên tham lời đáp này.

Fugai: Tại sao Genro bảo người đọc nên tham thiền?

Genro: Hai thanh sắt chặn cửa,

[**Fugai:** Ông làm sao mở được?].

Một mũi tên xuyên qua.

[Tên đó không đủ mạnh].

Chẳng nói pháp Đức Sơn;

[Rất ư là khó thấy].

*Rốt cuộc, sư đã bỏ.
[Chó nhà đôi khi cắn].*

Như Huyền: Thay vì bảo Nham Đầu đi, Đức Sơn nên bằng lòng với hai ông tăng. Nham Đầu luôn luôn gây phiền phức. Theo ý tôi, Đức Sơn bị bại, chẳng phải Nham Đầu. Khi tôi tiếp một vị khách thích tranh luận, tôi đãi trà, không để cho ông ta nói nhiều trong lúc chúng tôi uống trà, và ông ta đã bỏ đi sau tách trà thứ ba.

83. NGƯỠNG SƠN VẼ MỘT ĐƯỜNG

Qui Sơn nói với đệ tử là Ngưỡng Sơn, “Suốt ngày ông với tôi đều nói chuyện Thiền. . .

Fugai: Cả hai vị đều có lưỡi chứ?

Cuối cùng chúng ta đã làm được gì?”

Fugai: Lời nói vô hình.

Ngưỡng Sơn dùng ngón tay vẽ một đường trong hư không.

Fugai: Sao ông lại mang phiền phức như thế?

Qui Sơn nói tiếp, “Đối với tôi thì tốt đấy. Ông có thể lừa người khác.”

Fugai: Ông thầy chơi thua rồi.

Genro: Có hàng trăm hàng ngàn phép định tam muội và vô số đạo lý trong Phật pháp, nhưng tất cả gồm trọn trong đường vẽ của Ngưỡng Sơn. Nếu ai muốn biết

cái gì ở bên kia các phép định tam muội hay sàn lọc lấy đạo lý hay nhất, hãy xem những gì tôi đang làm đây.

Fugai: Bắt chước dở quá!

Genro: *Thần thông của hai ông*

Hơn cả Mục-kiền-liên.

[Fugai: Cả hai đều là ảo tưởng].

Suốt ngày mê trận giả;

[Chiến trường ngay tại chỗ].

Rốt cuộc làm được gì?

[Không lời, không ý nghĩ]

Một ngón tay xoi lỗ

Ngay vào trong hư không.

[Vụng nhất thiên hạ.

Khi mây tan, bầu trời vô hạn].

Như Huyền: Một hôm Qui Sơn đang ngủ trưa thì Ngưỡng Sơn đến tham bái. Qui Sơn còn ngái ngủ quay mặt vào tường. Ngưỡng Sơn hỏi, “Sao hòa thượng làm vậy?” Qui Sơn đáp, “Tôi vừa có một giấc mộng, ông có thể giải thích được chăng?” Ngưỡng Sơn bỏ đi ra khỏi phòng, rồi vài phút sau trở lại với thau nước lạnh cho thầy rửa mặt. Chẳng bao lâu sau đó Hương Nghiêm cũng đến chào thầy, ngay đó Qui Sơn hỏi, “Su huynh của ông vừa giải thích giấc mộng của tôi. Ông giải thích thế nào?” Hương Nghiêm lặng lẽ bỏ đi và trở lại với tách nước trà cho thầy. Qui Sơn phê bình, “Hai ông tặng các ông đã biểu diễn thần thông giống như Mục-kiền-liên. Người ta cho rằng Mục-kiền-liên biểu diễn thần thông, nhưng tôi phải mừng Phật Thích Ca Mâu Ni có hai đệ tử giỏi như vậy ở Trung hoa hai ngàn năm sau khi nhập diệt.”

84. CÀN PHONG MỘT ĐƯỜNG

Một ông tăng hỏi Càn Phong, “Một đường Niết bàn duy nhất dẫn vào đất Phật mười phương. Đường ấy bắt đầu ở đâu?” Càn Phong gờ gậy lên vạch một đường trong hư không và nói, “Ở đây.”

Fugai: Một đám mây trắng làm tối đường.

Sau đó, ông tăng này đem câu hỏi ấy đến hỏi Vân Môn. Vân Môn gờ cây quạt lên nói, “Cây quạt này nhảy một cái đến từng trời thứ ba mươi ba, đụng nhằm lỗ mũi Đế Thích, rơi xuống biển Đông đụng phải cá chép hóa rồng làm mưa như trút.”

Fugai: Kẻ lăm lờ giữa trời xanh gây bão.

Như Huyền: Càn Phong chỉ con đường Thiền, còn Vân Môn khoa trương hành động. Người Trung hoa đôi khi có khuynh hướng phóng đại. Lãnh vực của kính hiển vi cũng cho thấy đất Phật. Tại sao không bắt đầu với con đường của trùng a-míp? Nếu có ai hỏi tôi một câu ngu như thế, tôi sẽ đáp, “Hãy bước cẩn thận.”

Genro: Câu đáp của Càn Phong gọi kẻ ngây ngô vô ích; tiếng Vân Môn rột rạt như đậu khô trong hộp. Nếu ai hỏi tôi câu này, tôi sẽ nói, “Ông không thể thấy chăng, hỡi ông mù ngu dốt?”

Fugai: Tôi sẽ nói với ông tăng, “Tôi kính trọng ông vì đã từ xa đến.”

Genro: Trăm hoa theo hoa đầu;
[Fugai: Cho ai?]
 Kết tràng hoa vườn ruộng.
 [Chúng ta hãy dạo chơi].
 Gió đông thổi nhẹ khắp nơi;
 [Chớ quên mùa không mùa.]
 Mỗi cảnh sắc xuân tuyết hảo.
 [Tranh đẹp của cảnh tiên].

85. HUYỀN SA THUYỀN SẮT

Khi Huyền Sa học Thiền với Tuyết Phong, một ông tăng huynh đệ tên là Quang nói, “Nếu huynh ngộ được Thiền, tôi sẽ làm một cái thuyền sắt dong buồm ra biển khơi.” Mấy năm sau, Huyền Sa trở thành Thiền sư và ông tăng tên Quang học Thiền với sư với tư cách thị giả. Một hôm Huyền Sa nói, “Ông đóng thuyền sắt xong chưa?”

Fugai: Ông đang cố chìm cái thuyền ấy sao?

Quang im lặng.

Fugai: Cái thuyền nổi an toàn.

Như Huyền: Huyền Sa thọ giới làm tăng khi sư đã ba mươi tuổi. Trước đó, sư là một người giản dị làm nghề đánh cá. Một vài ông tăng khinh thị gọi sư là “Kẻ Bất Khả Đắc.” Lời phê bình của ông tăng tên Quang có giọng điệu này bởi vì vào thời đó tàu làm bằng sắt, nói tóm, là không thể có được. Có lẽ nhận xét của ông ta đã khuyến khích Huyền Sa trong thiền định, vì vậy Huyền Sa đã nợ Quang

về khía cạnh này. Khi Huyền Sa hoàn tất sự học, Quang nhập vào chùa của sư và phục vụ sư. Tôi ngưỡng mộ tính khiêm tốn và lòng kiên trì của ông ta và không tin Huyền Sa đã hỏi câu này để trả thù mà dùng những chữ ấy như là những từ đồng nghĩa với sự đạt ngộ. Ấy chỉ là đàm thoại thân mật trong gia đình.

Genro: Nếu tôi là Quang, tôi sẽ nói, “Hòa thượng đã ngộ Thiền chưa?”

Fugai: Ha! Ha!

Genro: *Thuyền sắt đóng băng trên biển.*

[**Fugai:** Tôi không thích đi cái thuyền đó].
[Đừng nhắc lại quá khứ, hãy sống với hiện tại].

Đừng nói Quang im lặng;

[Ông ta có thể làm gì?]

Chú Huyền Sa ngộ chưa?

[Đại Huệ nói, “Sau mười tám cái ngộ, tất cả ngộ đua nhau nảy nở”].

86. NGUỖNG SƠN NGỒI THIỀN

Khi Ngưỡng Sơn đang ngồi thiền thì một ông tăng lặng lẽ đến đứng bên cạnh.

Fugai: Kề ấy không nhằm nhò gì.

Ngưỡng Sơn nhận ra ông tăng, vì vậy sư vẽ một vòng tròn trên mặt đất với chữ “thủy”^{} bên dưới vòng tròn, rồi nhìn ông tăng.*

Fugai: Loại bùa gì đó?

Ông tăng không đáp được.

Fugai: Người chạy nước rút té rồi.

Như Huyền: Thái độ của Ngưỡng Sơn giống như kẻ ngắm cảnh trên bờ biển lặng lẽ nhìn sóng cuộn và để chân mình bị ướt. Nếu tôi là ông tăng, tôi sẽ tự mình làm Ngưỡng Sơn, vén áo lên và bước ra khỏi nước; hoặc đẩy Ngưỡng Sơn ra khỏi chỗ ngồi thiền, nói, “Sóng! Sóng!”

Genro: Ông tăng này mắc tội ăn cắp vật và không chạy thoát được hành vi của mình. Ngưỡng Sơn thì lúc nào cũng sẵn sàng thấp lên ngọn nến. Hỡi ôi! Cơ hội qua rồi.

Chữ “nước” không làm đã khát;

[Fugai: Nhưng tôi thấy sóng thần đang dâng.]

Bánh vẽ chẳng làm no bụng.

[Đây một mâm đầy bánh.]

Ngưỡng Sơn làm việc không công.

[Đó là Thiền thật.]

Sao không cho ông tăng một gậy?

[Vậy thì quá trễ. Gậy đã bị gãy rồi.]

^{*} “Thủy,” chữ Hán, có nghĩa là nước. (Người dịch).

87. THIỀN NGUYỆT KHẤY MÓNG TAY

Thiền Nguyệt là một Thiền tăng thi sĩ, viết một bài thơ trong đó có hai câu như sau:

“Khi Thiền tăng gặp nhau liền khảy móng tay.

Fugai: Chớ có xem đại khái nhé.

Nhưng ít ai biết như vậy có nghĩa gì.”

Fugai: Ông biết chẳng, nó là kiếm cắt lưỡi người ta.

Đại Huệ nghe bài thơ này, gặp Thiền Nguyệt và hỏi, “Nghĩa là gì?”

Fugai: Khi thấy thỏ xuất hiện thì ó liền rượt theo.

Thiền Nguyệt không đáp.

Fugai: Chẳng phải tôi đã nói trước rồi sao, ông ta không biết mà.

Như Huyền: Thiền Nguyệt làm nhiều thơ hay chứng tỏ sự đạt ngộ của ông ta, nhưng mấy câu thơ này dường như bị lấy ra khỏi văn mạch. Đại Huệ đến với nhà thơ ở bên kia câu thơ và Thiền Nguyệt đã ngập ngừng. Giống như người chủ biên tập của một tờ báo vàng hay phi bóng chỉ vì lợi ích riêng của họ, Genro và Fugai đã lấy câu chuyện này làm công án với cái giá bằng thanh danh của Thiền Nguyệt.

Genro: Nếu tôi là Thiên Nguyệt, tôi liền khảy móng tay với Đại Huệ.

Fugai: Đến đây vẫn tốt, nhưng thay vì vậy, không ai hiểu được.

Genro: *Một cái khảy móng tay chẳng dễ phê bình,*

[Fugai: Cắt ngón tay đi.]

Khi chưa qua hết 110 thành trì, chớ khảy.

[Ông muốn đợi đến khi gặp Di Lặc ư?]

Tôi phải hỏi bà lão già cụm rùm bán giày,

[Bà ta không hiểu được cảm giác của

bàn chân người khác.]

Sao không đi chân trần đến kinh đô, hã cụ?

[Lưng mình khó rửa].

Như Huyền: Trong kinh Hoa Nghiêm chép rằng Thiện Tài Đồng Tử đi qua tất cả 110 thành trì tìm thầy học đạo. Đồng Tử gặp và lễ bái nhiều người, cuối cùng đến cổng của Di Lặc, Đồng Tử khảy móng tay một cái, cổng liền mở, và ở đó Đồng Tử đã gặp Phổ Hiền, người đã chấm dứt cuộc hành hương cầu đạo. Tục ngữ Trung hoa có câu, “Bà lão già lụm cụm lúc nào cũng nói dép rom mình bán êm chân.” Fugai lạnh lẽo nhắc đến chuyện lưng mình khó rửa, nhưng sự sẽ nói thế nào đối với phương thức tôi mượn của Woolworth* vì mục đích này?

* Frank W. Woolworth (1852-1919), là một nhà kinh doanh người Mỹ. Phương thức kinh doanh của ông đưa ra được chủ ủng hộ. Trước tiên ông mở một cửa hàng chỉ bán những món hàng với giá năm xu, nhưng thất bại. Sau đó lại mở một cửa hàng khác chỉ bán những món hàng giá mười xu. Lần này ông thành công và từ đó phát triển thành hàng loạt đến cả ngàn cửa

88. DƯỢC SƠN CÁI HỒ

Dược Sơn hỏi một ông tăng mới đến, “Từ đâu đến?”

Fugai: Ông có thích không khí ở đó không?

Ông tăng đáp, “Từ Hồ nam.”

Fugai: Cho thấy thoáng qua cảnh hồ.

Dược Sơn hỏi, “Hồ có đầy không?”

Fugai: Ông còn thích hồ chứ?

Ông tăng đáp, “Dạ chưa.”

Fugai: Thoáng nhìn hồ.

Dược Sơn nói, “Mưa nhiều lắm, sao lại không đầy?”

Fugai: Thực tế, Dược Sơn mời ông tăng xem hồ.

Ông tăng im lặng.

Fugai: Ông ta hẳn đã chết chìm.

Như Huyền: Thiền tăng thích sống thân mật với thiên nhiên. Đa số các chùa và tu viện của Trung hoa được xây cất trên núi hay bên cạnh hồ. Thiền ghi lại nhiều cuộc

tiệm như thế rên đất Mỹ, nhất là ở New York. Rồi sau khi ông mất, nó còn phát triển ra nước ngoài nữa. (Người dịch).

vấn đáp giữa sư và tăng về vẻ đẹp của thiên nhiên, nhưng cũng có nhiều tăng nhân chẳng bao giờ đặt câu hỏi mà chỉ đơn giản hòa mình với thiên nhiên. Họ là những người ủng hộ Thiền chân thực hơn là những kẻ lảm nhảm, thùng rỗng kêu to.

Genro: Nếu tôi là ông tăng, tôi sẽ nói với Dược Sơn, “Con sẽ chờ đến khi hòa thượng sửa xong cái đấy.”

Như Huyền: Thịnh thoảng Genro nói nghe đáng nghi vì chẳng cần thiết phải tranh luận.

Genro: *Chỉ Nghiệp xuyên tất cả;*
[Fugai: Bất cứ cái gì cũng có thể
 dùng làm công án].
Nhận thức tạo chương ngại.
 [Nếu nhìn phía sau thì chẳng có
 chương ngại].
Tăng nghèo hỏi về hồ,
 [Đi! Hãy nhảy xuống bơi].
Tưởng ra đường lên trời.
 [Ông đang đứng ở chỗ nào?]

89. TUYẾT PHONG QUẢ CẦU GỖ

*Một hôm Tuyết Phong bắt đầu nói pháp với
 tăng chúng tụ tập quanh một cái đàn nhỏ bằng cách
 lẩn một quả cầu bằng gỗ xuống đàn.*

Fugai: Trái dưa leo cong.

Huyền Sa đi theo quả cầu, nhặt nó lên và đặt trên bệ.

Fugai: Trái dưa gan tròn.

Như Huyền: Khi Viên Ngộ thuyết giảng các công án do Tuyết Đậu tuyển chọn và làm lời tụng, sư phê bình từng câu một rồi xuất bản thành sách nhan đề là *Bích Nham Tập*. Sau khi sư tịch, đệ tử của sư là Đại Huệ gom hết tất cả bản in ra trước sân chùa cho một mối lửa đốt sạch. Những gì ông thầy dựng thành hình thì học trò phải hủy diệt đi để giữ giáo pháp khỏi trở thành cái kệ trống. Các triết gia Tây phương tạo ra triết thuyết của họ, rồi những kẻ theo triết lý đó tiếp tục sửa lại cấu trúc bên ngoài cho đến khi nó không còn giống nguyên tác. Trong Thiền chúng tôi nói, “Giết Phật giết Tổ, là chỉ khi nào quý vị có thể ban cho họ sự sống vĩnh cửu.”

Genro: Tuyết Phong bắt đầu nhưng không kết thúc; Huyền Sa kết thúc nhưng không bắt đầu. Cả hai đều chẳng đầy đủ. Bây giờ, chư tăng, hãy nói xem cách nào tốt hơn?

Như Huyền: Chẳng cách nào tốt.

Fugai: Khi nước chảy qua rừng tre thì có màu xanh. Khi nước chảy qua hoa, thì mỗi hơi thở đều thơm.

Genro: *Nắm lại hay buông ra.*

[Fugai: Không hơn không kém].

Thầy trò trái nghịch nhau.

[Thực là đồng nhất].

Thiền tăng của thế gian

[Thiền sinh chân chánh chẳng bao giờ học.]
Chớ lấy đây làm mẫu.
[Thí dụ đẹp.]

90. CÁI MÂM VỖ

Ngày xưa, có một ông tăng sống ba mươi năm trong một cái am nhỏ gọi là Phì Điền, có nghề là “ruộng mầu mỡ”.

Fugai: Có thể ông ta không biết chỗ nào khác để dọn đi.

Ông ta chỉ có một cái mâm làm bằng đất sét.

Fugai: Vật đất tiền chẳng phải luôn luôn là đồ quý.

Một hôm một ông tăng khác ở học với ông ta, lỡ tay làm bể cái mâm.

Fugai: Nhờ bị bể mà kho tàng hiện ra.

Mỗi ngày ông thầy bắt học trò thay cái mâm.

Fugai: Tại sao ông muốn cái khác.

Mỗi khi người đệ tử đem cái mâm mới đến, ông thầy liền ném nó đi và nói, “Cái này chẳng phải. Trả lại cho tôi cái cũ.”

Fugai: Tôi sẽ giơ hai bàn tay ra và cười lớn.

Genro: Nếu tôi là người đệ tử, tôi sẽ nói, “Hãy đợi khi nào mặt trời mọc hướng tây.”

Fugai: Tôi sẽ đi tìm nó trước khi tôi sinh ra đời.

Genro: Bể rồi;

[**Fugai:** Cái mâm còn nguyên đó.]

Chạy nhanh theo nó đi.

[Thanh kiếm biến mất trong nước.]

Đệ tử không hiểu nó.

[Nó đã trở lại với ông ta rồi.]

Gọi ầm thiết là chuông.

[Ông có thể gọi đất là trời. . . có gì là sai?]

91. PHÁP NHÃN GIỌT NƯỚC

Một ông tăng hỏi Pháp Nhãn, “Thế nào là một giọt nước Tào Khê?”

Fugai: Phun mực trong miệng vào mặt người ta.

Pháp Nhãn nói, “Là một giọt nước Tào Khê.”

Fugai: Ông ta dùng độc trị độc.

Genro: Pháp Nhãn không bao giờ hạ giá đã định.

Fugai: Chẳng có giá nhất định.

Genro: *Giọt nước này từ nguồn;*
 [Fugai: Hoàng hà ô nhiễm tại nguồn.]
Không có gì độc hơn. . .
 [Ai uống vào ắt mất mạng.]
Chớ nói biết nóng lạnh.
 [Ai biết vị ấy.]
Bao nhiêu người uống được?
 [Tôi đã uống rồi.]

92. TÀO SƠN BỐN KHÔNG

Tào Sơn nói, “Không theo đường tâm của chim.”

Fugai: Ông thích nay đây mai đó hơn chăng?

Như Huyền: Quý vị từng nghe Kontiki chưa?

Không mặc áo cho mình trước khi sinh.

Fugai: Sự trần truồng mang lại hạnh phúc chăng?

Như Huyền: Vũ nữ Tokuyae mặc y phục dày trong lúc múa, nét hiện diệu chan hòa trong chiếc y.

Không nói phút giây hiện tại là vĩnh cửu.

Fugai: Ông chỉ cần lộ mặt ra.

Như Huyền: Tôi không thích cái mặt đó.

Không diễn tả mình trước khi sinh.

Fugai: Người ta nên đọc không chữ.

Như Huyền: Tôi hiểu mười ngàn chữ Hán nhưng chúng chẳng làm tôi phiền.

Genro: Cứ như Tào Sơn nói, tôi sẽ hỏi tăng nhân các ông:

*[Fugai: Hỏi đi! Tôi sẽ đáp từng câu.]
Thứ nhất, các ông có thể đi bất cứ chỗ nào
tùy thích, nhưng thế nào là đường chim?
[Đông hay tây?].*

*Thứ nhì, bây giờ các ông có thể mặc áo gì
tùy thích, nhưng các ông mặc áo gì trước
khi các ông sinh ra?
[Người văn minh không trần truồng đi dạo
phố].*

*Thứ ba, hãy nói bất cứ điều gì tùy ý, nhưng
thế nào là hiện tại?*

*[Như Huyền: Lời bình của Fugai về câu
này không đáng dịch. Tôi nói thay sư, “Câu
hỏi hay quá chẳng thể trả lời.”]*

*Thứ tư, các ông có thể diễn tả cái gì tùy
thích, nhưng trước khi sinh ra thì các ông ở
chỗ nào?*

[Fugai: Phù thủy biết trò ảo thuật].

Genro: *Thuốc nhà Tào Sơn cay.*

[Fugai: Còn dịu hơn mật ong].

Mục đích là giết người.

[Khi tất cả bị giết chết, một người sống sinh ra.]

Kiểm ba tác laptop;

[Phật và Tổ sẽ sợ đến chết mất.]

Mỗi nhát chém bén hơn.

[Chớ tự chém mình nhé!]

93. ĐỨC SƠN SƯ TỬ

Một hôm Đức Sơn đang làm việc trong vườn chùa, thấy một ông tăng đang đi đến ở đầu đường, sư liền đóng cổng chùa lại.

Fugai: Tham vấn đã xong.

Ông tăng gõ cổng.

Fugai: Hành động trễ nãi.

Đức Sơn hỏi, “Ai đấy?”

Fugai: Một quái vật!

Ông tăng đáp, “Sư tử con.”

Fugai: Sư tử con lọt vào hang cáo.

Đức Sơn mở cổng.

Fugai: Ông ta đưa đầu vào miệng sư tử.

Ông tặng lễ bái thầy.

Fugai: Bộ lông chẳng giống sư tử.

*Đức Sơn nhảy lên lưng ông tặng làm như
cười lên một con sư tử nhỏ, ghì nó xuống và nói,
“Súc sinh! Ngươi từ đâu đến?”*

Fugai: Đó là cách nuôi sư tử con.

Genro: Ban đầu tôi nghĩ ông ta là sư tử con thật, nhưng bây giờ tôi thấy súc ông ta không bằng một con cáo. Ông ta phải nhảy lên Đức Sơn ngay lúc cổng vừa mở, ghì sư xuống hết cơ cứu vãn.

Fugai: Đồ súc sanh.

Như Huyền: Kangetsu nói đó là một cảnh hay. Nên hạ màn để kết thúc. Tôi đồng ý với Kangetsu. Genro giống như một lão nhà quê vô vị, ồn ào mà chẳng được tích sự gì. Gió nhẹ giữa mùa hè thổi vào phòng, Kangetsu và tôi cùng nhau làm việc. Tại sao chúng tôi không hỏi gió nhẹ? Nó là cái gì? Nó từ đâu đến? Chỉ chào đón nó, không gọi nó là ác quỷ hay thiên thần.

Genro: *Tự gọi mình sư tử,
đến viếng kẻ thuần thú.*

[Fugai: Đang rống như sư tử.]

Tiếng gầm bể tự viện.

[Tiếng vang từ lũng đồi]

Sư tử thành chủ lửa,

[Nên học cách nhào lộn.]
Bại trước khi đá được.
 [Sau sấm, không có mưa.]

94. SỐNG MỘT MÌNH

Một ông tăng đến hỏi Vân Cư, “Làm thế nào con có thể sống một mình trên đỉnh núi?”

Fugai: Ông lạc trong mây mù.

Vân Cư đáp, “Sao ông không bỏ thiền đường dưới thung lũng đi lên núi?”

Fugai: Đây chẳng phải cách hàng phục ma.

Như Huyền: Những người bạn Mỹ thường hỏi tôi làm thế nào tìm được “nơi yên tĩnh để thiền định?”. Câu trả lời thông thường của tôi là, “Trong nhà anh có chỗ nào yên tĩnh không?” Trong đời sống hàng ngày dù có bận rộn đến đâu, người ta cũng có thể tìm được những giờ phút nào đó để thiền định và một chỗ nào đó để ngồi yên. Chỉ khẳng khẳng tìm một chỗ yên tĩnh bên ngoài ngôi nhà mình ở là hoàn toàn sai. Ông tăng này không hòa mình được với những tăng nhân khác trong thiền viện và muốn sống một mình trên đỉnh núi. Dù cho Vân Cư đã dồn ông tăng vào thế kẹt bằng câu hỏi ấy, cũng không lạ gì Fugai cho phương pháp của Vân Cư quá nhạt nhẽo.

Nếu tôi là Vân Cư, tôi sẽ yêu cầu ông tăng cho tôi biết ngay lúc này ông ta đang ở đâu. Nếu ông ta lưỡng lự tôi sẽ đẩy ông ta ra khỏi phòng ngay.

Genro: Nếu tôi là Vân Cư, tôi sẽ nói với ông tăng, “Nếu ông không chênh mảng thiền đường của ông, tôi cho phép ông ở trên đỉnh núi. Nhưng làm sao ông có thể ở trên đỉnh núi mà không chênh mảng thiền đường?”

Fugai: Tiêu diệt cả thiền đường và núi ấy.

Như Huyền: Fugai giống như người vô chính phủ. Tôi không muốn làm người đồng đạo với ông tăng cấp tiến này. Câu nói đầu tiên của Genro thật sáng giá. Tại sao sư thêm câu cuối? Hãy xem các đồng đạo của tôi! Tất cả những người đó đều là những nhà kinh doanh và nội trợ giỏi. Không ai chênh mảng việc đeo đuổi Thiền của mình. Bất cứ lời dạy nào tách rời khỏi cuộc sống hàng ngày thì chẳng phải là lời dạy chân thực.

Genro: *Đẩy tăng đến vực sâu*

[**Fugai:** Không có chỗ nào cao hơn và rộng hơn.]

Ném ông ta xuống đó,

[Cho ông ta sống mãi.]

Nơi đây tăng sống mãi.

[Không cửa vào, không lối ra.]

Pháp Vân Cư siêu tuyệt.

[Người ta nên biết ơn.]

Như Huyền: Hê!

95. LÂM TẾ MẮT CHÁNH

Ma Cốc hỏi Lâm Tế, “Quan Âm ngàn tay, mỗi tay có một mắt, mắt nào là mắt chánh?”

Fugai: Mắt nào chẳng phải mắt chánh?

Lâm Tế đáp, “Quan Âm ngàn tay mỗi tay có một mắt, mắt nào là mắt chánh? Nói mau! Nói mau!”

Fugai: Kẻ địch bị vũ khí của mình đánh bại.

Ma Cốc kéo Lâm Tế xuống khỏi tòa và lên ngồi vào chỗ của Lâm Tế.

Fugai: Sao chồi đến gần chòm sao khác.

Lâm Tế đứng lên hỏi, “Vì sao?”

Fugai: Cả đoàn quân theo lệnh rút lui.

Kangetsu: Ma Cốc không giữ vững mục tiêu.

Lâm Tế hét, “Katz!” và kéo Ma Cốc ra khỏi tòa.

Fugai: Con rồng nằm.

Như Huyền: Cảm thương của địch tấn công địch.

Ma Cốc lặng lẽ bỏ đi.

Fugai: Hai tướng hiểu nhau.

Như Huyền: Trong lịch sử Trung hoa, Khổng Minh là một tướng tài nổi tiếng, bỗng nhiên bị quân địch dưới sự chỉ huy của Trung Đạt bao vây. Lúc đó chỉ có một mình Khổng Minh, quân của Khổng Minh đang đi nghỉ phép. Khổng Minh bước ra trên bao lơn của một cái tháp nhìn qua phía địch và chơi đàn. Trung Đạt biết chiến thuật thượng đẳng của Khổng Minh, sợ rằng người của Khổng Minh đang mai phục chuẩn bị tấn công, đột nhiên ra lệnh cho quân của mình rút lui. Khổng Minh nổi tiếng là Ngọa Long Tiên Sinh [Ông Thầy Rong Nắm], người không ai đánh bại được. Lời bình của Fugai chỉ câu chuyện này.

Quan Thế Âm có một ngàn con mắt nhưng chỉ có một mắt là thật. Con mắt chánh đó tự hóa hiện thành một ngàn con mắt. Giống như mặt trăng đồng thời phản ánh trong một ngàn cái hồ. Có phải các hồ mời mặt trăng hay là mặt trăng đi xuống cái hồ? Cái nào là chủ, cái nào là khách? Lâm Tế tinh ranh đặt câu hỏi có dụng ý, “Vì sao?” trước khi hét, “Kat!” Ma Cốc nên hét trả lại và đột ngột bỏ đi. Dở quạ, thua trận thật không vinh quang.

Genro: Câu hỏi, “Vì sao?” của Lâm Tế khiến người ta do dự. Nếu trong tăng nhân các ông có ai đáp đúng được, thì có thể hai tay đánh đường xa mà đi. Đây là một truyền của giáo lý Lâm Tế.

Fugai: Chớ đứng trên nóc nhà mà hét!

Genro: *Diễn Đan chiến sĩ thật tài ba.*

[Fugai: Tướng giỏi khó tìm.]

Kể trận bày ra khiếp quỷ ma.

[Con đường vô thượng ngàn thánh chẳng thể theo.]

Cho bò mang lửa xông vào địch,

[Trăm trận, trăm thắng.]

Một lúc được luôn bảy chục thành.

[Xưa nay chưa từng thua.]

Như Huyền: Điền Đan là một chiến sĩ khác của Trung hoa. Khi bị thiếu quân, ông ta đã dùng bò đánh giặc bằng cách buộc những bó lửa trên lưng bò, và nhờ thế đã chuyển thất bại thành thắng lợi vinh quang.

Tăng nhân không nên nói chiến tranh và đánh nhau. Điều đó trái với giới luật Phật giáo. Có nhiều thí dụ khác có thể dùng hay hơn các thí dụ này; một cành hoa cũng thành một minh họa tốt hơn. Trong tương lai, vào khoảng năm 2001, người học Thiền có thể quên chiến tranh là gì và thưởng thức Thiền của họ trong những khu vườn thanh bình đầy gió xuân êm dịu.

96. NHAM ĐẦU BA GIỚI

Một ông tăng hỏi Nham Đầu, “Khi ba giới ập đến thì làm thế nào?”

Fugai: Hãy vác chúng lên vai.

Nham Đầu đáp, “Hãy ngồi xuống.”

Fugai: Ông lại cho ông ta một gánh nặng nữa.

Ông tăng nói, “Con không hiểu.”

Fugai: Ông còn chưa biết mình đã bị trượt.

Nham Đầu bảo, “Mang hòn núi kia đến đây, rồi tôi sẽ nói cho.”

Fugai: Một người biến mình thành Phật, cũng liền biến người khác thành Phật!

Genro: Nếu Nham Đầu không có câu thứ hai, người ta sẽ nghi ngờ Thiên của sư.

Như Huyền: Người ta có thể nghĩ sư có ý nói ngồi trên ba giới, hay bảo ông tăng ngồi. Kangetsu-san, chúng ta hãy uống trà đi.

Genro: Nếu ông tăng hỏi tôi khi ba giới ập đến thì làm thế nào, tôi sẽ đáp, “Dục giới, sắc giới và vô sắc giới.” Nếu lúc ấy ông tăng nói con không hiểu, tôi sẽ đáp, “Núi đông đứng trên sông.”

Fugai: Để tôi tham công án của tôi: Nếu ông tăng hỏi tôi, tôi sẽ nói, “Một giọt sương.” Nếu ông tăng vẫn không chịu hiểu, tôi sẽ nói, “Nó biến thành ngọc trên lá sen.”

Genro: *Ba thế giới chồng chất;*

[Fugai: *Sóng bủa trên trời.]*

Thiên tăng ngồi bỏ đoàn.

[Ném cái bỏ đoàn ấy đi!]

Nham Đầu mở miệng nói,

[Thế giới vẫn ở trong tai tôi.]

Mang núi kia lại đây.

[Núi ấy tới hôm qua bị trộm lấy mất rồi.]

97. THÂN PHẬT

Khi Phật đang giảng kinh Niết Bàn,

Fugai: Chưa đầy đủ. Trước đó ông ở đâu? Chẳng phải ông lúc nào cũng ở đó sao?

Như Huyền: Ông ta chưa từng ở chỗ nào hết. Nếu ông nghĩ rằng ông ta từng ở, ông phải nhận một phần đất Ấn. Sao ông không chờ đến lúc ông ta nói xong?

Ngài lấy tay xoa ngực nói, “Các ông nên nhìn kỹ thân vàng của tôi, nếu không về sau sẽ hối tiếc.”

Như Huyền: Phật mong nhập Niết bàn vậy thì đây là dấu hiệu.

Fugai: Suyt! Con cáo, nhà người đã lừa nhiều người, bây giờ lại cố xóa bỏ lỗi lầm.

Như Huyền: Tôi đã bảo ông lắng nghe cho kỹ.

Nếu ông nói, “Phật nhập Đại niết bàn, ông chẳng phải là đệ tử của tôi.”

Fugai: Tôi sẽ nói to, “Phật nhập Đại niết bàn! Phật nhập Đại niết bàn!”

Nếu ông nói, “Phật không nhập Đại niết bàn, ông cũng không phải là đệ tử của tôi.”

Fugai: Tôi sẽ nói to, “Phật không nhập Đại niết bàn! Phật không nhập Đại niết bàn!”

Genro: Phật đã nhập diệt cả ngàn năm rồi. Nếu ông bảo ngài vẫn còn ở đây, là ông đang chấp nhận rằng ngài không có nhập Niết bàn. Nếu ông nói rằng ngài không có ở đây là ông đang chấp nhận rằng ngài đã nhập Niết bàn. Nếu ông nói rằng ngài không nhập Đại niết bàn cũng không phải không nhập Đại niết bàn, thì ông phải chấp nhận rằng Ngài không ở đây cũng chẳng phải Ngài không ở đây. Vậy, thân vàng của Ngài ở đâu? Các ông mỗi người hãy về phòng mình nghỉ cho khỏe.

Fugai: Thầy ơi, thầy hãy về phòng thầy trước đi.

Genro: *Thầy già quá bận trước khi đi.*

Fugai: Sao chẳng chịu chuẩn bị trước?]

Nên đã lộ ra ánh sáng vàng;

[Ai thấy liền bị mù.]

Thầy đã bịt mồm chur đệ tử.

[Chưa từng có gì để nói.]

Chuyện xấu trong nhà nên giữ im.

[Trước khi ăn cắp hãy bịt tai lại.]

98. HƯU TỊNH DỪNG TRÒ CHƠI

Hưu Tịnh làm giám viện cho Lạc Phố.

Fugai: Một địa vị trọng trách.

Một hôm Hữu Tịnh gõ chùy ra lệnh, “Chư tăng từ tòa thứ nhất đến tòa giữa, hãy ra đồng làm việc. Chư tăng còn lại, hãy vào núi đốn củi.”

Fugai: Tướng ra lệnh cho ba quân.

Ông tăng thủ tọa hỏi, “Còn Văn Thù làm gì?”

Như Huyền: Mỗi Thiên đường có một pho tượng hay một bức tranh Văn-thù hay Bồ-đề-đạt-ma.

Fugai: Đúng là tăng thủ tọa.

Ông tăng giám viện đáp, “Lệnh tôi chỉ đến các tăng ngồi trên tọa cụ. Chẳng dính dáng gì đến Văn Thù.”

Như Huyền: Chúng ta đọc trong kinh Kim Cang, “Này Tu- bồ-đề, nếu có người nói rằng Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc nằm, hoặc ngồi, người ấy chẳng hiểu nghĩa lời tôi dạy.”

Fugai: Ông ta hiểu rõ địa vị của mình.

Sau này Viên Ngộ bình rằng, “Hư Tịnh tạo điều kỳ đặc. Pháp của ông tăng thủ tọa tuyệt hảo xỏ râu được chín cái vỏ ốc.”

Fugai: Chẳng có gì tuyệt hảo đối với tôi.

Như Huyền: Có người hỏi Không Tử làm thế nào xỏ râu được chín cái vỏ ốc, nhưng Không Tử không đáp được. Một người đàn bà bảo Không Tử đổ mật ong vào một đầu và cho một con kiến mang sợi chỉ từ đầu bên kia bò qua.

“Thế ấy được rồi, nhưng để mở vòng xích, tôi có pháp riêng.”

Fugai: Hãy xem nào.

Như Huyền: Ở Trung hoa còn có một câu hỏi khác là làm sao mở các vòng xích khóa lại với nhau. Không một ông thông thái nào giải đáp được, nhưng một người đàn bà đã dùng búa đập nát các vòng xích đó.

Viên Ngộ nói tiếp, “Nếu tôi bị ông tăng thủ tọa hỏi cách ấy, tôi sẽ đáp, ‘Đường ấy giống như tấm gương. Nó không tự chuyển mà chiếu tất cả những gì hiện đến’.”

Fugai: Hãy đập cái gương đi.

Genro: Nếu ai hỏi tôi - không chỉ xâu chín cái vỏ ốc hay mở các vòng xích - Văn Thù phải làm gì, tôi sẽ đánh y trước khi hỏi hết câu. Vì sao? Vì người cày ruộng và người đồn cùi cũng chỉ làm theo lệnh.

Như Huyền: Thực ra đó là lệnh của Văn Thù.

Fugai: Hưu Tịnh bày Pháp thân (Dharmakaya), Viên Ngộ nói Hóa thân (Nirmakaya), và Genro tả Báo thân (Sambogakaya). Nếu tôi là ông tăng giám viện, tôi sẽ gõ chùy cách chức ông tăng thủ tọa ngay hôm đó.

Genro: *Xỏ xâu chín vỏ ốc,
Đập nát các vòng khoen,
[Fugai: Chơn trí vận hành không suy nghĩ.]*

Bánh xe Pháp tự chuyển.

[Đại trí giống đại ngu.]

Không Tử là hiền triết,

Chẳng thắng được đàn bà.

[Bẩm sinh, không do tạo tác.]

Cây thông già mọc trên,

Tảng đá có tuyết phủ.

[Nó làm tôi rừng mình.]

Hoa mai sớm đón xuân,

Mím cười trong hàng giậu.

[Tôi yêu mùi thơm đó.]

99. ĐẠI ĐIÊN BAO NHIÊU TUỔI

*Hàn Thối Chi * hỏi Đại Điên là người có
ngôi chùa ở chỗ Hàn Thối Chi bị đầy đến, “Hòa
thượng bao nhiêu tuổi?”*

Fugai: Ông ta tuổi khác ông.

*Đại Điên gơ râu chuối ra, nói, “Ông hiểu
không?”*

** Hàn Thối Chi là một học giả Khổng giáo, được bổ nhiệm làm
Tổng quản Thư khố nhà vua, nhưng bị lưu đầy ra khỏi kinh đô
đến tám ngàn dặm (Tàu) bởi vì ông chống đối nhà vua thờ tro
hài cốt của Phật. (Thiên Khi Như Huyền).*

Fugai: Ông dùng thứ nữ trang ấy sao?

Hàn Thối Chi nói, “Không, tôi không hiểu.”

Fugai: Ông không biết khâu chuỗi này là gì ư?

Đại Diên đáp, “Ban ngày một trăm lẻ tám hạt chuỗi, ban đêm cũng một trăm lẻ tám hạt chuỗi.”

Fugai: Ông không biết cách nào tốt hơn để xử lý ông học trò này sao?

Hàn Thối Chi rất bực mình vì không hiểu được ông tăng già này, và trở về nhà.

Fugai: Ông đang cố đóng đinh vào hư không chăng?

Về đến nhà, vợ ông ta hỏi, “Có việc gì mà ông không hài lòng?”

Fugai: Đây chẳng phải chuyện đàn bà.

Lúc ấy nhà học giả kể cho vợ nghe tất cả chuyện đã xảy ra.

Fugai: Như vậy thì có gì hay? Sao ông không tranh luận trường hợp của ông như ông đã phản kháng hoàng đế?

Bà vợ gợi ý, “Sao ông không trở lại chùa hỏi ông tăng già ấy ông ta muốn nói gì?”

Fugai: May mắn là ông có được vợ hiền.

Hôm sau, trời vừa sáng nhà Khổng học đã đến chùa và gặp ông tăng thủ tọa tại cổng.

Fugai: Bất hạnh quanh quần bước chân ông.

Ông tăng thủ tọa hỏi, “Sao ngài đến đây sớm vậy?”

Fugai: Sao không?

Hàn Thối Chi đáp, “Tôi muốn gặp thầy của huynh để hỏi một câu.”

Fugai: Ông biết ông ta ở đâu không?

“Ngài có chuyện gì với hòa thượng?” Ông tăng thủ tọa hỏi, vì thế nhà Khổng học lặp lại câu chuyện.

Fugai: Thầy chẳng bao giờ nói những lời này. Ông đang phỉ báng thầy.

Ông tăng thủ tọa hỏi, “Sao ngài không hỏi tôi?”

Như Huyền: Lên rồi!

Lúc ấy Hàn Thối Chi hỏi, “Ngày một trăm lẻ tám hạt chuỗi, đêm một trăm lẻ tám hạt chuỗi, có nghĩa là gì?”

Fugai: Hãy tìm kinh Dịch.

Ông tăng thủ tọa nhịp răng ba lần.

Fugai: Ông đang mời phiên phức đến.

Cuối cùng Hàn Thối Chi gặp Đại Diên và một lần nữa hỏi lại câu hỏi ấy, ngay đó ông thấy cũng nhịp răng ba lần.

Fugai: Chớ nghĩ rằng ông thấy Thiền.

Nhà Khổng học nói, “Tôi biết tất cả Phật pháp đều giống nhau.”

Fugai: Mặt trăng chỉ là một, nhưng chiếu khắp núi, khe khác nhau.

Đại Diên đáp, “Ông không nói như vậy.”

Fugai: Ông chuẩn bị vậy máu chưa?

Hàn Thối Chi đáp, “Có. Vài phút trước đây tôi đã gặp ông thủ tọa ngoài cổng và cũng hỏi ông ta câu này. Ông ta trả lời tôi cũng y như vậy.”

Fugai: Ông nói cái gì? Chuyện này trước kia chưa bao giờ xảy ra.

Đại Diên cho gọi ông tăng thủ tọa đến và nói, “Tôi hiểu vài phút trước đây ông đã chỉ bày Phật pháp. Có đúng không?”

Fugai: Mặt trận động rồi.

Ông tăng thủ tọa đáp, “Dạ đúng.”

Fugai: Kẻ ngu này chẳng biết cách chuyển mình.

Đại Diên đánh ông thủ tọa và đuổi liền ra khỏi chùa.

Fugai: Giáp giết người mà Ất bị treo cổ.

Genro: Tại sao ông tăng thủ tọa bị trục xuất? Nếu đó là hình phạt, thì chính ông thầy cũng phải chịu y như vậy, tại sao ông thầy không tự trừng phạt mình? Nếu không phải ông ta bị trừng phạt, thì tại sao bị trục xuất? Đây là bí mật của giáo lý Thiên đã được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nếu lúc đó Đại Diên bày tỏ Thiên của sư, thì không những sư làm hỏng người khác mà còn giết chết sự sống trí tuệ. Chư tăng, chớ để bị sấm sét kinh động thì sau đó các ông sẽ thấy sao trời vô số.

Fugai: Cuối cùng, Đại Diên đã có bạn.

Genro: Ngày đêm trăm lẻ tám. . .

[Fugai: Nó kết thúc và khởi đầu.]

Như vậy có nghĩa gì?

[Mặt đối mặt thấy rõ ràng.]

Chạm răng nên bị đuổi.

[Đã có cơ hội tốt.]

Cây bắc ở nam sinh quả khác.

[Khi đổi đất thì luôn luôn như vậy.]

Cái nghi tạng chủ gia tăng;

[Tám gương của ông không được đánh Bồng kỹ lưỡng.]

Bây giờ biết tro Phật không dễ sờ.

[Ông ta nghĩ rằng nó được nhập cảnh,

nhưng thực ra nó được làm ở Trung hoa.]

100. QUI SƠN PHƯƠNG TRƯỞNG

Trên tường phòng của Qui Sơn có một bài kệ:

*“Phương trượng của Qui Sơn,
[Fugai: Nó được xây lúc nào?]
Đốc quá không thể trèo
[Tôi có thể bước đi như trên đất bằng.]
Nếu có ai vào đó,
[Hãy bước cẩn thận.]
Sẽ thành đại tướng quân.”
[Chớ quên còn một đại tướng quân
khác nữa.]*

*Vân Phong nói về bài kệ, “Qui Sơn sanh ra
đã là Thiền sư.”*

Fugai: Táo ngào đường!

*Một ông tăng hỏi Vân Phong, “Hòa thượng
sắp làm thơ gì cho phòng của hòa thượng?”*

Fugai: Hỏi hay lắm.

*Vân Phong đáp bằng cách giơ ra bài thơ
của sư:*

Fugai: Kẻ bắt chước!

*“Phương trượng của Thúy Nham
Không bao giờ có cửa.*

[Fugai: Khó vào đó.]
Tặng nào vào trong đó,
[Ông ta đang đi trên lưỡi kiếm.]
Tức khắc thấy Thúy Nham."
[Đang trượt băng.]

Ông tặng lễ bái và đứng lên.

Fugai: Ông ta có gì để nói?

Vân Nham nói, "Ông có thấy Thúy Nham không?"

Fugai: Chung quanh toàn là kềm gai.

Ông tặng ngáp ngừng.

Fugai: Tôi đã nói rồi, ông ta không thể vào được.

Vân Nham đánh phát tử vào miệng ông tặng.

Fugai: Kia! Cửa mở rồi.

Genro: Phòng của Qui Sơn khó thấy nhưng dễ vào.
 Phòng của Thúy Nham dễ thấy nhưng khó vào.
 Trong phòng của tôi cũng có một bài thơ:

Trống không chẳng trong, ngoài.
Nếu chẳng có trong, ngoài,
Tôi hỏi tặng các ông,
Làm sao mà vào được?

Fugai: Tôi chẳng vào phòng đó.

Genro: Vách đứng ngón chân bắm;

[Fugai: Trên dốc đứng có phần bằng.]

Đất bằng dẫu bấy cộp.

[Trên đất bằng có chỗ dốc đứng.]

Mỗi mỗi lập chùa riêng,

Tùy theo thói nhà họ.

[Phải làm những hành động ngu ngốc
để độ kẻ khác.]

Nghiep vàng còn lấp lánh.

[Đời này sang đời khác mang phiền phức
bất tận.]

*

*

*

TƯỜNG NIỆM

Thiên Khi Như Huyền
876-1958

THIÊN KHI NHƯ HUYỄN mất vào ngày mùng 5 tháng 5, năm 1958. Trước khi đi, ông đã để lại lời cuối cùng này:

“Này các Đạo hữu, hãy thỏa mãn với cái đầu của các bạn. Đừng có trên cái đầu của mình đặt thêm cái đầu giả nữa. Rồi từng phút một, hãy coi chừng bước đi của mình. Đây là lời cuối cùng của tôi cho các bạn.”

THÍCH TÔNG DIỄN NÓI VỀ THIÊN KHI NHƯ HUYỄN

Nếu bị hèo của Đức Sơn đánh như mưa, tôi cũng không sợ. Nếu tiếng hét của Lâm Tế vang như sấm, tôi cũng không kinh. Nếu các bài thuyết pháp của Phú-lâu-na lưu loát như nước chảy và trí tuệ của Xá-lợi-phất sáng ngời như sao mai, tôi cũng không tị hiềm. Nếu có người giữ giới luật, cung hiến đời, sống một mình nơi sơn am, ăn ngày một bữa, thường kiêng ăn, làm thân thành trong suốt bằng thức ăn tinh khiết, làm lễ Phật ngày sáu lần mà thiếu lời thệ nguyện độ tất cả chúng sinh thì tôi không thể nào tự khuyến khích mình kính trọng người đó.

Ý của tôi như đã được trình bày trong kinh Pháp Hoa qua nhân vật có tên là “Bồ-tát Thường Bất Khinh”. Nếu trong thời đại chúng ta, một Bồ-tát thành tựu ngũ đạt vô ngã, dùng hai bàn tay chỉ vì từ ái như một người mẹ chăm sóc đứa con thơ, đi con đường đời phục vụ cho con, đóng đưa chiếc nôi đỡ dành con, và nghĩ đến tất cả con trai và con gái khác như chính con của mình, cũng như vậy, một tăng nhân cũng quan tâm đến tất cả những người làm việc ở tất cả mọi giai đoạn là bạn đồng hành của mình, tạo nên mái nhà không vợ không con, tụ tập thầy cô không phân biệt chủ khách, nói nhân đạo bình dị, ám chỉ Phật tánh, vị Bồ-tát ấy chắc chắn sẽ đem lại cho tôi sự ngưỡng mộ và sẽ làm tôi nhỏ lệ vì lân mẫn. Tôi không biết có bao nhiêu tăng nhân hay tu sĩ như vậy trong hàng trăm ngàn người làm Phật sự ở Nhật bản?

Ông tăng Như Huyền cố gắng sống cuộc sống Tỳ-kheo hợp theo lời Phật dạy, là người không tông phái, không nối kết với một ngôi chùa hay tổ đình nào; vì thế ông ta không giữ thứ gì làm của riêng cho mình, từ chối địa vị trong giáo hội, dấu mình khỏi danh vọng và vinh quang ồn

náo. Tuy nhiên, ông ta có bốn lời nguyện - to lớn hơn tham vọng thế gian, với các kho tàng Phật Pháp cao hơn bất cứ địa vị nào, và lòng từ ái giá trị hơn của quý nơi chùa chiền. Ông ta đã bước ra khỏi chùa tôi và bây giờ lang thang vòng quanh thế giới, gặp những người trẻ, làm bạn với gia đình họ, và tạo cho tôn giáo, giáo dục, đạo đức và văn hóa những bước leo lên chỗ cao nhất. Ông ta vẫn còn cách xa Bồ-tát Thường Bất Khinh, nhưng tôi xem ông ta như một chiến sĩ của đoàn quân viễn chinh hoàn trả lại đất Phật thanh bình cho tất cả loài người và tất cả chúng sinh. Mỗi bước đi liên tục có nghĩa là sự thành công đối với ông ta trong việc làm bất tận này. Tôi chúc mừng ông ta phút giây này.

*Thu năm 1901
Chùa Viên Giác,
Kamakura*

VÀI NÉT TIỂU SỬ

Như Đã Kể Cho Một Trong Các Đệ Tử Nghe

Anh đã hỏi về sự tu tập trong quá khứ và việc làm của tôi trên đất Mỹ. Tôi chỉ là một ông tăng vô danh và vô gia đình. Dù chỉ nghĩ đến quá khứ thôi cũng làm tôi bối rối. Tuy nhiên, tôi chẳng có gì để che giấu. Nhưng như anh biết, một tăng nhân khước từ thế gian và muốn càng ít bị lôi cuốn càng tốt, vì vậy bất cứ thứ gì đọc ở đây anh phải giữ riêng cho mình và hãy quên nó đi.

*Người cha nuôi của tôi bắt đầu dạy tôi học các sách cổ của Trung hoa khi tôi mới lên năm. Ông ta là một học giả Hoa Nghiêm, vì vậy tự nhiên ông ta huấn luyện tôi trong tinh thần Phật giáo. Khi tôi được mười tám tuổi, tôi đã đọc xong **Ba Tạng** kinh điển bằng chữ Hán, nhưng giờ đây vì tuổi già tôi không nhớ những gì tôi đã đọc. Chỉ có ảnh hưởng của ông ta vẫn còn: sống với lý tưởng Phật giáo bên ngoài danh vọng và tránh càng nhiều càng tốt thế giới của được và thua. Tôi học Thiền Tào Động trước và Thiền Lâm Tế sau. Tôi đã có một số thầy trong cả hai tông phái này, nhưng tôi chẳng đạt được gì. Tôi yêu và kính trọng Thích Tông Diễn hơn bất cứ một sư nào khác, nhưng tôi không cảm thấy thích mang trên lưng mình tất cả tên của các thầy tôi như một người mang bánh mì; điều đó hầu như sẽ làm ô danh họ.*

Vào thời đó, người nào vượt qua tất cả các công án thì gọi mình là người thứ nhất và người thừa kế giỏi nhất của thầy và coi nhẹ những người khác. Sở thích của tôi không hợp với cách này. Đó có thể là ảnh hưởng từ người cha nuôi của tôi, nhưng tôi không bao giờ vạch ranh giới trong sự học của tôi, vì thế tôi không tự coi mình đã xong ở bất cứ điểm nào. Ngay cả bây giờ tôi cũng không thích mời

nhều bạn bè đến dự những buổi họp mặt của chúng ta. Anh có thể cười, nhưng tôi thực ra chỉ là một cái nắm không rỗng, không cành, không hoa, và có thể không hạt.

Sau khi tôi đến đất nước này vào năm 1905, tôi chỉ làm việc qua nhiều giai đoạn của đời sống Mỹ như một Thiện Tài Đồng Tử thời hiện đại - thiền định một mình ở công viên Golden Gate Park hoặc cần cù nghiên cứu trong thư viện công cộng ở San Francisco. Bất cứ khi nào tôi có thể để dành được tiền, tôi thuê thỉnh đường và nói về Phật giáo, nhưng việc này tôi đã không thực hiện được cho đến năm 1922. Tôi đặt tên cho những chỗ họp mặt khác nhau của chúng tôi là Thiền đường trôi nổi. Cuối cùng vào năm 1928, tôi đã lập một Thiền đường mà nó đã mang tôi như một con ốc trên cái vỏ của nó; như thế tôi đã đến Los Angeles vào năm 1931. Tôi chỉ cảm thấy biết ơn các thầy và các bạn tôi, và tôi chấp hai tay lại.

THIÊN KHÍ NHƯ HUYỀN NÓI VỀ THIỀN ĐƯỜNG CỦA MÌNH

Chư vị Bồ-tát:

Ban đầu chỗ này được một số đạo hữu chọn làm chỗ trú cho tăng nhân Phật giáo. Lý tưởng của tôi, là tăng nhân Phật giáo là phải không có chỗ thường trú để ở, mà làm một cuộc hành hương như đám mây, một mình trôi nổi tự do trên bầu trời. Mặc dù tôi đã ở lại nơi này hai năm và năm tháng, tôi luôn luôn tự xem mình là một người hành hương trên chuyến du hành, biến mỗi ngày thành một cái trạm. Vì nó là cái trạm, tôi không lo lắng cho ngày mai. Nó là hôm nay tôi đang sống với lòng biết ơn. Sự hối tiếc của tôi có thể làm được gì cho ngày hôm qua? Nếu tôi phải ra đi dài hạn, một hay nhiều tăng nhân khác có thể ở lại trong chỗ trú này, tạm thời như tôi vậy. Chừng nào đạo lý về Vô thường còn được tu tập, thì chỗ tạm trú này vẫn còn là cái nhà Phật giáo. Sự thật, tôi đang qua đời mỗi ngày. Những gì quý vị thấy về tôi hôm qua, sẽ không thể thấy lại hôm nay nữa. Ngày quý vị sẽ gặp lại một người trông giống Thiên Khi, nhưng y chẳng phải là Thiên Khi quý vị gặp hôm nay. Bao lâu quý vị còn sống trong hiểu biết về đạo lý Vô ngã, thì quan hệ của chúng ta vẫn là quan hệ Phật giáo.

Nếu có ai trong quý vị muốn dời thiền đường của chúng ta đến một địa điểm khác để tăng thêm dễ chịu và thoải mái, tức là người ấy đang bám vào mê hoặc chẳng phải Phật giáo gì cả. Người Phật tử chân chính không bao giờ cải đạo. Tôi không yêu cầu quý vị đến chỗ này; Phật tánh của quý vị hướng dẫn quý vị đến đây. Nếu một địa điểm mới và một căn nhà tốt hơn sẽ hấp dẫn nhiều người hơn, những cái đó dùng làm gì nếu trong chính chúng ta không có tinh thần Phật giáo? Một số người có thể nói họ

thỏa mãn với địa điểm và ngôi nhà này, nhưng vì những người xa lạ chúng ta phải làm cho nó hấp dẫn hơn. Thế giới này chẳng là gì cả mà chỉ những hiện tượng bất mãn. Bất cứ đi chỗ nào người ta cũng phải đối diện với một thứ đau khổ nào đó. Đây là đạo lý về Khổ mà Phật nhiều lần nhấn mạnh. Những ai đến vì dễ chịu và thoải mái sẽ không bao giờ thỏa mãn trong căn nhà Phật giáo. Ngay từ đầu họ đã không thuộc về chỗ này, như vậy tại sao chúng ta phải cố gắng lôi cuốn họ? Căn nhà này chỉ là chỗ trú tạm thời cho tăng nhân Phật giáo, và quý vị, những người khách vinh dự của chúng tôi, nên cảm thấy cần phải theo các nguyên tắc của nó. Nếu quý vị muốn thiền định, tôi sẽ cùng quý vị tham gia thiền định. Nếu quý vị muốn nghiên cứu kinh điển, tôi sẽ giúp quý vị học kinh điển. Nếu quý vị muốn phát nguyện giữ giới, tôi sẽ truyền giới cho quý vị làm tăng, làm ni, làm nam cư sĩ hay nữ cư sĩ, và sẽ nhiệt thành sống cuộc sống đạo Phật với quý vị. Nếu quý vị muốn tặng của bố thí vật chất hay phi vật chất, các tăng nhân ấy sẽ nhận với danh nghĩa Thí ba-la-mật. Quý vị không cần lo lắng hạt giống từ thiện của quý vị được trồng như thế nào và ở đâu. Cứ cho và quên đi. Đây là cách duy trì Tăng già, nhóm Phật tử thực tiễn. Không một vị khách nào của căn nhà Phật giáo phải lo lắng về sự truyền bá giáo lý và duy trì phong trào. Thì giờ của ông ta nên tận dụng trong thiền định, hiểu kinh điển, và thực hành những điều ông ta đang học trong thế giới này. Đây là tinh thần Phật giáo chân chính mà qua đó Phật sẽ tồn tại trong nhân loại với hình thức đúng đắn của nó.

Dĩ nhiên, tôi không phản đối quý vị bắt đầu phong trào riêng của quý vị với sự hiểu biết mà quý vị đã đạt được, nhưng khi quý vị đến thiền đường này, tôi mong quý vị là Ô-hội viên im lặng của Thiền. Hãy vứt đi những quan niệm về dạy người khác và hiến mình tham học - có một

ngàn bảy trăm công án để vượt qua. Có năm ngàn kinh sách Phật giáo bằng các ngôn ngữ châu Âu cần quý vị đọc. Còn về giác ngộ, một khi quý vị nghĩ rằng mình đã đạt được cái gì đó là quý vị sẽ thấy mình ở dưới xa vụn dậm và phải bắt đầu lại từ dưới đáy.

Tôi nói cho quý vị nghe điều này một cách trang nghiêm như thế là vì tôi muốn quý vị đạt giác ngộ chân thực của Phật giáo. Có nhiều giáo lý từ Đông phương đến đây, nhưng không một giáo lý nào có thể đưa quý vị đến sự giác ngộ chân chính, giải thoát chân chính, trừ Phật giáo Thiền tông. Các giáo lý ấy có thể làm cho quý vị thỏa mãn các dục vọng thế gian mà họ gọi là thành tựu tâm linh, nhưng chúng sẽ không đưa quý vị đến giai đoạn Niết bàn cao nhất; quý vị sẽ rơi trở lại xuống trần giới như mũi tên bắn lên trời khi hết đà liền rơi xuống đất. Những gì tôi nói là âm vang trí tuệ của thầy tôi, những gì thầy tôi nói cho tôi là trí tuệ của thầy ông ta. Chúng ta có thể truy nguyên trực tiếp qua lịch sử bảy mươi chín thế hệ các sư cho đến Phật Thích-ca Mâu-ni. Tôi sẽ nói cho quý vị biết làm sao tự mình theo giữ qui củ khi quý vị sẵn sàng tu tập thiền định. Tôi có thể công hiến quý vị bài pháp dài hơn nhưng cho đến khi nào quý vị sẵn sàng nhập Chánh Định, quý vị càng nghe nhiều về lý thuyết và suy luận, quý vị càng mang thêm gánh nặng không cần thiết trên vai mình.

Tôi chúc tất cả quý vị đến tu tập Phật Pháp chân chánh, theo qui củ Thiền tăng, và quên đi những quan niệm thế gian và tự giới hạn của mình.

19 tháng 09, 1933

PHỤ LỤC I *

Tham Đồng Khế
Thạch Đầu Hy Thiên

Trúc thổ đại tiên tâm,	Tâm đại tiên Thiên trúc,
Đông Tây mật tương phó	Bí mật Đông Tây trao.
Nhân căn hữu lợi độn,	Trí người có nhanh chậm,
Đạo vô nam bắc tổ.	Đạo Tổ không bắc nam.

Linh nguyên minh kiếu khiết,	Nguồn linh sáng tinh khiết,
Chi phái ám lưu chú.	Chi nhánh chảy âm u.
Chấp sự nguyên thị mê,	Bám theo vật là mê
Khế lý diệc phi ngộ.	Hiểu lý chưa phải ngộ.

Môn môn nhất thiết cảnh,	Cửa cửa, tất cả cảnh
Hồi hồ bất hồi hồ.	Trợ nhau, chẳng trợ nhau.
Hồi nhi cánh tương thiệp,	Trợ nhau nên giao thiệp,
Bất nhĩ y lập trụ.	Nếu không, tự trụ riêng.

Sắc bốn thù chất tượng,	Sắc vốn khác hình chất
Thanh nguyên dị lạc khổ.	Thanh không giống khổ vui.
Ám hợp thượng trung ngôn,	Lời cao, vừa ám hợp,
Minh minh thanh trọc cú.	Câu trong đục rõ ràng.

* Các Phụ Lục I & II tuy được nhắc đến như không có trong bản văn tiếng Anh. Hai bản văn Thiền này rất quan thiết cho người tham học. Để độc giả có thêm tài liệu tham khảo, chúng tôi dịch cả hai từ Hán văn sang tiếng Việt, có kèm theo âm Hán - Việt, và cho vào đây. (Người dịch).

Từ đại tánh tự phục,
 Như tử đắc kỳ mẫu.
 Hoả nhiệt, phong động diêu,
 Thủy thấp, địa kiên cố.

Bốn đại tự về tánh,
 Như con được mẹ hiền.
 Lửa nóng, gió dao động,
 Nước ướt, đất vững bền.

Nhân sắc, nhĩ âm thanh,
 Tị hương, thiết hàm thố.
 Nhiên y nhất nhất pháp,
 Y căn diệp phân bố.

Mắt sắc, tai âm thanh,
 Mũi hương, lưỡi chua mặn.
 Pháp pháp vốn y nhiên,
 Lá phân ra từ gốc.

Bản mặt tu qui tông,
 Tôn ti dụng kỳ ngữ.
 Đương minh trung hữu ám,
 Vật dĩ ám tương đổ.

Gốc ngọn đều về cội,
 Cao thấp dùng lời riêng.
 Trong sáng kia có tối,
 Chớ lấy tối thấy nhau.

Minh ám các tương đối,
 Tử như tiền hậu bộ.
 Vạn vật tự hữu công,
 Đương ngôn dụng cập xử.

Sáng tối đều tương đối,
 Ví như bước trước sau.
 Mỗi vật đều có công,
 Dùng lời phải đúng chỗ.

Sự tồn hàm cái hợp,
 Lí ứng tiễn phong trụ.
 Thừa ngôn tu hội tông,
 Vật tự lập qui củ.

Sự như nắp vừa hộp,
 Lí như tên chạm nhau.
 Theo lời hiểu tông chỉ,
 Chớ lập qui củ riêng.

Xúc mục bất hội đạo,
 Vạn thị ma tri lộ.
 Tiến thiệp phi cận viễn,
 Mê cách sơn hà cố.

Chạm mắt không thấy đạo,
 Làm sao biết đường đi?
 Bước tới chẳng gần xa,
 Mê thì sông núi cách.

Cẩn bạch tham huyền nhân,
 Quang âm mạc hư độ.

Nhấn nhủ người tham học
 Ngày đêm chớ luống qua.

*

*

*

PHỤ LỤC II

Tín Tâm Minh Tam Tổ Tăng Xán

1. Chỉ đạo vô nan
Duy hiềm giản trạch
Đan mạc tăng ái
Đồng nhiên minh bạch

Đạo lớn chẳng khó
Chỉ hiềm lựa chọn
Chẳng khởi ghét yêu
Tự nhiên sáng rõ.

2. Hào li hữu sai
Thiên địa huyền cách
Dục đắc hiện tiền
Mạc tồn thuận nghịch

Sai lạc đường tơ
Đất trời xa cách
Muốn thấy trước mắt
Chớ nghĩ ngược xuôi.

3. Vi thuận tương tranh
Thị vi tâm bệnh
Bất thức huyền chỉ
Đồ lao niệm tịnh

Thuận nghịch tranh nhau
Ấy là tâm bệnh
Chẳng biết mối huyền
Nhọc công nghĩ tịnh.

4. Viên đồng thái hư
Vô kiếm vô dư
Lương do thủ xả
Sở dĩ bất như

Tròn đầy thái hư
Không thiếu không dư
Bồi do giữ bỏ
Nên chẳng được như .

5. Mạc trục hữu duyên
Vật trụ không hẳn
Nhứt chủng bình hoà
Dẫn nhiên tự tại

Ngoài, chớ theo duyên
Trong, chẳng giữ không
Một lòng bình thản
Tự nhiên dứt bật.

6. Chỉ động qui tịnh
Chỉ cánh di động
Duy trệ lưỡng biên
Ninh tri nhứt chủng

Ngăn động cầu tịnh
Hết ngăn động thêm
Chỉ trệ hai bên
Đâu biết một mối.

7. Nhứt chủng bất thông
Lưỡng xứ thất công
Khiển hữu một hữu
Tùng không bối không

Một mối chẳng thông
Hai bên mất công
Đuổi có mất có
Theo không phụ không.

8. Đa ngôn đa lự
Chuyển bất tương ưng
Tuyệt ngôn tuyệt lự
Vô xứ bất thông

Nói nhiều nghĩ nhiều
Càng chẳng tương ưng
Dứt nói dứt nghĩ
Chỗ nào chẳng thông.

9. Qui căn đắc chỉ
Tùy chiếu thất tông
Tu du phản chiếu
Thắng khước tiền không

Về gốc được mối
Theo ngọn mất tông
Phút giây soi lại
Vượt liền cảnh không.

10. Tiền không thiên diễn
Giai do vọng kiến
Bất dụng cầu chơn
Duy tu tức kiến

Cảnh không chuyển biến
Đều do vọng thấy
Chẳng cần cầu chơn
Chỉ cần dứt thấy.

11. Nhị kiến bất trụ
Thận vật truy tâm
Tài hữu thị phi
Phán nhiên thất tâm

Chẳng giữ thấy hai
Cẩn thận chớ tìm
Vừa vương phải trái
Tâm kia cháy mất.

12. Nhị do nhứt hữu
Nhất diệt mạc thủ
Nhất tâm bất sanh
Vạn pháp vô cữu

Hai do một có
Một cũng chẳng giữ
Một tâm chẳng sanh
Vạn pháp không lỗi.

13. Vô cữu vô pháp
Bất sanh bất tâm
Năng tùy cảnh diệt
Cảnh trực năng trầm

Không lỗi không pháp
Chẳng sanh chẳng tâm
Tâm theo cảnh diệt
Cảnh theo tâm chìm.

14. Cảnh do năng cảnh
Năng do cảnh năng
Dục tri lưỡng đoạn
Nguyên thị nhất không

Cảnh do tâm khởi
Tâm do cảnh duyên
Muốn dứt hai bên
Một không đích thị.

15. Nhất không đồng lưỡng
Tể hàm vạn tượng
Bất kiến tinh thô
Ninh hữu thiên đẳng

Một không đồng hai
Bao hàm vạn tượng
Chẳng thấy đục trong
Có gì sai lạc.

16. Đại đạo thể khoan
Vô dị vô nan
Tiểu kiến hồ nghi
Chuyển khắp chuyển trì

Đạo lớn thể khoan
Không dễ không khó
Hiểu cạn nghi hoài
Nhưng chẳng quyết.

17. Chấp chi thất độ
Thâm nhập tà lộ
Phóng chi tự nhiên
Thể vô khứ trụ

Chấp giữ thiên lệch
Vào sâu đường tà
Buông xả tự nhiên
Thể không đi ở.

18. Nhậm tánh hiệp đạo
Tiêu dao tuyệt nảo
Hệ niệm quai chơn
Hôn trầm bất hảo

Thuận tánh hợp đạo
Đạo chơi thoải mái
Nghĩ nhiều thêm quấy
Mê chìm chẳng tốt.

19. Bất hảo lao thân
Hà dụng sơ thân
Dục thú nhất thừa
Vật ố lục trần

Chẳng tốt lao thân
Làm gì sơ thân
Muốn vào nhất thừa
Sáu trần chớ ghét.

20. Bất hảo lao thân
Hà dụng sơ thân
Dục thú nhất thừa
Vật ố lục trần

Chẳng tốt lao thân
Làm gì sơ thân
Muốn vào nhất thừa
Sáu trần chớ ghét.

21. Lục trần bất ố
Hoàn đồng chánh giác
Trí giả vô vi
Ngu nhơn tự phục

Sáu trần chẳng ghét
Tức đồng chánh giác
Kẻ trí vô vi
Người ngu tự buộc.

22. Pháp vô dị pháp
Vọng tự ái trước
Tương tâm dụng tâm
Khởi phi đại thác

Pháp không khác pháp
Lầm do vương ái
Dùng tâm bắt tâm
Phải chẳng sai lớn.

23. Mê sanh tịnh loạn
Ngộ vô hảo ác
Nhứt thiết nhị biên
Vọng tự châm chước

Mê thấy tịnh loạn
Ngộ không xấu tốt
Tất cả hai bên
Do vọng châm chước.

24. Mộng huyền không hoa
Hà lao bả tróc
Đắc thất thị phi
Nhứt thời phóng khức

Hoa mộng hư không
Nhọc công nắm bắt
Được mất phải trái
Một lần buông sạch.

25. Nhân nhược bất thù
Chư mộng tự trừ
Tâm nhược bất dị
Vạn pháp nhất như

Mắt nếu không ngủ
Mộng tự tiêu trừ
Tâm nếu chẳng khác
Vạn pháp như một.

26. Nhất như thể huyền
Ngột nhĩ vọng duyên
Vạn pháp tề quán
Qui phục tự nhiên

Nhất như thể huyền
Vắng bật vọng duyên
Vạn pháp đồng quán
Trở lại tự nhiên.

27. Dẫn kỳ sở dĩ
Bất khả phương tử
Chỉ động vô động
Động chỉ vô chỉ

Đồng quán cho nên
So sánh chẳng còn
Dừng động không động
Động dừng không dừng.

28. Lương ký bất thành
Nhất hà hữu nhĩ
Cứu cánh cùng cực
Bất tồn quỹ tắc

Hai đã chẳng được
Giữ một làm gì
Rớt rảo cùng cực
Kuôn thước còn chi

29. Khế tâm bình đẳng
Sở tác câu tức
Hồ nghi tận tịnh
Chánh tín điều trực

Hợp tâm bình đẳng
Tạo tác cùng dừng
Nghi hoặc chẳng còn
Lòng tin chánh trực.

30. Nhất thiết bất lưu
Vô khả lý ức
Hư minh tự chiếu
Bất lao tâm lực

Tất cả chẳng còn
Không thể nhớ ghi
Rỗng rang tự chiếu
Chẳng lao tâm lực.

31. Phi tư lượng xứ
Thức tình nan trắc
Chơn như pháp giới
Vô tha vô tự

Trí chẳng thể suy
Tình thức khó dò
Pháp giới chơn như
Không đây không đó

32. Yếu cấp tương ưng
Duy ngôn bất nhị
Bất nhị giai đồng
Vô bất bao dung

Cần nhất tương ưng
Chỉ nói chẳng hai
Chẳng hai nên đồng
Không gì chẳng chứa

33. Thập phương trí giả
Giai nhập thủ tông
Tông phi xúc diên
Nhứt niệm vạn niên

Kẻ trí mười phương
Đều vào tông đó
Tông chẳng dài ngắn
Một niệm vạn năm

34. Vô tại bất tại
Thập phương mục tiền
Cực tiểu đồng đại
Vong tuyệt cảnh giới

Không còn chẳng còn
Mười phương trước mắt
Cực nhỏ đồng lớn
Quên sạch cảnh giới

35. Cực đại đồng tiểu
Bất kiến biên biểu
Hữu tức thị vô
Vô tức thị hữu

Cực lớn đồng nhỏ
Chẳng thấy ngăn mé
Có tức là không
Không tức là có

36. Nhược bất như thử
Tất bất tu thử
Nhất tức nhất thiết
Nhất thiết tức nhất

Vì chẳng như vậy
Chớ nên chần chờ
Một tức tất cả
Tất cả tức một.

37. Dẫn năng như thị
Hà lự bất tất
Tín tâm bất nhị
Bất nhị tín tâm

Nếu được như vậy
Lo gì chẳng xong
Tín Tâm chẳng hai
Chẳng hai Tín Tâm.

38. Ngôn ngữ đạo đoạn
Phi cổ lai kim

Lời nói dứt đạo
Chẳng xưa nay mai.

*

*

*

Phụ Lục III

Bản Đối Chiếu Các Tên Việt - Hoa - Nhật

<i>VIỆT</i>	<i>HOA</i>	<i>NHẬT</i>
<i>Ba Lãng</i>	<i>Pa-ling</i>	<i>Haryo</i>
<i>Ba Tiêu</i>	<i>Pa-chiao</i>	<i>Basho</i>
<i>Bách Trượng</i>	<i>Pai-chang</i>	<i>Hyakujo</i>
<i>Bách Linh</i>	<i>Pai-ling</i>	<i>Hyakurei</i>
<i>Bạch Vân</i>	<i>Pai-yun</i>	<i>Hakuun</i>
<i>Bảo Phúc</i>	<i>Pao-fu</i>	<i>Hokufu</i>
<i>Bảo Thọ</i>	<i>Pao-shou</i>	<i>Hoju</i>
<i>Bích Nham Tập</i>	<i>Pi-yên-chi</i>	<i>Hekiganshu</i>
<i>Càn Phong</i>	<i>Ch'ien-feng</i>	<i>Kembo</i>
<i>Cảnh Thanh</i>	<i>Ching-ch'ing</i>	<i>Kyosei</i>
<i>Cao Đình</i>	<i>Kao-t'ing</i>	<i>Kotei</i>
<i>Đại Đạt</i>	<i>Ta-t'a</i>	<i>Daidachi</i>
<i>Đại Diên</i>	<i>Ta-tien</i>	<i>Daiten</i>
<i>Đại Huệ</i>	<i>Ta-hui</i>	<i>Daie</i>
<i>Đại Ngụ</i>	<i>Ta-yu</i>	<i>Daigu</i>
<i>Đại Qui Sơn</i>	<i>Ta-kuei-shan</i>	<i>Daiisan</i>
<i>Đại Từ</i>	<i>Ta-t'zu</i>	<i>Daiji</i>
<i>Đại Tùy</i>	<i>Ta-sui</i>	<i>Daizui</i>

<i>Đam Nguyên</i>	<i>Tan-yuan</i>	<i>Tangen</i>
<i>Đan Hà</i>	<i>Tan-hsia</i>	<i>Tanka</i>
<i>Đạo Ngô</i>	<i>Tao-wu</i>	<i>Dogo</i>
<i>Đạo Thông</i>	<i>Tao-t'ung</i>	<i>Dotzu</i>
<i>Đầu Tử</i>	<i>T'ou-tzu</i>	<i>Toji</i>
<i>Địa Tạng</i>	<i>Ti-ts'ang</i>	<i>Jizo</i>
<i>Điền Đan</i>	<i>T'ien-tan</i>	<i>Dentan</i>
<i>Động Sơn</i>	<i>Tung-shan</i>	<i>Tozan</i>
<i>Đức Sơn</i>	<i>Tê-shan</i>	<i>Tokusan</i>
<i>Dược Sơn</i>	<i>Yueh-shan</i>	<i>Yakusan</i>
<i>Giáp Sơn</i>	<i>Chia-shan</i>	<i>Kassan</i>
<i>Hàn Sơn</i>	<i>Han-shan</i>	<i>Kanzan</i>
<i>Hàn Thoái Chi</i>	<i>Han-t'ui-chih</i>	<i>Kantaishi</i>
<i>Hoa Nghiêm</i>	<i>Hua-yen</i>	<i>Kegon</i>
<i>Hoàng Bá</i>	<i>Huang-po</i>	<i>Obaku</i>
<i>Hoàng Long</i>	<i>Huang-lung</i>	<i>Oryu</i>
<i>Hoằng Trí</i>	<i>Hung-chih</i>	<i>Wanshi</i>
<i>Hối Đường</i>	<i>Hui-t'ang</i>	<i>Kaido</i>
<i>Huệ Trung</i>	<i>Hui-chung</i>	<i>Echu</i>
<i>Hưng Hóa</i>	<i>Hsing-hua</i>	<i>Koke</i>
<i>Hương Nghiêm</i>	<i>Hsiang-yen</i>	<i>Kyogen</i>
<i>Hưu Tịnh</i>	<i>Hsiu-ching</i>	<i>Kyujo</i>
<i>Huyền Giác</i>	<i>Hsuan-chueh</i>	<i>Genkaku</i>
<i>Huyền Sa</i>	<i>Hsuan-sha</i>	<i>Gensha</i>

<i>Kế Triệt</i>	<i>Chi-ch'ê</i>	<i>Keitetsu</i>
<i>Khâm Sơn</i>	<i>Ch'in-shan</i>	<i>Kinzan</i>
<i>Khoan Trung</i>	<i>Huan-chung</i>	<i>Kanchu</i>
<i>Khổng Minh</i>	<i>K'ung-ming</i>	<i>Komei</i>
<i>Khổng Phu tử</i>	<i>K'ung-fu-tzu</i>	<i>Kofushi</i>
<i>La Sơn</i>	<i>Lo-shan</i>	<i>Razan</i>
<i>Lạc Phó</i>	<i>Lê-p'û</i>	<i>Kakufu</i>
<i>Lâm Tế</i>	<i>Lin-chi</i>	<i>Rinzai</i>
<i>Lão Tử</i>	<i>Lao-tzu</i>	<i>Roshi</i>
<i>Lỗ Tổ</i>	<i>Lu-tsu</i>	<i>Roso</i>
<i>Lợi Tung</i>	<i>Li-hsi</i>	<i>Risho</i>
<i>Long Nha</i>	<i>Lung-ya</i>	<i>Ryuge</i>
<i>Lục Cẩng</i>	<i>Liu-kêng</i>	<i>Rikuko</i>
<i>Ma Cốc</i>	<i>Ma-ku</i>	<i>Mayoku</i>
<i>Mã Tổ</i>	<i>Ma-tsu</i>	<i>Baso</i>
<i>Mân Vương</i>	<i>Min-wang</i>	<i>Bin 'o</i>
<i>Mục Châu</i>	<i>Mu-chou</i>	<i>Bokushu</i>
<i>Nam Nhạc</i>	<i>Nan-yueh</i>	<i>Nangaku</i>
<i>Nam Tuyền</i>	<i>Nan-ch'uan</i>	<i>Nansen</i>
<i>Nghĩa Trung</i>	<i>I-chung</i>	<i>Gichu</i>
<i>Ngũ Tổ</i>	<i>Wu-tsu</i>	<i>Goso</i>
<i>Ngưỡng Sơn</i>	<i>Yang-shan</i>	<i>Gyozan</i>
<i>Nham Đầu</i>	<i>Yên-t'ou</i>	<i>Gento</i>
<i>Phản Dương</i>	<i>Fên-yang</i>	<i>Funyo</i>

<i>Pháp Nhãn</i>	<i>Fa-yên</i>	<i>Hogen</i>
<i>Phì Điền</i>	<i>Fei-t'ien</i>	<i>Hidden</i>
<i>Quách</i>	<i>K'uo</i>	<i>Kaku</i>
<i>Quách Am</i>	<i>K'uo-an</i>	<i>Kakuan</i>
<i>Quán Khuê</i>	<i>Kuan-ch'i</i>	<i>Kankei</i>
<i>Quang</i>	<i>Kuang</i>	<i>Ko</i>
<i>Qui Sơn</i>	<i>Kuei-shan</i>	<i>Isan</i>
<i>Tam Thánh</i>	<i>San-shêng</i>	<i>Sansho</i>
<i>Tào Sơn</i>	<i>Ts'ao-shan</i>	<i>Sozan</i>
<i>Thạch Đầu</i>	<i>Shih-t'ou</i>	<i>Sekito</i>
<i>Thạch Sương</i>	<i>Shih-shuang</i>	<i>Sekiso</i>
<i>Thái Tông</i>	<i>T'ai-tsung</i>	<i>Taishu</i>
<i>Tham Đồng Khế</i>	<i>San-t'ung-ch'i</i>	<i>Sandokai</i>
<i>Thiên Đồng</i>	<i>T'ien-t'ung</i>	<i>Tendo</i>
<i>Thiền Nguyệt</i>	<i>Ch'an -yueh</i>	<i>Zengetu</i>
<i>Thiền Sơn</i>	<i>Shao-shan</i>	<i>Shozan</i>
<i>Thù Du</i>	<i>Chu-yu</i>	<i>Shuyu</i>
<i>Thung Dung Lục</i>	<i>Ts'ung-yung-lu</i>	<i>Shoyoroku</i>
<i>Thúy Nham</i>	<i>Ts'ui-yen</i>	<i>Suigan</i>
<i>Tiệm Nguyên</i>	<i>Ch'ien-yuan</i>	<i>Zengen</i>
<i>Tín Tâm Minh</i>	<i>Hsin-hsin-ming</i>	<i>Shinjinmei</i>
<i>Trần Tháo</i>	<i>Ch'en-ts'ao</i>	<i>Chinso</i>
<i>Triệu Châu</i>	<i>Chao-chou</i>	<i>Joshu</i>
<i>Triệu Xương</i>	<i>Chao-ch'ang</i>	<i>Joshu</i>

<i>Trung Đạt</i>	<i>Chung-t'a</i>	<i>Chudatsu</i>
<i>Trung quốc sư</i>	<i>Chung-kuo-shih</i>	<i>Chugokushi</i>
<i>Trường Khánh</i>	<i>Chang-ch'ing</i>	<i>Chokei</i>
<i>Trường Sinh</i>	<i>Chang-sheng</i>	<i>Chosei</i>
<i>Tử Hồ</i>	<i>Tzu-ho</i>	<i>Shiko</i>
<i>Tư Mã Đẩu Đà</i>	<i>Ssu-ma T'ou-t'o</i>	<i>Shiba Zuda</i>
<i>Từ Minh</i>	<i>T'zu-ming</i>	<i>Jimyo</i>
<i>Tuyệt Đậu</i>	<i>Hsueh-tou</i>	<i>Setcho</i>
<i>Tuyệt Phong</i>	<i>Hsueh-feng</i>	<i>Seppo</i>
<i>Ứng Chơn</i>	<i>Ying-chên</i>	<i>Oshin</i>
<i>Vân Cư</i>	<i>Yun-chu</i>	<i>Unko</i>
<i>Vân Môn</i>	<i>Yun-mên</i>	<i>Ummon</i>
<i>Vân Nham</i>	<i>Yun-yên</i>	<i>Ungan</i>
<i>Vân Phong</i>	<i>Yun-fêng</i>	<i>Umpo</i>
<i>Viên Ngộ</i>	<i>Yuan-wu</i>	<i>Engo</i>
<i>Vô Nghiệp</i>	<i>Wu-yeh</i>	<i>Mugo</i>
<i>Vu Dịch</i>	<i>Yu-ti</i>	<i>Uteki</i>

HOA

NHẬT

VIỆT

<i>Ch'an -yueh</i>	<i>Zengetu</i>	<i>Thiền Nguyệt</i>
<i>Ch'en-ts'ao</i>	<i>Chinso</i>	<i>Trần Tháo</i>
<i>Ch'ien-feng</i>	<i>Kembo</i>	<i>Càn Phong</i>

<i>Ch'ien-yuan</i>	<i>Zengen</i>	<i>Tiệm Nguyên</i>
<i>Ch'in-shan</i>	<i>Kinzan</i>	<i>Khâm Sơn</i>
<i>Chang-ch'ing</i>	<i>Chokei</i>	<i>Trưởng Khánh</i>
<i>Chang-sheng</i>	<i>Chosei</i>	<i>Trưởng Sinh</i>
<i>Chao-ch'ang</i>	<i>Josho</i>	<i>Triệu Xương</i>
<i>Chao-chou</i>	<i>Joshu</i>	<i>Triệu Châu</i>
<i>Chia-shan</i>	<i>Kassan</i>	<i>Giáp Sơn</i>
<i>Chi-ch'ê</i>	<i>Keitetsu</i>	<i>Kế Triệt</i>
<i>Ching-ch'ing</i>	<i>Kyosei</i>	<i>Cảnh Thanh</i>
<i>Chung-kuo-shih</i>	<i>Chugokushi</i>	<i>Trung quốc sư</i>
<i>Chung-t'a</i>	<i>Chudatsu</i>	<i>Trung Đạt</i>
<i>Chu-yu</i>	<i>Shuyu</i>	<i>Thù Du</i>
<i>Fa-yên</i>	<i>Hogen</i>	<i>Pháp Nhãn</i>
<i>Fei-t'ien</i>	<i>Hiden</i>	<i>Phì Điền</i>
<i>Fên-yang</i>	<i>Funyo</i>	<i>Phản Dương</i>
<i>Han-shan</i>	<i>Kanzan</i>	<i>Hàn Sơn</i>
<i>Han-t'ui-chih</i>	<i>Kantaishi</i>	<i>Hàn Thoái Chi</i>
<i>Hsiang-yen</i>	<i>Kyogen</i>	<i>Hương Nghiêm</i>
<i>Hsing-hua</i>	<i>Koke</i>	<i>Hưng Hóa</i>
<i>Hsin-hsin-ming</i>	<i>Shinjinmei</i>	<i>Tín Tâm Minh</i>
<i>Hsiu-ching</i>	<i>Kyujo</i>	<i>Hữu Tịnh</i>
<i>Hsuan-chueh</i>	<i>Genkaku</i>	<i>Huyền Giác</i>
<i>Hsuan-sha</i>	<i>Gensha</i>	<i>Huyền Sa</i>
<i>Hsueh-feng</i>	<i>Seppo</i>	<i>Tuyết Phong</i>

<i>Hsueh-tou</i>	<i>Setcho</i>	<i>Tuyết Đậu</i>
<i>Huan-chung</i>	<i>Kanchu</i>	<i>Khoan Trung</i>
<i>Huang-lung</i>	<i>Oryu</i>	<i>Hoàng Long</i>
<i>Huang-po</i>	<i>Obaku</i>	<i>Hoàng Bá</i>
<i>Hua-yen</i>	<i>Kegon</i>	<i>Hoa Nghiêm</i>
<i>Hui-chung</i>	<i>Echu</i>	<i>Huệ Trung</i>
<i>Hui-t'ang</i>	<i>Kaido</i>	<i>Hối Đường</i>
<i>Hung-chih</i>	<i>Wanshi</i>	<i>Hoàng Trí</i>
<i>I-chung</i>	<i>Gichu</i>	<i>Nghĩa Trung</i>
<i>K'ung-fu-tzu</i>	<i>Kofushi</i>	<i>Khổng Phu tử</i>
<i>K'ung-ming</i>	<i>Komei</i>	<i>Khổng Minh</i>
<i>K'uo</i>	<i>Kaku</i>	<i>Quách</i>
<i>K'uo-an</i>	<i>Kakuan</i>	<i>Quách Am</i>
<i>Kao-t'ing</i>	<i>Kotei</i>	<i>Cao Đình</i>
<i>Kuan-ch'i</i>	<i>Kankei</i>	<i>Quán Khuê</i>
<i>Kuang</i>	<i>Ko</i>	<i>Quang</i>
<i>Kuei-shan</i>	<i>Isan</i>	<i>Qui Sơn</i>
<i>Lao-tzu</i>	<i>Roshi</i>	<i>Lão Tử</i>
<i>Lê-p'u</i>	<i>Kakufu</i>	<i>Lạc Phó</i>
<i>Li-hsi</i>	<i>Risho</i>	<i>Lợi Tung</i>
<i>Lin-chi</i>	<i>Rinzai</i>	<i>Lâm Tế</i>
<i>Liu-kêng</i>	<i>Rikuko</i>	<i>Lục Cẩng</i>
<i>Lo-shan</i>	<i>Razan</i>	<i>La Sơn</i>
<i>Lung-ya</i>	<i>Ryuge</i>	<i>Long Nha</i>

<i>Lu-tsu</i>	<i>Roso</i>	<i>Lỗ Tổ</i>
<i>Ma-ku</i>	<i>Mayoku</i>	<i>Ma Cốc</i>
<i>Ma-tsu</i>	<i>Baso</i>	<i>Mã Tổ</i>
<i>Min-wang</i>	<i>Bin 'o</i>	<i>Mân Vương</i>
<i>Mu-chou</i>	<i>Bokushu</i>	<i>Mục Châu</i>
<i>Nan-ch'uan</i>	<i>Nansen</i>	<i>Nam Tuyền</i>
<i>Nan-yueh</i>	<i>Nangaku</i>	<i>Nam Nhạc</i>
<i>Pa-chiao</i>	<i>Basho</i>	<i>Ba Tiêu</i>
<i>Pai-chang</i>	<i>Hyakujo</i>	<i>Bá Trượng</i>
<i>Pai-ling</i>	<i>Hyakurei</i>	<i>Bách Linh</i>
<i>Pai-yun</i>	<i>Hakuun</i>	<i>Bạch Vân</i>
<i>Pa-ling</i>	<i>Haryo</i>	<i>Ba Lăng</i>
<i>Pao-fu</i>	<i>Hokufu</i>	<i>Bảo Phúc</i>
<i>Pao-shou</i>	<i>Hoju</i>	<i>Bảo Thọ</i>
<i>Pi-yên-chi</i>	<i>Hekiganshu</i>	<i>Bích Nham Tập</i>
<i>San-shêng</i>	<i>Sansho</i>	<i>Tam Thánh</i>
<i>San-t'ung-ch'i</i>	<i>Sandokai</i>	<i>Tham Đồng Khê</i>
<i>Shao-shan</i>	<i>Shozan</i>	<i>Thiếu Sơn</i>
<i>Shih-shuang</i>	<i>Sekiso</i>	<i>Thạch Sương</i>
<i>Shih-t'ou</i>	<i>Sekito</i>	<i>Thạch Đầu</i>
<i>Ssu-ma T'ou-t'o</i>	<i>Shiba Zuda</i>	<i>Tư Mã Đầu Đà</i>
<i>T'ai-tsung</i>	<i>Taishu</i>	<i>Thái Tông</i>
<i>T'ien-t'ung</i>	<i>Tendo</i>	<i>Thiên Đồng</i>
<i>T'ien-tan</i>	<i>Dentan</i>	<i>Điền Đan</i>

<i>T'ou-tzu</i>	<i>Toji</i>	<i>Đầu Tử</i>
<i>T'zu-ming</i>	<i>Jimyo</i>	<i>Từ Minh</i>
<i>Ta-hui</i>	<i>Daie</i>	<i>Đại Huệ</i>
<i>Ta-kuei-shan</i>	<i>Daiisan</i>	<i>Đại Qui Sơn</i>
<i>Tan-hsia</i>	<i>Tanka</i>	<i>Đan Hà</i>
<i>Tan-yuan</i>	<i>Tangen</i>	<i>Đam Nguyên</i>
<i>Tao-t'ung</i>	<i>Dotzu</i>	<i>Đạo Thông</i>
<i>Tao-wu</i>	<i>Dogo</i>	<i>Đạo Ngô</i>
<i>Ta-sui</i>	<i>Daizui</i>	<i>Đại Tùy</i>
<i>Ta-t'a</i>	<i>Daidachi</i>	<i>Đại Đạt</i>
<i>Ta-t'zu</i>	<i>Daiji</i>	<i>Đại Từ</i>
<i>Ta-tien</i>	<i>Daiten</i>	<i>Đại Điền</i>
<i>Ta-yu</i>	<i>Daigu</i>	<i>Đại Ngụ</i>
<i>Tê-shan</i>	<i>Tokusan</i>	<i>Đức Sơn</i>
<i>Ti-ts'ang</i>	<i>Jizo</i>	<i>Địa Tạng</i>
<i>Ts'ao-shan</i>	<i>Sozan</i>	<i>Tào Sơn</i>
<i>Ts'ui-yen</i>	<i>Suigan</i>	<i>Thủy Nham</i>
<i>Ts'ung-yung-lu</i>	<i>Shoyoroku</i>	<i>Thung Dung Lục</i>
<i>Tung-shan</i>	<i>Tozan</i>	<i>Động Sơn</i>
<i>Tzu-ho</i>	<i>Shiko</i>	<i>Tử Hồ</i>
<i>Wu-tsu</i>	<i>Goso</i>	<i>Ngũ Tổ</i>
<i>Wu-yeh</i>	<i>Mugo</i>	<i>Vô Nghiệp</i>
<i>Yang-shan</i>	<i>Gyozan</i>	<i>Ngưỡng Sơn</i>
<i>Yên-t'ou</i>	<i>Gento</i>	<i>Nham Đầu</i>

<i>Ying-chên</i>	<i>Oshin</i>	<i>Ứng Chơn</i>
<i>Yuan-wu</i>	<i>Engo</i>	<i>Viên Ngộ</i>
<i>Yueh-shan</i>	<i>Yakusan</i>	<i>Dược Sơn</i>
<i>Yun-chu</i>	<i>Unko</i>	<i>Vân Cư</i>
<i>Yun-fêng</i>	<i>Umpo</i>	<i>Vân Phong</i>
<i>Yun-mên</i>	<i>Ummon</i>	<i>Vân Môn</i>
<i>Yun-yên</i>	<i>Ungan</i>	<i>Vân Nham</i>
<i>Yu-ti</i>	<i>Uteki</i>	<i>Vu Địch</i>

<i>NHẬT</i>	<i>HOA</i>	<i>VIỆT</i>
<i>Basho</i>	<i>Pa-chiao</i>	<i>Ba Tiêu</i>
<i>Baso</i>	<i>Ma-tsu</i>	<i>Mã Tổ</i>
<i>Bin'ô</i>	<i>Min-wang</i>	<i>Mân Vương</i>
<i>Bokushu</i>	<i>Mu-chou</i>	<i>Mục Châu</i>
<i>Chinso</i>	<i>Ch'en-ts'ao</i>	<i>Trần Tháo</i>
<i>Chokei</i>	<i>Chang-ch'ing</i>	<i>Trường Khánh</i>
<i>Chosei</i>	<i>Chang-sheng</i>	<i>Trường Sinh</i>
<i>Chudatsu</i>	<i>Chung-t'a</i>	<i>Trung Đạt</i>
<i>Chugokushi</i>	<i>Chung-kuo-shih</i>	<i>Trung quốc sư</i>
<i>Daidachi</i>	<i>Ta-t'a</i>	<i>Đại Đạt</i>
<i>Daie</i>	<i>Ta-hui</i>	<i>Đại Huệ</i>
<i>Daigu</i>	<i>Ta-yu</i>	<i>Đại Ngu</i>
<i>Daiisan</i>	<i>Ta-kuei-shan</i>	<i>Đại Qui Sơn</i>

<i>Daiji</i>	<i>Ta-t'zu</i>	<i>Đại Từ</i>
<i>Daiten</i>	<i>Ta-tien</i>	<i>Đại Điền</i>
<i>Daizui</i>	<i>Ta-sui</i>	<i>Đại Tùy</i>
<i>Dentan</i>	<i>T'ien-tan</i>	<i>Điền Đan</i>
<i>Dogo</i>	<i>Tao-wu</i>	<i>Đạo Ngô</i>
<i>Dotzu</i>	<i>Tao-t'ung</i>	<i>Đạo Thông</i>
<i>Echu</i>	<i>Hui-chung</i>	<i>Huệ Trung</i>
<i>Engo</i>	<i>Yuan-wu</i>	<i>Viên Ngô</i>
<i>Funyo</i>	<i>Fên-yang</i>	<i>Phân Dương</i>
<i>Genkaku</i>	<i>Hsuan-chueh</i>	<i>Huyền Giác</i>
<i>Gensha</i>	<i>Hsuan-sha</i>	<i>Huyền Sa</i>
<i>Gento</i>	<i>Yên-t'ou</i>	<i>Nham Đầu</i>
<i>Gichu</i>	<i>I-chung</i>	<i>Nghĩa Trung</i>
<i>Goso</i>	<i>Wu-tsu</i>	<i>Ngũ Tổ</i>
<i>Gyozan</i>	<i>Yang-shan</i>	<i>Ngưỡng Sơn</i>
<i>Hakuun</i>	<i>Pai-yun</i>	<i>Bạch Vân</i>
<i>Haryo</i>	<i>Pa-ling</i>	<i>Ba Lăng</i>
<i>Hekiganshu</i>	<i>Pi-yên-chi</i>	<i>Bích Nham Tập</i>
<i>Hiden</i>	<i>Fei-t'ien</i>	<i>Phì Điền</i>
<i>Hogen</i>	<i>Fa-yên</i>	<i>Pháp Nhãn</i>
<i>Hoju</i>	<i>Pao-shou</i>	<i>Bảo Thọ</i>
<i>Hokufu</i>	<i>Pao-fu</i>	<i>Bảo Phúc</i>
<i>Hyakujo</i>	<i>Pai-chang</i>	<i>Bá Trượng</i>
<i>Hyakurei</i>	<i>Pai-ling</i>	<i>Bách Linh</i>

<i>Isan</i>	<i>Kuei-shan</i>	<i>Qui Sơn</i>
<i>Jimyo</i>	<i>T'zu-ming</i>	<i>Từ Minh</i>
<i>Jizo</i>	<i>Ti-ts'ang</i>	<i>Địa Tạng</i>
<i>Joshō</i>	<i>Chao-ch'ang</i>	<i>Triệu Xương</i>
<i>Joshu</i>	<i>Chao-chou</i>	<i>Triệu Châu</i>
<i>Kaido</i>	<i>Hui-t'ang</i>	<i>Hối Đường</i>
<i>Kaku</i>	<i>K'uo</i>	<i>Quách</i>
<i>Kakuan</i>	<i>K'uo-an</i>	<i>Quách Am</i>
<i>Kakufu</i>	<i>Lê-p'u</i>	<i>Lạc Phổ</i>
<i>Kanchu</i>	<i>Huan-chung</i>	<i>Khoan Trung</i>
<i>Kankei</i>	<i>Kuan-ch'i</i>	<i>Quán Khuê</i>
<i>Kantaishi</i>	<i>Han-t'ui-chih</i>	<i>Hàn Thoái Chi</i>
<i>Kanzan</i>	<i>Han-shan</i>	<i>Hàn Sơn</i>
<i>Kassan</i>	<i>Chia-shan</i>	<i>Giáp Sơn</i>
<i>Kegon</i>	<i>Hua-yen</i>	<i>Hoa Nghiêm</i>
<i>Keitetsu</i>	<i>Chi-ch'ê</i>	<i>Kế Triệt</i>
<i>Kembo</i>	<i>Ch'ien-feng</i>	<i>Càn Phong</i>
<i>Kinzan</i>	<i>Ch'in-shan</i>	<i>Khâm Sơn</i>
<i>Ko</i>	<i>Kuang</i>	<i>Quang</i>
<i>Kofushi</i>	<i>K'ung-fu-tzu</i>	<i>Khổng Phu tử</i>
<i>Koke</i>	<i>Hsing-hua</i>	<i>Hưng Hóa</i>
<i>Komei</i>	<i>K'ung-ming</i>	<i>Khổng Minh</i>
<i>Kotei</i>	<i>Kao-t'ing</i>	<i>Cao Đình</i>
<i>Kyogen</i>	<i>Hsiang-yen</i>	<i>Hương Nghiêm</i>

<i>Kyosei</i>	<i>Ching-ch'ing</i>	<i>Cảnh Thanh</i>
<i>Kyujō</i>	<i>Hsiu-ching</i>	<i>Hưu Tịnh</i>
<i>Mayoku</i>	<i>Ma-ku</i>	<i>Ma Cốc</i>
<i>Mugo</i>	<i>Wu-yeh</i>	<i>Vô Nghiệp</i>
<i>Nangaku</i>	<i>Nan-yueh</i>	<i>Nam Nhạc</i>
<i>Nansen</i>	<i>Nan-ch'uan</i>	<i>Nam Tuyền</i>
<i>Obaku</i>	<i>Huang-po</i>	<i>Hoàng Bá</i>
<i>Oryu</i>	<i>Huang-lung</i>	<i>Hoàng Long</i>
<i>Oshin</i>	<i>Ying-chên</i>	<i>Ứng Chơn</i>
<i>Razan</i>	<i>Lo-shan</i>	<i>La Sơn</i>
<i>Rikuko</i>	<i>Liu-kêng</i>	<i>Lục Cẩng</i>
<i>Rinzai</i>	<i>Lin-chi</i>	<i>Lâm Tế</i>
<i>Risho</i>	<i>Li-hsi</i>	<i>Lợi Tung</i>
<i>Roshi</i>	<i>Lao-tzu</i>	<i>Lão Tử</i>
<i>Roso</i>	<i>Lu-tsu</i>	<i>Lỗ Tổ</i>
<i>Ryuge</i>	<i>Lung-ya</i>	<i>Long Nha</i>
<i>Sandokai</i>	<i>San-t'ung-ch'i</i>	<i>Tham Đồng Khê</i>
<i>Sansho</i>	<i>San-shêng</i>	<i>Tam Thánh</i>
<i>Sekiso</i>	<i>Shih-shuang</i>	<i>Thạch Sương</i>
<i>Sekito</i>	<i>Shih-t'ou</i>	<i>Thạch Đầu</i>
<i>Seppo</i>	<i>Hsueh-feng</i>	<i>Tuyết Phong</i>
<i>Setcho</i>	<i>Hsueh-tou</i>	<i>Tuyết Đầu</i>
<i>Shiba Zuda</i>	<i>Ssu-ma T'ou-t'ô</i>	<i>Tư Mã Đầu Đà</i>
<i>Shiko</i>	<i>Tzu-ho</i>	<i>Tử Hồ</i>

<i>Shinjinmei</i>	<i>Hsin-hsin-ming</i>	<i>Tín Tâm Minh</i>
<i>Shoyoroku</i>	<i>Ts'ung-yung-lu</i>	<i>Thung Dung Lục</i>
<i>Shozan</i>	<i>Shao-shan</i>	<i>Thiếu Sơn</i>
<i>Shuyu</i>	<i>Chu-yu</i>	<i>Thù Du</i>
<i>Sozan</i>	<i>Ts'ao-shan</i>	<i>Tào Sơn</i>
<i>Suigan</i>	<i>Ts'ui-yen</i>	<i>Thúy Nham</i>
<i>Taishu</i>	<i>T'ai-tsung</i>	<i>Thái Tông</i>
<i>Tangen</i>	<i>Tan-yuan</i>	<i>Đam Nguyên</i>
<i>Tanka</i>	<i>Tan-hsia</i>	<i>Đan Hà</i>
<i>Tendo</i>	<i>T'ien-t'ung</i>	<i>Thiên Đồng</i>
<i>Toji</i>	<i>T'ou-tzu</i>	<i>Đầu Tử</i>
<i>Tokusan</i>	<i>Tê-shan</i>	<i>Đức Sơn</i>
<i>Tozan</i>	<i>Tung-shan</i>	<i>Động Sơn</i>
<i>Ummon</i>	<i>Yun-mên</i>	<i>Vân Môn</i>
<i>Umpo</i>	<i>Yun-fêng</i>	<i>Vân Phong</i>
<i>Ungan</i>	<i>Yun-yên</i>	<i>Vân Nham</i>
<i>Unko</i>	<i>Yun-chu</i>	<i>Vân Cư</i>
<i>Uteki</i>	<i>Yu-ti</i>	<i>Vu Dịch</i>
<i>Wanshi</i>	<i>Hung-chih</i>	<i>Hoàng Trí</i>
<i>Yakusan</i>	<i>Yueh-shan</i>	<i>Dược Sơn</i>
<i>Zengen</i>	<i>Ch'ien-yuan</i>	<i>Tiệm Nguyên</i>
<i>Zengetu</i>	<i>Ch'an -yueh</i>	<i>Thiền Nguyệt</i>

*

*

*

